

Mỹ. Sở dĩ chúng tôi thắng trận này vì yếu tố yêu nước, yêu CNXH. Yếu tố tinh thần là cơ bản nhất của sức mạnh chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam và nghệ thuật quân sự của chúng tôi rất sáng tạo, chúng tôi đã bắt ngài đánh theo cách đánh của chúng tôi.

Trong cuộc tranh luận này, lúc đầu Ha-rôn Mo còn hoài nghi nhưng đến khi Thượng tướng Nguyễn Hữu An rút trong cặp ra tấm sơ đồ trận đánh la Đrăng mà đồng chí còn giữ được để làm kỷ niệm và tiếp tục phân tích cụ thể diễn biến toàn bộ trận đánh thì Ha-rôn Mo mới thực sự nói những lời như sấm hổi: "Bộ đội các ông thật tuyệt vời!", và thừa nhận Mỹ đã thua về chiến lược và chiến thuật.

Qua cuộc hội ngộ giữa những người chỉ huy từ hai phía cuộc chiến càng chứng tỏ sức mạnh của cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam là vô địch. Người Việt Nam luôn luôn có tấm lòng nhân ái, bao dung, họ sẵn sàng gặp và đối thoại với những kẻ đã từng là đối địch để ta nói rõ với họ những gì họ đã gây ra tổn thất và đau thương cho nhân dân Việt Nam trước đây và họ tự rút ra bài học là không bao giờ lặp lại bài học xâm lược Việt Nam của thực dân và đế quốc lần thứ hai.

Ha-rôn Mo còn ôm ấp nguyện vọng muốn trở lại thăm chiến trường xưa-thung lũng la Đrăng mà tiểu đoàn của ông ta đã bị Quân đội nhân dân Việt Nam đánh thiệt hại nặng và một tiểu đoàn khác của bạn ông là Mê-đen bị tiêu diệt.

Chiến thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam ở thung lũng la Đrăng đến nay đã 40 năm. Đã có nhiều người, nhiều cơ quan báo chí và thông tin đại chúng phía Mỹ và ta nói tới trận la Đrăng. Là một nhân chứng của trận đánh thung lũng la Đrăng và hơn 10 năm trực tiếp đánh Mỹ, tôi chỉ muốn nói lên đôi điều cảm nhận sâu sắc nhất:

- Đế quốc Mỹ, dù ngoan cố và phản động đến đâu, nhưng khi "đòn" đã thấm thì phải chịu thua và buộc phải rút quân xâm lược của chúng ra khỏi Việt Nam.

- Yếu tố cơ bản nhất để tạo thành sức mạnh chiến thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam là công tác Đảng, công tác chính trị với 4 nội dung cơ bản:

Một là, xây dựng Đảng vững mạnh, trong sạch từ cấp cao của chiến dịch đến đảng bộ và chi bộ cơ sở. Nội dung vững mạnh trong sạch bao gồm: Kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; loại trừ ra khỏi Đảng, ra khỏi chiến trường mọi phần tử cơ hội chính trị, thực dụng, dao động đường lối và thiếu lòng tin vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, tham nhũng, suy thoái đạo đức, lối sống, quan liêu, xa rời quần chúng. Phải có cơ chế Đảng lãnh đạo quân đội phù hợp với bản chất quân đội cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nội dung của cơ chế Đảng lãnh đạo quân đội là: Đảng ủy (cấp ủy) tập thể lãnh đạo; Người chỉ huy và chính ủy phân công, phối hợp tổ chức thực hiện các nghị quyết của cấp ủy và mệnh lệnh của cấp trên, bảo đảm Đảng lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt.

Hai là, thường xuyên giáo dục lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, làm cho cán bộ, chiến sĩ có ý chí chiến đấu cao, quyết chiến quyết thắng mọi kẻ thù; có động cơ chiến đấu rõ ràng, phân biệt rõ ràng địch ta, phải trái.

Ba là, công tác Đảng-công tác chính trị phải đi sâu vào chiến kỹ thuật, thủ đoạn chiến đấu của địch, thủ đoạn chiến dịch và động viên giáo dục phải chiến thắng kỹ thuật của kẻ địch. Người chiến sĩ khi ra trận mà không đánh bại được chiến thuật, kỹ thuật và biện pháp chiến dịch của địch thì dù có diệt được nhiều địch chúng vẫn chưa chịu thua (chiến thắng trận la Đrăng đã nói rõ điều này).

Bốn là, xây dựng mối quan hệ máu thịt giữa quân đội và nhân dân trong cả nước nói chung, ở chiến trường nói riêng, đặc biệt là động viên tổ chức nhân dân giúp đỡ và phối hợp chiến đấu với quân đội. Ở chiến trường Tây Nguyên, suốt hai cuộc chiến tranh chống Pháp, quân và dân Tây Nguyên đã giành thắng lợi có ý nghĩa chính trị-chiến lược, trong Đông Xuân 1953-1954, góp phần buộc thực dân Pháp phải ký hiệp định Giơ-ne-vơ (7-1954), giải phóng hoàn toàn miền Bắc. Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, ta đã đánh trận đầu ở thung lũng la Đrăng, làm cho đế quốc Mỹ dao động từ đầu, thấy rằng không thể dùng vũ trang để thắng được Việt Nam và 10 năm sau đã đánh đòn đột phá vào Buôn Ma Thuột, giải phóng Tây Nguyên và cùng cả nước giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (30-4-1975).

Công tác Đảng, công tác chính trị với 4 nội dung cơ bản như đã nói ở trên mãi mãi

là yếu tố quyết định sức mạnh để chiến thắng mọi kẻ thù.



TOP

Thượng tướng NGUYEN NAM KHANH

Lấy pháo địch, đánh địch

Ngày 26 tháng 11 năm 2005

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chỉ từ năm 1972 đến năm 1975 Đoàn Sao Vàng đã bảy lần lấy pháo địch, đánh địch.

Ngày 27-4-1972, trong trận tiến công địch ở quận lỵ Hoài Ân, sư đoàn thu được 2 khẩu 105mm và nhiều đạn pháo của địch, nhưng các bộ phận quan trọng của pháo đã bị địch phá, tháo gỡ trước khi rút chạy, cả hai khẩu đều không có kính ngắm. Mặc dù trời tối, song tận dụng ánh sáng đèn dù của địch, đơn vị đã tích cực tìm kiếm xung quanh trận địa, cuối cùng thu lấp được một khẩu pháo hoàn chỉnh. Trưa hôm sau, ta chiếm được quận lỵ Hoài Ân, thu và lắp hoàn chỉnh thêm một khẩu 105mm nữa. Từ đó tiểu đoàn 17 pháo binh của đoàn có thêm một loại pháo mới-đại đội pháo 105mm gồm hai khẩu.

Ngày 1-5-1972, trong trận tiến công căn cứ Trung đoàn 40, Sư đoàn 22 nguy ở Đệ Đức, đại đội pháo 105mm đã bắn trúng mục tiêu của địch ngay từ loạt đạn đầu, chi viện kịp thời cho bộ binh tiến công. Trận đánh giành thắng lợi, đơn vị lại thu thêm một số khẩu pháo 105mm và hàng nghìn quả đạn pháo.

Xuân hè năm 1974, trong trận đánh Núi Nùng, đường số 1A, đoàn chiếm được trận địa pháo 105mm của địch ở đồi Chóp Vung, trong đó có hai khẩu bị ta bắn hỏng lớp. Bất chấp pháo binh địch nơi khác bắn đến, cán bộ, chiến sĩ ta đã bình tĩnh thay hai lớp pháo và đưa toàn bộ số pháo thu được trở về hậu cứ trước khi trời sáng.

Trong chiến dịch Tây Nguyên năm 1975, ngày 4-3, khi tiến công Trung đoàn 47, Sư đoàn 22 nguy ở Trường Ôi, Định Quang, đoàn chiếm được trận địa pháo 105mm (hai khẩu) ở điểm chốt Cột Cờ và khẩn trương thu pháo, kéo pháo về phía sau.

Ngày 22-3, Trung đoàn 12 của đoàn nổ súng tiến công địch ở quận lỵ An Khê và chiếm được một trận địa pháo 155mm và 105mm. Đây là lần đầu tiên ta lấy được pháo 155mm của địch, để rồi chính những khẩu pháo này, ngày 23-3 ta đã bắn trúng mục tiêu của địch ở quận lỵ Phú Phong, chi viện cho bộ binh đánh trận cuối cùng loại Sư đoàn 22 nguy khỏi vòng chiến đấu, góp phần giải phóng Quy Nhơn, Bình Định.

Ngày 14-4-1975, đoàn tiến công vào tuyến phòng thủ của địch ở Ninh Thuận. Pháo binh của đoàn chi viện có hiệu quả cho bộ binh đột phá tiêu diệt Liên đoàn biệt động quân số 31 và Lữ đoàn dù số 2 từ quận Du Long đến Kiên Kiên, Ba Tháp, sau đó tiến công sân bay Thánh Sơn và thị xã Phan Rang. Sau 3 ngày chiến đấu, quân ta giải phóng hoàn toàn Ninh Thuận, thu thêm nhiều pháo, đạn của địch, nâng số đầu khẩu pháo xe kéo lên tới 16 khẩu và số lượng lớn đạn pháo bước vào chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Trong chiến dịch này, ngày 26-4, pháo binh của sư đoàn đã chi viện có hiệu quả cho sư đoàn tiến công quận lỵ Đức Thanh và thị xã Bà Rịa; ngày 29 và 30-4 chi viện cho bộ binh tiến công thành phố Vũng Tàu.

Vậy là, kể từ cuộc tiến công chiến lược năm 1972 đến cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, pháo binh của đoàn từ một tiểu đoàn pháo mang vác đã phát triển lên thành một trung đoàn pháo xe kéo, trong đó có 20 khẩu (chiếm 80% số pháo của trung đoàn) và 8.273 quả đạn pháo (chiếm 70% tổng số đạn đã sử dụng) là do lấy được của địch. Sức mạnh chiến đấu của sư đoàn được nâng lên, góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Dân quân Sơn Giang vây biệt kích

Ngày 03 tháng 12 năm 2005

Đầu thập kỷ năm 1960, để thực hiện ý đồ đánh phá miền Bắc, ngăn chặn tuyến chi viện chiến lược trên Trường Sơn. Mỹ-ngụy đã tung nhiều toán biệt kích ra hoạt động ở khu vực Hà Tĩnh, Nghệ An. Khu vực xã Sơn Giang (Hương Sơn, Hà Tĩnh) là một trong những địa điểm bán sơn địa có khả năng để ẩn nấp, lại có nhiều đường vận chuyển của ta, nên được bọn biệt kích nhảy dù xuống chọn làm "cứ địa" và thực hành các hoạt động đánh phá. Đêm 20-6-1963, trời tối âm u. Người dân trong xã đã yên giấc sau một ngày làm việc mệt nhọc. Chỉ có trạm gác của các chiến sĩ dân quân Sơn Giang là vẫn còn người thức. Cả xã có 120 dân quân biên chế thành 3 trung đội, trực chiến 24/24 giờ trong ngày. Trước đó, xã đội trưởng Nguyễn Thông đã phát hiện thấy địch cho máy bay trinh sát nhiều lần bay ra địa bàn xã nên anh nhận định có khả năng địch muốn thả biệt kích xuống địa bàn xã mình. Anh thường xuyên nhắc nhở các trung đội dân quân lập tức cơ động về hướng mục tiêu. 1 giờ sáng, các bộ phận đã thực hành chốt chặn các ngã đường trọng yếu, kiên quyết không để bọn biệt kích lọt sang địa bàn khác. Huyện đội Hương Sơn nhận được tin báo cũng cử ngay lực lượng xuống phối hợp với dân quân xã để bắt biệt kích. Lực lượng làm nhiệm vụ tiên công cơ động khép chặt vòng vây. Chỉ ít phút sau, anh em dân quân đã bắt gọn 3 tên biệt kích tại xóm 11 và 1 tên ở khu vực xóm 7. Đến ngày hôm sau các tiểu đội dân quân bắt sống thêm hai tên nữa, một tên khác ngoan cố chống cự liền bị tiêu diệt. Như vậy chỉ trong 16 giờ truy lùng, toàn bộ 7 tên biệt kích đã bị dân quân Sơn Giang tiêu diệt và bắt sống. Ta thu được 4 súng, 3 tấn hàng hóa cùng một số phương tiện thông tin liên lạc. Nhờ tinh thần cảnh giác cao và thực hiện phương án chiến đấu một cách nghiêm túc, hiệp đồng chặt chẽ, dân quân Sơn Giang đã bảo đảm an toàn địa bàn, cùng lực lượng vũ trang trong khu vực bảo đảm an toàn hành lang vận chuyển chiến lược trên địa bàn.

Phi công đầu tiên hạ máy bay Mỹ

Ngày 04 tháng 12 năm 2005

Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Văn Ba là một trong những người thầy đầu tiên của Không quân nhân dân Việt Nam, ông cũng là hiệu trưởng của trường Hàng không Việt Nam và là phi công đầu tiên tham gia không chiến bắn rơi máy bay Mỹ, mà lại dùng ngay máy bay địch đánh địch....

Ra đi từ quê hương đồng khởi

Ông Nguyễn Văn Ba sinh năm 1930, quê ở xã Tân Thành Bình, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre trong một gia đình cách mạng. Ba của ông là Nguyễn Văn Diệp, đảng viên từ năm 1930, là bí thư chi bộ xã. Ông tham gia cách mạng rất sớm, từ năm 1946 đã gia nhập Đoàn thanh niên cứu quốc và tháng 1-1951 ông đã được cử đi học Trường sĩ quan lục quân Trần Quốc Tuấn phân hiệu Nam Bộ. Sau khi học xong (1952), ông được bổ nhiệm chính trị viên đội vũ trang tuyên truyền huyện Mỏ Cày tỉnh Bến Tre, hoạt động trong vùng địch hậu. Dù gian khổ, nguy hiểm ông vẫn kiên cường bám trụ, nắm hầm ngủ bụi để gây dựng cơ sở. Nhờ đó đến năm 1954, khi địch đang dồn quân cho Điện Biên Phủ, ông đã cùng đồng đội kết hợp địch vận đoạt đồn địch cướp súng, tổ chức diệt ác, phá tề, biến vùng tạm chiếm thành vùng du kích. Chỉ trong vòng 15 ngày, họ đã đoạt 2 đồn địch, cướp 34 súng lập được một trung đội du kích, tổ chức lại nông hội, phụ nữ, thanh niên, giải phóng hai xã Thánh Thới và An Thới, giữ vững vùng giải phóng cho đến ngày hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, và là một trong số ít người được tuyển chọn khá nghiêm ngặt để đưa sang trường không quân số 3 Trung Quốc học bay khoá đầu tiên. Kết thúc khoá học (tháng 8-1959), Nguyễn Văn Ba được về làm đại đội trưởng đại đội 6 huấn luyện máy bay sơ cấp thuộc Trường không quân số 1 của Việt Nam (đoàn bay 910). Ông trở thành một trong những người thầy đầu tiên của Không quân nhân dân Việt Nam, qua thời gian 4 khóa huấn luyện, ông đã đào tạo gần 200 phi công sơ cấp bổ sung cho lực lượng phi công vận tải và phi công tiêm kích. Trong một chuyến bay dẫn đầu đoàn huấn luyện từ sân bay Cát Bi lên sân bay Gia Lâm chuẩn bị diễn tập cùng bộ binh, máy bay của ông đột nhiên bị chết máy ở độ cao 1500 mét. Ông đã bình tĩnh nhẹ nhàng đưa chiếc máy bay tránh vùng dân cư, hạ cánh an toàn trên bãi cát ven sông Hồng, không gây thiệt hại nào cho dân.

Lập công đầu mặt trận trên không

Tháng 9-1963, một phi công trong lực lượng không quân ngụy lái chiếc máy bay T28 sang hàng ta. Đây là loại máy bay khu trục mang tên "Đu mục" do Mỹ chế tạo từ năm 1950. Những năm 1963-1964, để đỡ đòn cho quân ngụy đang thua ở miền Nam, Mỹ tổ chức các chuyến bay đêm ra thả biệt kích, rải truyền đơn, thả hàng tâm lý... Lúc này không quân ta chưa có máy bay tiêm kích. Bộ tư lệnh Quân chủng Phóng không- Không quân giao cho Nguyễn Văn Ba cùng một số anh em nghiên cứu đưa máy bay T28 vào đánh máy bay chở biệt kích ngụy. Dùng máy bay T28 để không chiến có rất nhiều khó khăn. Chiếc máy bay này không có "lý lịch", theo điều lệnh bay không được phép bay. Thế nhưng Nguyễn Văn Ba (lái chính) và Lê Tiến Phước (lái phụ) đã khai thác các thông số kỹ thuật qua người phi công hàng binh và sự giúp đỡ của anh em kỹ thuật, chỉ huy mặt đất, họ đã cất cánh bay lên. Hỏa lực trên máy bay T28 chỉ có 2 khẩu 12,7mm với 200 viên đạn, trong khi mục tiêu là máy bay lớn. Trên máy bay T28 lại không có trang bị ra-đa tìm mục tiêu trong đêm, mà phải dùng mắt thường tìm địch, máy bay địch thường bay thấp tắt hết đèn để lẩn trong đêm tối. Máy bay T28 địch sản xuất dùng để huấn luyện người lái tập bắn mục tiêu mặt đất ban ngày. nên ta dùng để đánh

mục tiêu ban đêm là cách dùng vượt qua khả năng của T28.

Sau ba tháng luyện tập bay ngày, bay đêm, tháng 6-1964 máy bay T28 được đưa vào trực chiến. Máy lần có máy bay địch xâm phạm, T28 được lệnh xuất kích, dù đã được ra đa mặt đất đưa đến khu vực máy bay địch hoạt động, nhưng không tìm thấy địch. Nguyễn Văn Ba đã về trần trở , suy nghĩ. Nếu theo điều lệnh bay thì ban đêm phải bay trên chướng ngại ít nhất là 300 mét, địch lúc đó ở dưới, ta không tài nào thấy được. Ông đã đề xuất với lãnh đạo, chỉ huy phải bay ngang đỉnh núi, hoặc bay bên sườn núi thấp hơn đỉnh chừng 100mét, máy bay ta bay thấp hơn máy bay địch, lúc đó mới đưa máy bay địch lên nền trời để tiêu diệt. Tất nhiên bay như vậy là rất mạo hiểm, vì sơ suất là sẽ đâm vào núi, nhưng chiến đấu tiêu diệt địch là mục tiêu trên hết. Cũng vào thời điểm này ông nhận được tin hai em trai vào bộ đội đều bị hy sinh, ba của ông - Tỉnh ủy viên Bến Tre - bị địch bắt giam ở Côn Đảo. Ông mong từng giờ, từng phút được lập công trả thù nhà, đền nợ nước.

1 giờ 07 phút ngày 15-2-1965, Nguyễn Văn Ba lái chính, Lê Tiến Phước lái phụ chiếc máy bay T28 mang số hiệu 963 xuất kích tìm địch trên vùng trời Thanh Hoá. Sĩ quan dẫn đường liên tục thông báo cự ly giữa máy bay ta với mục tiêu: 30, 20, 15 rồi 5km. Lần này dẫn đường mặt đất cho phép T28

bay ngang đỉnh núi trong vùng bay. Dưới ánh trăng lạnh và qua làn mây trắng xốp, tổ bay đã phát hiện một chấm đen đang di chuyển. Hướng thẳng mũi máy bay về phía máy bay địch, tổ bay tăng tốc độ, kiên quyết không để mất mục tiêu. Cách khoảng 500mét, hình thù máy bay địch đã hiện rõ. Luồng lửa từ ống xả của hai động cơ máy bay địch đổ rục. Phi công Nguyễn Văn Ba đã bình tĩnh ấn công tắc nạp đạn, chiếm vị trí công kích và bắn loạt đạn thứ nhất. Để thêm chắc chắn anh bắn thêm loạt đạn thứ hai. Máy bay địch trúng đạn tránh né, nghiêng hẳn về phía trái, mất độ cao và rơi xuống một khu rừng gần biên giới Việt-Lào. Máy bay 963 nhận lệnh của sở chỉ huy bay về căn cứ an toàn. Một tên biệt kích sống sót bị quân và dân ta bắt tại chỗ. Tên này khai toán bộ toán biệt kích của quân nguy Sài Gòn và phi hành đoàn chiếc máy bay C123 bị tiêu diệt.

Bị đón đầu bất ngờ, địch phải ngừng hoạt động của máy bay trinh sát, thả biệt kích quấy phá miền Bắc trong một thời gian để tìm thủ đoạn mới. Đây là chiếc máy bay đầu tiên bị Không quân nhân dân Việt Nam tiêu diệt trên vùng trời Tổ quốc.

Chỉ huy tổ không quân đánh căn cứ PaThí

Để phục vụ cho các máy bay ra đánh phá miền Bắc, Mỹ đã cho xây dựng một trạm ra-đa với công suất lớn trên đỉnh núi Pa Thí nằm ở phía tây tỉnh Sầm Nưa, Thượng Lào. Trạm ra-đa này rất lợi hại, nó có thể dẫn đường cho không quân Mỹ từ Thái Lan vào đánh phá miền Bắc ngay cả lúc thời tiết phức tạp. Pa Thí là ngọn núi đá độc lập cao 1600 mét. Việc đi lại với Pa Thí chỉ có dùng trực thăng chứ không có phương tiện nào khác, vì vách đá dựng đứng có chỗ 50 mét có chỗ 100mét. Đặc công đã nhiều lần trình sát để đánh, nhưng vì vách núi dựng đứng nên không có cách gì xâm nhập được. Bộ Tổng tham mưu và Bộ Tư lệnh Quân chủng giao nhiệm vụ cho Trung đoàn 919 phá hủy trạm ra-đa có vị trí quan trọng này của địch.

Tham mưu phó trung đoàn Nguyễn Văn Ba cùng 2 trợ lý tác chiến đem theo một tổ đài 15W để liên lạc về trung đoàn, đối không 809 để liên lạc với máy bay và một TZK để quan sát mục tiêu, sang nhờ bộ đội tình nguyện Việt Nam ở Lào giúp tiếp cận căn cứ PaThí. Họ đã đặt trạm quan sát ở điểm cao 1688 mét cách Pa Thí 16 km. Sau một thời gian theo dõi tình hình địch và quy luật thời tiết, Nguyễn Văn Ba đã báo cáo về và đề nghị phương án tác chiến. 11 giờ 43 phút ngày 12-1-1968, trung đoàn 919 cho bốn máy bay AN-2 xuất kích từ sân bay Gia Lâm. Mỗi máy bay mang 32 quả rốc két và 12 đạn cối 120mm nhằm hướng PaThí bay tới. Nguyễn Văn Ba được cấp trên phân công chỉ huy hỗ trợ chỉ mục tiêu cho tổ bay. Các tổ bay đến Pa Thí vào thời điểm binh lính địch nghỉ trưa, có nhiều sơ hở và lúc sương mù đã tan, dễ quan sát, bắn phá các mục tiêu trong căn cứ. Quân địch hoàn toàn bất ngờ và không kịp phản ứng khi bốn chiếc AN-2 lần lượt lao xuống bắn phá. Toàn bộ hệ thống ra-đa, đài chỉ huy, phương tiện kỹ thuật, một số nhà kho, nhà ở và hai máy bay lên thẳng bị phá hủy. Chiến công này có phần đóng góp của tổ chỉ huy hỗ trợ Nguyễn Văn Ba.

Người hiệu trưởng của trường hàng không Việt Nam

Năm 1973, sau hiệp định Pa-ri, Nguyễn Văn Ba được giao phụ trách một bộ phận của không quân gồm 16 đồng chí vào B2 bằng ô tô để tiếp quản và sử dụng sân bay Lộc Ninh. Trên đường đi, họ bị máy bay AC130 của địch ném bom làm cháy 2 xe. Nhiều anh em dao động muốn quay trở về miền Bắc, nhưng Nguyễn Văn Ba vẫn kiên quyết chỉ huy anh em, hành quân bộ tìm về căn cứ của ta ở Lộc Ninh. Họ đã triển khai sân bay Lộc Ninh phục vụ cho việc tiếp nhận các máy bay địch trao trả tù chính trị theo hiệp định Pa-ri. Năm 1974, phi công tình báo ta cái trong hàng ngũ địch mang một chiếc trực thăng UH-1 ra vùng giải phóng. Nguyễn Văn Ba lại được giao nhiệm vụ tổ chức tháo rời chiếc máy bay này mang ra Bắc phục vụ công tác huấn luyện.

Sau đại thắng Mùa xuân 1975, Nguyễn Văn Ba đã được giao làm đoàn trưởng tiếp quản sân bay Phù Cát và Quy Nhơn, sau đó làm Tham mưu trưởng đoàn tiếp quản Tân Sơn Nhất; rồi làm giám đốc sân bay Tân Sơn Nhất, giám đốc xí nghiệp sửa chữa máy bay A75. Trong thời gian này ông đã tổ chức lực lượng kỹ thuật khôi phục được 4 máy bay DC-4, 2 chiếc DC-6 và bảo đảm kỹ thuật hàng không cho các máy bay khác. Năm 1979, ông được giao nhiệm vụ quyền hiệu trưởng rồi hiệu trưởng trường hàng không. Ông đã tổ chức đào tạo được 4 lái chính DC-3, 16 cơ giới trên không và hàng nghìn kỹ thuật viên, từ kiểm soát không lưu đến vận chuyển thương mại, góp phần cung cấp nguồn nhân lực cho ngành hàng không non trẻ. Ngoài ra, nhà trường do ông làm hiệu trưởng còn đào tạo cho các nhân viên hàng không Căm-pu-chia. Ông đã tranh thủ sự giúp đỡ của tổ chức hàng không thế giới ICAO viện trợ cho nhà trường nhiều phương tiện giảng dạy tiên tiến và các giáo trình huấn luyện.

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc, Nguyễn Văn Ba đã được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vào năm 1995. Cũng năm đó mẹ của ông được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Ngày 14-9-1996, chứng bệnh tim mạch đã cướp đi mạng sống của ông một cách đột ngột, để lại những trang hồi ký còn dang dở. Nhưng cuộc đời của người con Bến Tre anh hùng, người thầy đầu tiên trên không, người phi công đầu tiên bắn hạ máy bay Mỹ, người hiệu trưởng trường Hàng không mãi còn lưu giữ trong tâm khảm của gia đình, đồng đội và thế hệ mai sau.

Trận tập kích rung chuyển Kon Tum

Ngày 10 tháng 12 năm 2005

Quận lỵ Đắc Hà nằm trên đường 14, cách Kon Tum khoảng 40km về phía Bắc. Đây vừa là khu hành chính, vừa là khu quân sự của địch ở Đắc Hà. Bước vào năm 1961, tại quận lỵ này địch bố trí một đại đội tăng cường và coi như một vị trí tiền tiêu của Kon Tum. Để đề phòng bộ đội ta tấn công, địch đã xây dựng hệ thống vật cản cho quận lỵ này khá chắc chắn. Xung quanh quận lỵ chúng làm 3 hàng rào mài nhà và cũi lợn, giữa các hàng rào có cắm chông tre. Trong các hàng rào là hệ thống đồn bốt, ụ súng quay ra các phía, với các trang bị khá hiện đại. Đây thực sự là một mục tiêu kiên cố, nếu tổ chức tiến công theo phương pháp công kiên thì chắc chắn rất khó khăn và có thể thương vong sẽ cao. Sau khi nghiên cứu kỹ địa hình, chỉ huy lực lượng vũ trang Tây Nguyên quyết định tổ chức tập kích quận lỵ Đắc Hà bằng phương pháp kì tập, lấy lực lượng đặc công thuộc đội 406 làm nòng cốt.

Sau khi tổ chức trinh sát kỹ vị trí mục tiêu, đêm 30-7-1961, lực lượng đặc công cùng 2 trung đội bộ binh và 2 tiểu đội du kích bí mật hành quân tiếp cận mục tiêu. Trong khi lực lượng bộ binh và du kích triển khai, lực lượng đặc công bí mật áp sát hàng rào, đặt bộc phá vào các vị trí để thực hiện mở cửa đồng loạt. Một phát súng vang lên, tên lính gác bị diệt ngay tại chỗ, đây cũng chính là hiệu lệnh tấn công quận lỵ. Từ các mũi đồng loạt cho nổ bộc phá, phá tung các hàng rào của địch. Các mũi nhanh chóng áp sát mục tiêu, tấn công ngay vào nhà tên quận trưởng, tổ chức tiêu diệt các hỏa điểm trong các lô cốt. Quân địch bị đánh bất ngờ từ nhiều hướng, nhiều mũi, không kịp trở tay. Gần 200 tên địch đã bị bắt và bị tiêu diệt chỉ trong vòng 25 phút. Trận tập kích vào quận lỵ Đắc Hà đã làm rung chuyển toàn bộ hệ thống bố phòng của địch trên địa bàn Kon Tum và cũng là trận thắng lớn nhất Tây Nguyên trong năm 1961. Cũng từ trận tập kích này, địch bắt đầu tăng cường quân lên Tây Nguyên, còn phía ta thì bước đầu thực hiện được chiến lược "kéo địch lên rừng núi để tiến hành chiến tranh du kích".

 TOP

Hà Kim

Sự hồi sinh trực thăng UH-1

Ngày 05 tháng 01 năm 2006

Trong cuộc chiến đấu chống Mỹ-ngụy trước đây ở miền Nam, máy bay trực thăng UH-1 của địch đã gây nhiều khó khăn cho ta. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, chúng ta đã thu được nhiều máy bay trực thăng loại này. Không quân đã sử dụng khá hiệu quả trong chiến tranh biên giới Tây Nam. Ngày nay, loại trực thăng này vẫn đang được sử dụng trong huấn luyện, tìm kiếm cứu nạn và bảo vệ an ninh quốc phòng như đợt diễn tập chống khủng bố, khẩn nguy (KB-KN05) vừa qua. Tôi đã tìm gặp lại những phi công lái máy bay UH-1 để viết về một hành trình đầy gian nan vất vả.

Vụ án máy bay quân dụng 32 năm trước

Hẹn mãi tôi mới gặp được ông Hồ Duy Hùng, giám đốc công ty du lịch Phú Thọ, thuộc Tổng công ty Du lịch Sài Gòn, nguyên là tình báo của ta cài trong hàng ngũ địch, đã lập chiến công cướp một chiếc máy bay UH-1 ra vùng giải phóng. Ông Hùng đã kể cho tôi nghe vụ cướp máy bay khá ly kỳ như thế nào.

Ông Hồ Duy Hùng sinh năm 1948, ở Duy Xuyên, Quảng Nam trong một gia đình có truyền thống cách mạng. Cha của ông là Hồ Duy Từ đã từng hoạt động cùng ông Võ Chí Công và là một trong những người sáng lập ra chi bộ Đảng ở Duy Xuyên. Sau Mậu Thân 1968, ông được tổ chức cài vào hàng ngũ địch, được chúng tuyển chọn đi học lái máy bay UH-1 ở Mỹ. Cuối năm 1970, ông được điều về sư đoàn 2 không quân ngụy ở Nha Trang. Tổ chức vẫn giữ liên lạc, nhận các tài liệu, các bản đồ mà ông lấy được, chuyển ra vùng giải phóng. Đầu tháng 3 năm 1971, ông bị địch bắt, do gia đình ông bị địch phát hiện quá nhiều người tham gia cách mạng và một tên chiêu hồi, nguyên là tài vụ Thị ủy, nhớ nhầm là đã gặp ông trong vùng giải phóng (thực ra tên này gặp anh của ông). Ông bị chúng giam 5 tháng, sau đó tước quân tịch và giao cho cảnh sát. Trong những ngày tháng bị cảnh sát giam giữ, chúng đã bắt ông qua 7 nhà giam, tìm cách moi móc tin tức và điều tra về ông. Nhưng rồi chúng không tìm được chứng cứ, đành phải thả ông ra. Ông móm nổi với cơ sở ta, vào chiến khu tham gia cách mạng. Cuối năm 1973, tổ chức phân công ông trở lại vùng địch kiểm soát để tìm cách lấy cắp trực thăng UH-1 của địch. Vốn ở trong hàng ngũ địch nên ông biết những sơ hở của chúng, ông đã lên Đà Lạt nắm tình hình, biết bọn lái trực thăng UH-1 hay đổ xuống bờ hồ Xuân Hương để lên chợ chơi trước khi về Sài Gòn. Ngày 7 tháng 11 năm 1973, một chiếc UH-1 trên đường từ Đắc Nông về Sài Gòn đã đổ xuống ven hồ Xuân Hương. Tên phi công vừa đi khuất, ông Hồ Duy Hùng đã nhảy ngay lên máy bay, nổ máy, bay thẳng về Bến Cát. Theo kế hoạch, ở vùng giải phóng có chuẩn bị một bãi đổ trực thăng, nhưng hôm đó thời tiết xấu, khi về gần đến nơi thì máy bay gần hết xăng, ông Hùng phải đổ máy bay xuống Dấu Tiếng, ven bờ hồ, trong rừng cao su. Ông phải lấy bùn chất lên những chỗ sơn trắng trên thân máy bay, bẻ các cánh cây phủ lên nguy trang không cho máy bay địch phát hiện. Sau đó ông băng rừng tìm đơn vị của ta, gặp một đội vận tải gần đó. Lúc đầu anh em nghi ngờ, ông phải kể tên các thủ trưởng ở Ban an ninh T4, mọi người vui mừng, nhưng cũng lo máy bay địch phát hiện. Họ đề nghị ông bay vào bãi trống trước khu đóng quân của đơn vị. May mà đoạn đường gần, ông lết được máy bay về đúng yêu cầu. Anh em kéo máy bay vào rừng, nguy trang chu đáo. Sau đó mấy ngày, Bộ chỉ huy Miền yêu cầu ông Hùng đưa máy bay về Lộc Ninh.

Đầu năm 1974, theo lệnh trên, chiếc máy bay UH-1 được tháo rời, chở bằng ô tô đưa ra sân bay Hóa Lạc. Ông Nguyễn Tường Long và nhóm kỹ sư ngoài Bắc vào đã tháo và lắp máy bay này lại. Ông Hồ Duy Hùng được trên phân công làm giáo viên huấn luyện chuyển loại cho một số phi công trực thăng như ông Nguyễn Xuân Trường. Đây là chiếc

máy bay đầu tiên của Mỹ còn nguyên vẹn được anh em kỹ thuật hàng không nghiên cứu làm quen.

Truy quét phi Fulro và tham gia chiến tranh Tây Nam

Trung đoàn không quân C17 thuộc Đoàn B70 đã hai lần được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Trong chiến công chung của Đoàn, góp một phần không nhỏ là chiến công của những phi công lái UH-1. Đại tá Nguyễn Văn Thân, nguyên trung đoàn trưởng C17 đã khái quát cho tôi quá trình chiến đấu của Đoàn. Sau đại thắng mùa xuân 1975, đất nước ta hoàn toàn thống nhất, nhưng một số hòn đảo Tây Nam còn bị địch chiếm giữ và Fulro vẫn quấy rối ở Tây Nguyên. Ngày 21 tháng 5 năm 1975, Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Trung đoàn không quân C17, sử dụng máy bay thu được của địch, đóng quân trên địa bàn miền Đông Nam Bộ, cùng với các lực lượng vũ trang khác bảo vệ vùng trời, vùng biển phía Nam Tổ quốc.

Ngay sau khi vừa được thành lập, Trung đoàn đã tiếp quản, thu hồi các máy bay UH-1 của địch, nhanh chóng tổ chức huấn luyện sử dụng. Các giáo viên bay UH-1 đầu tiên là các ông Hồ Duy Hùng, Nguyễn Xuân Trường, Nguyễn Hữu Nhậm, Nguyễn Đình Khoa. Ngày 5 tháng 6 năm 1975, máy bay trực thăng vũ trang UH-1 bắt đầu tham gia chiến dịch giải phóng các đảo trên vùng biển Tây Nam, đánh vào các hỏa điểm và các điểm cố thủ trên đảo Hòn Ông và đảo Hòn Bà. Ngày 14 tháng 6 năm 1975, ta giải phóng hoàn toàn các đảo này, máy bay UH-1 đã xuất kích 30 lần chuyến, góp phần không nhỏ tiêu diệt các ổ đề kháng và bắn chìm 7 tàu địch.

Từ ngày 17 tháng 9 năm 1975, Trung đoàn không quân C17 hiệp đồng với lực lượng vũ trang Quân khu 5, truy quét Fulro ở địa bàn tỉnh Đắc Lắc, khu vực thị xã Buôn Ma Thuột. Tính đến tháng 12 năm 1975, trung đoàn đã tổ chức hồi phục được 273 lần trực thăng UH-1, tham gia chiến đấu hàng trăm lần chuyến, bắn hàng nghìn quả rốc-kết, hơn 90 nghìn viên đạn, chi viện hỏa lực cho lực lượng ta truy quét Fulro.

Giữa năm 1977, tình hình biên giới Tây Nam diễn biến phức tạp. Bọn phản động Khơ-me đỏ cho lực lượng chủ lực khiêu khích và lấn chiếm biên giới nước ta từ Tây Nguyên đến Hà Tiên. Các máy bay UH-1 lại tiếp tục nhận nhiệm vụ chi viện hỏa lực cho bộ binh đánh vào phòng tuyến của địch. Ông Hồ Duy Hùng đã kể cho tôi nghe, những chiếc máy bay UH-1 lúc đó rất lợi hại, trên máy bay, phi công và xạ thủ được mặc áo giáp chống đạn, đội mũ sắt khá dày, đạn súng trường bắn trúng không xuyên qua được. Phi công lại được ngồi trên ghế sắt có thành cao bao bọc xung quanh. Máy bay UH-1 bay là cách mặt đất chưa đến 10 mét, trên máy bay có 2 khẩu súng Miligân 6 nòng (7,62 mi-li-mét) với 12.000 viên đạn, hai cánh bên treo 14 quả rốc-kết. Từ máy bay, các xạ thủ xả đạn vào quân địch, chúng chịu không nổi, bỏ chạy như vịt, bộ binh ta ào ạt lên tấn công. Có nhiều trận đánh, địch bắn trả quyết liệt, máy bay của ông Hồ Duy Hùng có lần trúng 12 viên đạn, lỗ chỗ trên thân nhưng máy bay vẫn bay về được vì đạn không trúng chỗ hiểm. Ông Hùng cho biết, thùng xăng UH-1 có lớp cao su dày, nên khi đạn bắn trúng, thì nó tự bịt lại, không cho xăng chảy ra ngoài. Có lần phi công Nguyễn Đình Khoa (sau này được tuyên dương Anh hùng LLVT nhân dân), bị địch bắn đứt đường dầu để điều khiển máy bay, thế mà vẫn hạ cánh xuống cánh đồng để chờ đồng đội đến thay đường dẫn dầu khác, lại bay về căn cứ an toàn...

Từ năm 1975 đến năm 1981, nhà máy A42 đã sửa chữa được 163 trực thăng UH-1, sửa chữa lớn hàng trăm động cơ máy bay UH-1. Trung đoàn C17 đã cất cánh hàng nghìn lần chiếc máy bay UH-1 tham gia chiến đấu ở biên giới Tây Nam, giúp bạn Cam-pu-chia làm nhiệm vụ quốc tế truy quét tàn quân Khơ-me đỏ. Máy bay trực thăng UH-1 còn góp phần không nhỏ trong việc vận chuyển thương binh, vũ khí trang bị, thuốc men cho chiến trường... Phân xưởng sửa chữa máy bay lên thẳng nhà máy A42 là nơi tổ chức phục hồi, sửa chữa trực thăng UH-1 cho trung đoàn. Đây cũng là phân xưởng duy nhất của nhà máy được phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân.

Khôi phục lại UH-1

Từ năm 1987, do khó khăn về vật tư, nên trực thăng UH-1 không còn được bay làm nhiệm vụ nữa. Đến tháng 10 năm 1992, nhà máy A42 tiến hành phục hồi sửa chữa hai máy bay trực thăng UH-1 số 790, 796, giao cho Trung đoàn C17 khai thác sử dụng, còn số máy bay UH-1 khác được cán bộ, công nhân viên nhà máy A42 bảo quản, bảo dưỡng theo đúng quy trình kỹ thuật hàng không. Hai máy bay này cũng sử dụng chủ yếu để phục vụ

làm phim. Tuy chưa đủ năng lực và kinh phí để đầu tư khôi phục những chiếc UH-1, nhưng lãnh đạo nhà máy A42 vẫn tin tưởng về khả năng khai thác sử dụng lại máy bay này. Nhà máy A42 đã phân loại máy bay, phụ tùng vật tư của UH-1 để bảo quản, niêm cất. Vào thời điểm của thập niên 1990, các nhân viên có kỹ thuật sửa chữa máy bay UH-1 không còn việc làm nữa, nhưng để duy trì đội ngũ thợ lành nghề này, nhà máy vẫn giữ lại bằng cách chuyển sang thực hiện nhiệm vụ khác.

Đặc biệt các hệ thống thiết bị hàng không, các tài liệu phục vụ cho quy trình đại tu máy bay UH-1, được bảo quản nghiêm ngặt. Nguyên Giám đốc nhà máy A42 Lê Văn Bạo cho tôi biết, vào năm 1995, trong dịp vào dự lễ kỷ niệm 20 năm giải phóng miền Nam, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Phạm Văn Trà đã dự nghe nhà máy thuyết trình phương án "Sửa chữa, hồi phục và cải tiến máy bay trực thăng UH-1". Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Phạm Văn Trà, Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật Trung tướng Trương Khánh Châu, Thủ trưởng Bộ tư lệnh Quân chủng Phòng không-không quân và các cơ quan ban ngành hết sức ủng hộ. Bộ Quốc phòng đã giao cho nhà máy A42 khôi phục đợt đầu tiên một số chiếc máy bay UH-1. Các máy bay UH-1 đã có tuổi hàng chục năm, nhiều vật tư, phụ tùng đã hết niên hạn sử dụng, trình độ chuyên môn của anh em về lĩnh vực này còn hạn chế. Lãnh đạo và các cán bộ kỹ thuật của nhà máy đã thể hiện quyết tâm rất cao, tổ chức biên soạn "Quy trình công nghệ sửa chữa hồi phục và cải tiến máy bay trực thăng UH-1", biên soạn phiếu công nghệ sửa chữa lớn các chi tiết phụ tùng UH-1 phù hợp với điều kiện thực tế của trang bị hiện có của nhà máy. Cử cán bộ ra nước ngoài khảo sát, tìm kiếm thị trường để mua vật tư, phụ tùng mà ta không có. Rất may lúc này máy bay UH-1 đã được nhiều nước trên thế giới sử dụng vào mục đích dân sự như chuyên chở hành khách, phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn... nên việc mua vật tư dễ dàng hơn.

Sau 20 tháng, với sự nỗ lực cố gắng của cán bộ, công nhân viên, những máy bay UH-1 đã được sửa chữa, hồi phục, bảo đảm độ tin cậy kỹ thuật hàng không. Nhà máy đã bàn giao cho Trung đoàn không quân C17 sử dụng. Ngày 15 tháng 5 năm 1998, Trung đoàn không quân C17 tái thành lập phi đội UH-1. Tham mưu trưởng Đỗ Văn Thành vừa chỉ đạo vừa là giáo viên bay kèm cho các phi công khác. Ngày nay, những chiếc máy bay UH-1 đã phải ngoan ngoãn khuất phục trước những phi công Việt Nam. Nhà máy A42 tiếp tục được giao nhiệm vụ hồi phục thêm máy bay UH-1 và sửa chữa, bảo dưỡng các máy bay UH-1 đã được đưa vào sử dụng. Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã tới thăm phi đội trực thăng UH-1, trung đoàn không quân C17 và ủng hộ kế hoạch tiếp tục hồi phục trực thăng UH-1. Đại tá Nguyễn Mai Phong, giám đốc nhà máy A42 đã khẳng định với tôi:

- Việc khôi phục máy bay UH-1 là một chủ trương đúng đắn theo đúng tinh thần của cuộc vận động "Quản lý, khai thác vũ khí trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm", thể hiện ý chí quyết tâm làm chủ trang bị khí tài của bộ đội Phòng không-Không quân.

Tết chiến trường

Ngày 21 tháng 01 năm 2006

I. Tết trước chiến dịch Điện Biên Phủ

Tôi còn nhớ Tết cuối cùng khi anh Lê Quang Đạo còn sống. Từ ngày 26 Tết, chuông cửa đã reo liên tục. Các bạn quen cũ đến chúc Tết. Một chiếc xe Jeep biển đỏ quân sự đỗ xích trước cổng. Máy chiến sĩ trẻ mừng lễ mễ đem bao gạo và mấy cân đồ do đơn vị tặng gia đình. Một sĩ quan đi theo tự giới thiệu:

- Chúng cháu ở Sư đoàn 308 đến chúc Tết thủ trưởng Đạo.

Tuy anh Đạo chỉ tạm thời làm chính ủy 308 ở trận Điện Biên Phủ thay anh Song Hào bị ốm, nhưng Sư đoàn 308 Tết năm nào cũng nhớ đến chúc Tết anh Đạo. Các cựu chiến binh Sư đoàn 308 không quên được cái Tết ở chiến dịch Điện Biên Phủ bên bờ sông Nậm Hu.

Cuối tháng 1 năm 1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng Ban Chỉ huy Mặt trận Điện Biên Phủ cử Đại đoàn 308 tiến quân sang Lào làm lạc hướng địch để tạo điều kiện cho quân ta ở Điện Biên Phủ có thời gian chuẩn bị.

Sáng 30 tháng 1, trung đoàn đến bờ sông Nậm Hu. Toàn trung đoàn hơn 3.000 người vượt sông không thuyền. Bộ đội ai biết bơi thì bó quần áo, súng đạn vào tấm vải sơn lám phao vượt qua, anh nuôi lấy nôi làm phao. Những người không biết bơi và súng nặng thì làm bè nửa chạt trên bờ sông vượt qua. Anh Đạo cũng nhảy xuống nước bơi cùng các chiến sĩ của mình.

Chiều mùng 2 tháng 2, trung đoàn 36 của Đại đoàn 308 đánh chiếm căn cứ của địch ở Nậm Bạc. Tối đó, đứng giao thừa, anh Đạo bàn với Phạm Hồng Sơn, trung đoàn trưởng:

- Quân ta đã suốt một tuần đuổi đánh địch liên tục ngày đêm. Hay ta cho chiến sĩ nghỉ một đêm ăn Tết đón giao thừa.

- Nhưng báo cáo anh, anh em hậu cần chưa kịp chuẩn bị bánh chưng, mứt Tết.

Anh Đạo cười:

- Ta ăn Tết với chiến lợi phẩm của địch cớ gì ý nghĩa chứ sao.

Đêm giao thừa tối đen, dưới ánh sao, toàn trung đoàn dừng lại bên bờ sông Nậm Bạc. Anh Đạo xuống ngựa cùng các cán bộ, chiến sĩ ăn Tết, một bữa Tết với toàn đồ hộp chiến lợi phẩm. Không rượu, mứt, bánh chưng, không tiếng pháo nổ nhưng rất vui. Anh Đạo cùng các chiến sĩ ăn mừng chiến thắng đầu tiên trong cuộc tiến công thần tốc.

Sáng sớm mùng một Tết, tiếng súng đã nổ vang, một trận chiến diễn ra bất ngờ. Một tiểu đoàn ngụy chạy từ Mường Sài về, đâm sầm vào giữa đội hình của tiểu đoàn 89. Chỉ trong thời gian ngắn, tiểu đoàn địch tan rã, ta bắt được nhiều tù binh.

Những ngày Tết ở Nậm Bạc, anh Đạo viết thư về nhà: "Trèo đèo lội suối theo đơn vị truy kích địch cũng vất vả nhưng anh em chiến sĩ vất vả và gian khổ hơn nhiều lắm. Còn đơn vị đi năm ngày đêm không ngủ. Mỗi người chỉ ăn hai nắm cơm và một ít gạo rang. Nhưng tinh thần chiến đấu của bộ đội chiến đấu rất anh dũng. Một tổ mà đánh tan cả một tiểu đoàn địch. Có đơn vị đã vây chặt địch bắt sống cả chỉ huy. Địch chạy tan tành, tàn binh rải rác khắp nơi. Hôm mùng một Tết, cả đơn vị ăn Tết bằng chiến lợi phẩm, tuy mười ngày không có rau ăn nhưng không ai ốm cả".

II. Tết ở chiến dịch Khe Sanh

Tháng 12 năm 1967, anh Lê Quang Đạo chuẩn bị đi chiến dịch Khe Sanh. Tướng Mỹ Oét-mo-len dành cho Khe Sanh sự quan tâm đặc biệt. Đài BBC thời gian này luôn đưa tin, theo dõi sự di chuyển của "Tướng Lê Quang Đạo", học trò tướng Võ Nguyên Giáp. Theo họ, tướng Lê Quang Đạo đi thực hiện ý đồ lập lại một Điện Biên Phủ của tướng Giáp ngày xưa.

Ý định của Quân ủy Trung ương là lập một mặt trận ở Khe Sanh để đánh lạc hướng địch, chuẩn bị cho cuộc Tổng tấn công miền Nam Tết Mậu Thân, 1968.

Ngày Tết đã tới gần. Hậu cần chiến dịch khẩn trương chuẩn bị lương thực, thực phẩm, kể cả bánh chưng.

Ngày 29 Tết, máy bay trinh sát địch lượn nhiều vòng trên khu vực sở chỉ huy. Sáng mông mịt, không khí vẫn hoàn toàn yên tĩnh. Bộ Tổng tham mưu và Tổng cục Chính trị ở ngoài Bắc gọi điện chúc Tết Bộ chỉ huy Mặt trận Khe Sanh.

Bỗng nhiên có tiếng máy bay nghe rất nặng: “ừm! ừm! ừm”. B52 bắt đầu trải thảm bom. Trong ngày, hết đợt máy bay này tới đợt máy bay khác bắn phá ác liệt khu vực. Đường dây thông tin bị đứt. Sở chỉ huy mất liên lạc với các nơi. Toàn bộ lương thực, thực phẩm chuẩn bị ăn Tết biến mất sau những trận oanh tạc. May sao, một số bánh chưng mới luộc đã được đưa vào hang. Bom đánh dữ dội suốt ngày tới mức không ai có thể ra khỏi hang.

Bộ chỉ huy Mặt trận hội ý: sở chỉ huy chiến dịch bị địch phát hiện do ta thiếu kinh nghiệm: các đường mòn và đường dây thông tin lộ thiên đều tập trung về hầm chỉ huy. Bộ Tư lệnh mặt trận ra lệnh di chuyển. Tướng Đạo, tướng Trần Quý Hai và các đồng chí cùng đi nằm trong bãi bom B52 nhiều giờ liền. Bom ném vào núi, đá đổ xuống làm nhiều người bị thương. Anh Đạo được anh Hóa, bảo vệ của anh, đẩy vào một hốc đá và nằm đè lên. Anh Hóa bị thương do đá đè vào người. Người khỏe diu người bị thương, cả đoàn mò mẫm trong đêm. Sợ lộ nên không ai dám bật đèn pin lên. Cả đoàn cứ đi loang quanh trong thung lũng. Tướng Trần Quý Hai nói với anh Đạo:

- Hình như mình bị lạc đường rồi.

Trận oanh tạc vẫn chưa chấm dứt nhưng tiếng bom nghe có vẻ xa hơn.

Anh Đạo bàn với anh Trần Quý Hai:

- Hay ta cho mọi người tìm nơi trú ẩn.

Bom B52 cày xới tung cả khu rừng. Cây cối đổ ngổn ngang, sườn núi sạt lở, đá văng vãi khắp nơi. Đoàn tìm được bên sườn núi có một vòm đá có hám ếch, chui tạm vào ẩn náu. Một vài người còn giữ được bánh chưng, chia nhau ăn. Chợt có ánh đèn pin chiếu sáng. Đồng chí bảo vệ cảnh giác hô to:

- Ai? Đứng lại.

- Ba Vui đây mà.

Anh Đạo mừng quá, ôm lấy tướng Cao Văn Khánh (biệt danh là Ba Vui), Phó tư lệnh Mặt trận Khe Sanh. Anh Khánh đã thoát khỏi bãi bom B52 nhưng không thấy anh Đạo và Bộ Chỉ huy Mặt trận nên quay lại tìm.

- Sao anh lại bật đèn sáng thế, không sợ địch phát hiện á?

Anh Khánh cười:

- Kinh nghiệm tránh máy bay “bà già” của Pháp cũ rồi anh ạ. Hồi ấy, nó bay thấp. Còn bây giờ, B52 chỉ ném bom tọa độ theo bản đồ ghi sẵn. Nó mù, bay cao tít có thấy gì đâu. Ta cứ bật đèn đi cho khỏi lạc.

Cả đoàn tiếp tục hành quân. Anh Đạo động viên tinh thần anh em bằng những câu chuyện tiểu lâm rất hài hước. Cả ngày hôm trước, chỉ được một góc bánh chưng lót bụng, ai nấy đều đói run. Bỗng một chiến sĩ mở ba lô rồi nói:

- Mời các thủ trưởng ăn gạo rang.

Hai tiếng “gạo rang” làm tắt cả mừng rỡ. Cậu chiến sĩ này đã lấy cơm thừa nhiều bữa, đem phơi và rang để dự trữ từ lâu. Không ngờ lúc này nó lại thánh của quý. May mà chiếc ba lô không bị mất trong trận bom B52. Bọc gạo rang bóc hết chỉ được miệng bát cơm ăn, chia làm nhiều phần. Mỗi phần nằm lọt thỏm trong lòng bàn tay.

Anh Đạo thấy một chiến sĩ trẻ vừa khôi ớm. Anh lẳng lặng xẻ phần của mình làm hai và mang một nửa lại cho người chiến sĩ ấy.

Ngày hôm sau, đoàn mới tìm thấy địa điểm chỉ huy dự bị và liên lạc được với các đơn vị trên đường 9. Cả đoàn tuy rất đói, mệt nhưng đều vui mừng khi được Quân ủy Trung ương thông báo: vào đêm 30 và mồng 1 Tết Mậu Thân, cuộc Tổng tiến công đã nổ ra thắng lợi trên toàn miền Nam.

Ông cha ta đánh giặc: "Phẫu thuật" máy nghe của địch

Ngày 19 tháng 02 năm 2006

Tháng 5-1969, Lữ đoàn đặc công 429 Đông Nam Bộ quyết tâm tiến công căn cứ Phước Vĩnh, nhằm tiêu hao lực lượng địch, tạo thế mở rộng vùng giải phóng. Đêm 13-5, lực lượng đặc công bắt đầu hành quân tiến về phía căn cứ địch. Quá nửa đêm, toàn bộ lực lượng đã tiếp cận được tới hàng rào của căn cứ. Cùng lúc ấy, lực lượng đi trước từ trong hàng rào của địch trở ra báo cáo đã cắt xong 11 lớp rào của địch. Chỉ huy trận đánh liền ra lệnh cho toàn bộ đội hình bắt đầu luồn sâu vào căn cứ địch. Nhưng đội hình vừa chui vào hàng rào địch thì bỗng nhiên hàng loạt đạn pháo của địch bắn chụp lên hết như chúng phát hiện ra lực lượng của ta đang đột nhập. Đã có thương vong xảy ra, buộc chỉ huy trận đánh phải ra lệnh cho các mũi rút lui.

Khi trở về căn cứ, anh em tiến hành rút kinh nghiệm. Đang loay hoay tìm nguyên nhân thất bại thì cơ sở đến báo cáo sở dĩ đội hình của ta bị pháo địch tập kích là do chúng đã đặt máy nghe tiếng động. Hôm ấy chúng nghe thấy hướng đó có tiếng động, liền dùng pháo bắn tọa độ. Thực ra chúng chưa phát hiện ra ý đồ tiến công của ta.

Đồng chí chỉ huy trận đánh liền tìm mọi cách lấy được một chiếc máy của địch về để nghiên cứu. Ngày hôm sau, đơn vị đã được cơ sở cung cấp một chiếc máy nghe trộm của địch. Cả lữ đoàn liền bắt tay vào nghiên cứu và cuối cùng anh em phát hiện ra rằng, đây là bộ máy thu tiếng động bằng cảm biến. Nếu như ngắt chiếc ăng-ten mỏng như lá lúa thì chiếc máy trở nên vô dụng. Biết được bí mật của địch, đơn vị lại tiếp tục tổ chức tiến công căn cứ địch, nhưng lần này không phải là Phước Vĩnh mà là căn cứ Bù Na. Đây là căn cứ hỗn hợp có hơn 1.300 tên địch cả Mỹ và ngụy đồn trú. Để hạn chế tiếng động khi tiếm nhập, anh em đã tập luyện những động tác tiếp cận thật nhẹ nhàng. Khi phát hiện ra máy nghe của địch thì nhanh chóng gỡ lấy và bẻ ngay chiếc ăng-ten lắp trên đầu máy. Bằng cách ấy, đêm 20-6-1969, đội đặc công của Khu 5 đã đột nhập êm gọn vào căn cứ Bù Na. Chỉ trong ít phút chiến đấu, các chiến sĩ đặc công Lữ đoàn 429 Đông Nam Bộ đã hoàn toàn làm chủ căn cứ với hàng trăm tên địch bị loại khỏi vòng chiến đấu.



Vũ Mạnh Cường

Ký ức chiến dịch Đường 9 Nam Lào

Ngày 20 tháng 02 năm 2006

Biết không thể dùng không quân để chặn tuyến đường vận chuyển chiến lược Trường Sơn của ta, đồng thời muốn gỡ thế bị động trên chiến trường miền Nam và giành một số thắng lợi về quân sự của học thuyết Việt Nam hóa chiến tranh để có tiếng nói trọng lượng trên bàn Hội nghị Pa-ri về Việt Nam, Mỹ quyết định mở cuộc hành quân đại quy mô mang tên Lam Sơn 719 lên Đường số 9-Nam Lào nhằm dùng bộ binh cắt đứt toàn bộ khu trung tuyến của tuyến đường Trường Sơn, bóp chẹt "dạ dày" Quân giải phóng miền Nam và ngăn chặn sự xâm nhập của quân "Bắc Việt", đồng thời tạo bàn đạp tấn công vùng Nam Khu 4 cũ, đẩy ta vào thế bị động. Tháng 1 năm 1971, chúng tôi được Bộ Tư lệnh 559 thông báo như vậy và được giao nhiệm vụ vừa vận chuyển chiến lược, vừa vận chuyển phục vụ chiến dịch; trước mắt phải vận chuyển lót sẵn lương thực, đạn dược chờ quân ta hành quân tới là có điều kiện triển khai tác chiến ngay, đồng thời sẵn sàng tiêu diệt trực thăng và lính dù địch.

Ít hôm sau lại nhận được điện trên thông báo, Mỹ-ngụy đã huy động 3 vạn quân, hơn 1.000 xe tăng và thiết giáp, 700 máy bay chiến đấu và trực thăng, 300 khẩu pháo đang gấp rút triển khai đội hình hành quân. Trung tướng ngụy quyền Hoàng Xuân Lãm cùng với hai cố vấn quân sự cao cấp Mỹ trực tiếp chỉ huy chiến dịch này. Trung tướng Đur Quốc Đống đích thân chỉ huy sư đoàn dù ngụy.

Thật oái oăm! Bọn Mỹ đã không đại dột liều mạng mang quân lên vùng rừng núi bí hiểm này mà trút toàn bộ gánh nặng lên đầu bọn ngụy Sái Gòn để thực hiện một sứ mệnh đầy mạo hiểm. Tuy nhiên, Mỹ sẽ yểm trợ bằng không quân tới mức tối đa.

Từ đầu tháng 1, địch bắt đầu mở cuộc không tập bằng máy bay B.52 vào khu vực cửa khẩu Chá Lì, cày nát đèo cua "tay áo" và khu vực lân cận. Trong tung thâm từng phi đội thay nhau giội bom xuống đèo 300, đèo 500, ngã ba Bản Đông. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch vô cùng ác liệt. Pháo tầm trung của ta bị vô hiệu hóa trước các phi đội máy bay B.52. Thương vong đột nhiên lên cao, có những trường hợp hy sinh đau đớn, bị địch đánh sập miệng hang phải dùng thuốc nổ mở cửa nhưng không cứu được người. Có trường hợp xe bị lật nhào xuống vực hàng chục chiếc một lúc, có hôm cả tiểu đội công binh bị xóa sổ gọn. Nhưng bộ đội vẫn giữ vững ý chí chiến đấu. Chính trị viên phó đại đội công binh Nguyễn Bá Tông⁽¹⁾ xông pha lửa đạn ôm bộc phá chạy lên đỉnh đèo đánh hất chiếc xe đang cháy để giải phóng đoàn xe 20 chiếc còn bị máy bay săn đuổi. Anh bị trọng thương vẫn ở lại động viên chiến sĩ bám giữ tuyến đường cho xe qua, Trung đội trưởng Nguyễn Văn Thân⁽²⁾ 10 lần bom nổ gần, khi bị sức ép, khi bị thương, lúc bị đất đá chôn vùi, khi được bới lên, anh vẫn tiếp tục tìm bom nổ chậm để đánh dấu. Hình ảnh đó gây trong tôi một ấn tượng rất mạnh. Trong cuộc chiến đấu không cân sức, tưởng chừng kẻ địch sẽ nuốt chửng chúng ta, nhưng chỉ trong vòng vài ba ngày quân ta đã trở lại trạng thái bình thường sau khi rút ra được quy luật đánh phá của chúng.

Ngày 5 tháng 1 năm 1971, đồng chí Hồng Sơn, Phó tư lệnh mặt trận B.70⁽³⁾ trên đường ra trận đã vào Bình trạm 27 gặp tôi để phổ biến tình hình và nhiệm vụ. Trên chiếc bàn đồ trải rộng, đồng chí nói cho tôi biết những tin kỹ thuật ta nhận được là địch đang rào riết tổ chức mở cuộc hành quân đại quy mô vào khu vực đường số 9-Nam Lào, phối hợp với bọn ngụy Lào đánh thốc từ phía Tây xuống nhằm chiếm đóng và kiểm soát hoàn toàn đường số 9. Đồng chí chỉ vào những vị trí khoanh tròn màu xanh trên bản đồ dự kiến địch đổ bộ bằng trực thăng xuống trong đó có cao điểm Cô Bốc, Phu Cốc, 540, 550, 650, 655 ở phía Nam đường số 9. Cao điểm 456, 453, 500-Láng Sen, Láng Hồ ở phía Bắc đường số 9 và các mũi tiến công của các đơn vị thiết giáp lên Bản Đông-Sê

Pôn.

Đồng chí yêu cầu Binh trạm 27 đảm nhiệm nhiệm vụ chỉ huy các lực lượng tăng, pháo và các phương tiện cơ giới khác của chiến dịch vượt khẩu với tỷ lệ tổn thất thấp nhất, đồng thời vận chuyển vũ khí đạn dược, lương thực, thực phẩm bảo đảm cho chiến dịch quy mô lớn và dài ngày.

Khi nghe tiếng bom B.52 đang ào ào đổ xuống cửa khẩu làm rung giật cả hầm chỉ huy, nét mặt trở nên tư lự, đồng chí hỏi lại tôi:

- Địch đánh như vậy, khả năng binh trạm đến đâu?

- Tất nhiên là rất ác liệt và phức tạp, nhưng chúng tôi muốn biết số lượng tăng pháo của chiến dịch là bao nhiêu?

- Có thể mấy trăm. Sẽ có cán bộ tham mưu làm việc cụ thể với anh.

- Và số lượng cơ sở vật chất bảo đảm cho chiến dịch là bao nhiêu?

- Sẽ rất lớn, nhiều nghìn tấn. Việc này có cơ quan hậu cần làm việc cụ thể.

- Bào cáo Phó tư lệnh, chúng tôi sẽ cố gắng với mức cao nhất, nhưng không phải mọi việc tùy thuộc ở ta mà còn cả ở địch. Chúng tôi đang chuẩn bị đối phó với tình huống ngặt nghèo nhất. Đồng chí cứ yên tâm.

Câu nói kết thúc của tôi hình như làm cho đồng chí phấn khởi và chuyển sang câu chuyện tâm tình:

- Anh Đại hình như quê ở Nghệ An?

- Sao đồng chí biết?

- Vì tôi nghe tiếng năng nặng của người xứ Nghệ đã quen.

- Vâng, tôi ở xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Hóa ra anh cùng quê với cụ Hồ Phi Huyền-tác giả cuốn "Nhân đạo quyền hành" ấy mà. Anh có quen cụ Hồ Phi Huyền không?

- Có. Cụ là bố vợ nhà văn Đặng Thai Mai. Tôi quen biết cụ vì cụ giúp giảng cho tôi những danh từ khó hiểu trong tác phẩm triết học phương Tây hồi tôi mới tập nghiên cứu trước Cách mạng Tháng Tám. Nhưng đồng chí có quan hệ gì với cụ Hồ Phi Huyền?

- Bố vợ tớ là rể của cụ mà.

- Ai vậy?

- Đặng Thai Mai.

- Vậy đồng chí là cháu rể làng Quỳnh chúng tôi. Hay quà.

Chúng tôi kết thúc câu chuyện khi mâm cơm được dọn ra với đĩa măng xào, một ít mắm tôm và dưa hành còn lại sau Tết. Bữa cơm thanh đạm, thần mật đã xong, đồng chí khăn trương chia tay tôi. Sắp bước khỏi hầm chỉ huy, đồng chí quay lại vừa cười vừa nói:

- Bọn chúng mình như lính mới, vào đây chỉ biết dựa vào cậu. Hiện giờ đường dây điện thoại của chiến dịch chưa triển khai kịp, các cậu vẫn phải cho bọn tớ bám vào và nhớ là phải cho ưu tiên đấy.

- Đồng chí đừng lo. Tất cả cho thắng lợi của chiến dịch mà.

Tôi cử hai cảnh vệ dẫn đường, đưa đồng chí về sở chỉ huy của mặt trận đóng ở phía tây Mường Trương trong một khu rừng già, cách sở chỉ huy binh trạm 15 ki-lô-mét theo đường chim bay.

Ngày hôm sau tôi lại được tiếp thượng tá Lê Đình Truy, Chính ủy sư đoàn tên lửa phóng không 367. Đồng chí vào hiệp đồng với tôi giúp đỡ đặt một bộ phóng tên lửa SAM.2 tại dốc Dân Chủ, sau lưng chúng tôi khoảng một ki-lô-mét. Tôi vừa mừng vừa lo. Mừng vì tên lửa vào mà diệt được máy bay B.52 thì còn gì sung sướng bằng. Lo vì với địa hình phức tạp này, liệu tên lửa của ta có diệt được B.52 không, hay chúng lại đánh vào tên lửa thì binh trạm bị vạ lây.

Trong những ngày này, tăng, pháo của ta đã kéo rít trên đường số 16, ùn ùn kéo vào đứng sắp thành hàng dọc trong lòng suối Chá Li chờ lệnh của binh trạm để vượt khẩu.

Nghe tiếng bom của siêu pháo đài bay B.52 liên tục kéo rền, chớp giạt làm rung chuyển cả khu vực Chá Li, anh em trong đơn vị tăng, pháo bồn chồn lo lắng. Chúng tôi phải mời cán bộ chỉ huy từng phân đội vào sở chỉ huy để giải thích chiến thuật vượt khẩu, kỹ thuật hành tiến, và yêu cầu anh em chấp hành triệt để mệnh lệnh của binh trạm.

như vậy sẽ bảo đảm an toàn. Được giải thích và động viên, anh em yên tâm và hứa sẽ quân triệt cho từng chiến sĩ.

Có lẽ đây là thời điểm mây bay B.52 đánh dữ dội nhất. Mỗi ngày không quân Mỹ sử dụng 144 lần chiếc rải thảm khoảng 7.000 quả bom vào cửa khẩu Chà Lì với diện tích 2km², không chỉ ngăn chặn vận chuyển mà còn ngăn chặn cả cuộc hành quân của các lực lượng binh khí kỹ thuật của ta vào chiến trường. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn bình tâm và tin tưởng sẽ đưa lực lượng tăng pháo vào với tổn thất ít nhất, vì chúng tôi đã có thể trận được chuẩn bị khá chu đáo.

Cho đến bây giờ thì tôi mới nhận ra ý đồ thiết lập cửa khẩu và tuyến vận chuyển cơ giới hướng đông Trường Sơn của trên không phải đóng khung trong giác độ vận chuyển. Cách nhìn xa cò tầm chiến lược đã chứng minh được ý nghĩa lớn lao của nó. Chúng ta thử giả thiết, nếu cửa khẩu này chưa được mở thì việc đối phó với cuộc hành quân đại quy mô này của địch sẽ ra sao?

Ngày 5 tháng 2 năm 1971, toàn bộ lực lượng binh trạm từ cơ quan đến đơn vị đều tập trung vào việc chỉ huy và bảo đảm tăng, pháo, xe bọc thép... vượt khẩu, đồng thời chỉ huy cả lực lượng vận tải để bảo đảm nhu cầu cho chiến dịch. Một lúc làm hai nhiệm vụ trong điều kiện địch đánh phá quyết liệt như vậy quả là một áp lực nặng nề với binh trạm.

Trong thời gian này, chúng tôi nóng lòng chờ tên lửa vút lên diệt máy bay B.52 của địch. Nhưng chớ mãi vẫn thấy im hơi lặng tiếng. Tôi gọi điện thoại cho anh Truy yêu cầu các anh phòng cho một quả tên lửa, ít nhất cũng làm cho chúng hoảng, phải nhả cửa khẩu dăm ngày đêm, nhưng anh Truy giải thích là cần đánh chắc, thắng chắc.

Ngày 6 tháng 2 năm 1971, chúng tôi quyết định cho vượt khẩu 20 tăng, 10 pháo và 50 xe ô tô vận tải. Tất cả các phương tiện phải tiếp cận tới hạn cho phép sát cửa khẩu, trên những hướng nhất định mà chúng tôi dự đoán xác suất an toàn cao.

Bây giờ tới, loạt bom B.52 trút vào hướng đường F, chỉ có ba quả trúng mép đường ở phía Nam, có khả năng sau 15 phút ta sẽ khắc phục xong. Chúng tôi ra lệnh cho các đoàn cơ giới xuất kích trên hướng đó.

Ai đứng ở cửa khẩu lúc này mới thấy một bức tranh lạ lùng: máy bay B.52 cứ rải thảm, pháo, tăng, ô-tô của ta cứ đi. Trên trời thì ầm ầm máy bay, dưới đất thì ầm ầm bom nổ lẫn với tiếng rú của xe xích. Huyền não ác liệt và háo hùng, không cách gì vẽ nổi bức tranh kỳ diệu đó.

Chỉ trong vóng năm đêm, mấy trăm xe vừa tăng, vừa pháo cao xạ, pháo mặt đất, xe bọc thép, pháo tự hành đã vượt qua cửa khẩu, nằm gọn trong các khu tập kết của chiến dịch. Chỉ có một khẩu pháo bị đánh gãy cẳng. Năm đêm liên địch đã thực hiện 200 lần chiếc B.52 giội bom xuống cửa khẩu với hàng trăm tấn bom mà ta đưa vào chiến trường được khối lượng xe pháo như vậy quả là một kỳ công. Đồng chí Cao Văn Khánh⁽⁴⁾, Tư lệnh mặt trận đêm nào cũng gọi điện thoại cho tôi hỏi về tình hình vượt khẩu của tăng, pháo. Nhiều lúc tôi phải đề nghị đồng chí chờ cho tôi chỉ huy xong đợt vượt khẩu. Và cứ mỗi khi tôi báo cáo số lượng đã vượt qua an toàn thì đồng chí lại buột miệng nói: "Tuyệt quá! Cảm ơn Binh trạm 27". Kết thúc đợt vượt cuối cùng đồng chí gọi điện cho tôi và nói:

- Binh trạm 27 đã hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc. Địch đánh như thế mà tăng pháo vào được như thế là lý tưởng. Các đồng chí đã tạo điều kiện để bước vào chiến dịch một cách thuận lợi. Hoan hô Binh trạm 27! Bộ Tư lệnh Mặt trận nhiệt liệt biểu dương các đồng chí và sẽ đề nghị khen thưởng.

Phan Hữu Đại-
Nguyên sư đoàn trưởng
sư đoàn 571-Bộ đội Trường Sơn

(1)(2) *Đông chi Nauvễn Bá Tồn (nauvễn Phó tư lệnh Binh đoàn 12) và Nauvễn*

Văn Thân lập được nhiều thành tích được Nhà nước tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang vào năm 1972.

(3) (Mặt trận cánh Đông Đường 9-Nam Lào).

(4) Đồng chí Cao Văn Khánh sau này được phong quân hàm Trung tướng làm Tổng tham mưu phó.

(Còn nữa)

Ký ức chiến dịch Đường 9 Nam Lào (Số 2)

Ngày 21 tháng 02 năm 2006

Chiều ngày 7 tháng 2, hàng trăm lượt máy bay B.52, máy bay phản lực F4, F5 ném bom quyết liệt cả cửa khẩu, cả tung thâm, không những trên đường vận chuyển mà cả trong các khu đồi núi. Các cuộc oanh kích kéo dài suốt cả đêm. Chúng tôi đoán có thể địch đang dọn đường cho cuộc đổ bộ, liền ra lệnh cho các đơn vị bộ binh, pháo cao xạ, công binh, kho, giao liên của Binh trạm sẵn sàng chiến đấu, chú ý tiếp cận nơi địch đã ném bom.

Tám giờ sáng ngày 8 tháng 2, các đài quan sát của binh trạm báo cáo có hàng đàn máy bay trực thăng không đếm xuể đang bay về phía tây-bắc đường số 9 trên khu vực tam giác Cô Bốc-Làng Sen-Bản Đông. Bộ Tư lệnh 559 thông báo địch đã bắt đầu mở cuộc tiến công, Binh trạm 27 phải kiên quyết đánh trả.

Bộ Tư lệnh Mặt trận cũng gọi điện thông báo và yêu cầu binh trạm chiến đấu với mọi vũ khí có trong tay. Chúng tôi khẳng định là địch đã bắt đầu chiến dịch tấn công thực sự, do đó ra lệnh ngay cho từng đơn vị tập trung đánh máy bay trực thăng của địch. Khoảng 8 giờ 30 phút, cả khu vực nam, bắc đường số 9, bầu trời như chao đảo với sự nhào lộn gập rít của máy bay phản lực. Sự quay cuồng và tiếng nổ bành bạch của cả đàn trực thăng rồi tiếng bom nổ, tiếng đạn bay và lũ lượt từng đàn dù lơ lửng trên không hình thành một chiến địa khổng lồ hiện đại. Các cỡ đạn dưới đất bắn lên như mưa. Tiểu đoàn cao xạ 14 do đồng chí Chiêm trực tiếp chỉ huy báo cáo về binh trạm đã hạ được một chiếc, bắn bị thương một chiếc khác. Chủ nhiệm kho Làng Sen báo cáo có một chiếc trực thăng hạ xuống lòng chảo gần đèo 500, anh em giữ kho đã tập trung súng CKC chúc nòng xuống diệt luôn tại chỗ. Các đại đội công binh báo cáo anh em vác súng CKC đuổi theo trực thăng hết đồi này qua đồi khác, đã bắn cháy hai chiếc. Tin thắng lợi dồn dập bay về binh trạm. Cơ quan chính trị liên tục gọi dây nói thông báo các nơi. Cho đến chiều chúng tôi nhận được tin cuộc chiến đấu ngày đầu, toàn binh trạm đã bắn rơi 17 trực thăng và hai F4.

Bộ Tư lệnh 559 và Bộ Tư lệnh Mặt trận đánh điện biểu dương. Đồng chí Cao Văn Khánh với tiếng nói nhỏ nhẹ cô về là nhà chính trị hơn là nhà quân sự đã gọi điện khen ngợi cán bộ, chiến sĩ binh trạm đánh giỏi và động viên chúng tôi tiếp tục lập công.

Mặt trời vàng nhạt, tắt dần sau những dãy núi xám mờ. Lúc này máy bay B.52 vẫn còn đánh cửa khẩu, nhưng khoảng cách thưa dần. Chúng tôi hỏi hã cho đoàn xe vận tải xuất kích vượt khẩu chuyển hàng tới khu vực chiến dịch. Các bộ đàm⁽¹⁾ của binh trạm bắt đầu làm việc. Đồng chí Ngôn - tiểu đoàn trưởng thông tin báo cho tôi đã bắt được tần số bộ đàm của địch. Tôi cảm nghe, thấy bọn chúng đang hốt hoảng chửi nhau. Đứa kêu thiếu nước, đứa thì la không có hầm sẽ chết hết. Có thằng chửi cả chỉ huy đưa con bỏ chợ. Một cảnh hỗn loạn, bi quan tràn ngập trong bọn chúng. Đến 18 giờ 30 phút, tôi mở nghe đài BBC của Luân Đôn. Họ đưa tin cuộc tấn công của Mỹ-ngụy ngày đầu: nào là quân đội cộng hòa đã tập trung 35.000 quân, 50 chiếc máy bay B.52, 1.000 máy bay phản lực oanh kích và máy bay lên thẳng, 1.200 xe tăng, xe bọc thép và pháo tự hành mở cuộc hành quân Lam Sơn 791; nào là ông Thiệu mắc sai lầm kéo quân đến khu vực rừng núi má Việt cộng đã chờ sẵn; nào là lưới lửa phòng không của Việt cộng dày đặc chưa từng thấy; nào là quân đội cộng hòa đang ngồi trên các ốc đảo chưa nổi lên lạc được với nhau... Như vậy là đã rõ.

Tối hôm đó địch nới lỏng cửa khẩu, tập trung không quân đánh vào những khu vực nghi có quân ta bố trí. Từ Chà Li đến đường số 9 chớp sáng liên hồi, lúc chỗ này, lúc nơi kia, tiếp theo những tiếng nổ ầm ầm như sấm sét, kéo dài suốt đêm.

Sáng hôm sau, trực thăng của chúng cho đổ bộ tiếp một số quân và thả đồ tiếp tế. Hai thiết đoàn từ Lao Bảo tiến về Bản Đông bị quân ta tiêu hao một bộ phận.

Bộ chỉ huy chiến dịch do đồng chí Lê Trọng Tấn, Phó tổng tham mưu trưởng làm Tư lệnh trưởng; đồng chí Lê Quang Đạo, Phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị làm Chính ủy ra lệnh mở màn chiến dịch phản công trên toàn bộ các hướng.

Mặt trận phía Tây có các Sư đoàn 968, Sư đoàn 2, các binh trạm 9, 32, 33 do Tư lệnh 559 chỉ huy đã tiêu diệt các cánh quân của ngụy quân Lào, chặn đứng và tiêu diệt một bộ phận của thiết đoàn 1 tại Sê Pôn buộc số còn lại tháo chạy về Bản Đông, đồng thời một số bộ binh của chúng chạy về núi "yên ngựa" và điểm cao 723. Còn một số ngụy Lào sống sót thì chạy dạt về Đồng Hới.

Ở mặt trận phía Đông có các Sư đoàn 304, 320, 308, các binh trạm 27, 41 do Tư lệnh trưởng Cao Văn Khánh và Chính ủy Hoàng Phương chỉ huy, đã tổ chức cuộc phản công trên mọi hướng diệt nhiều xe tăng, xe bọc thép M.113 của địch, đồng thời đã sử dụng trung đoàn 64 có pháo binh mặt đất và cao xạ yểm hộ đánh thọc lên đồi "không tên". Ở đây cuộc chiến đấu giằng co diễn ra vô cùng ác liệt suốt cả đêm. Ngày cuối cùng ta đã diệt được đại bộ phận sinh lực địch, bắt sống đại tá, lữ đoàn trưởng Nguyễn Văn Thọ, kết thúc đợt 1 chiến dịch phản công.

Riêng trong đợt này, có khoảng một trung đội ngụy chạy dạt vào kho của binh trạm tại Làng Sen, bị đơn vị kho bao vây tiêu diệt.

Tôi đề nghị anh Bảo, Binh trạm phó tác chiến tổng hợp tình hình chiến đấu của binh trạm. Anh giờ sổ xem từng cột rồi nói:

- Quân của binh trạm chiến đấu giỏi, diệt 150 lính bộ binh, bắt sống 10 tên khác, có 1 sĩ quan thiếu úy, bắn rơi 24 trực thăng và 2 chiếc F4. Riêng khu vực cửa khẩu và đèo 300, đèo 500 địch đã sử dụng 500 lần chiếc B.52, hai nghìn lần chiếc máy bay ném bom phản lực, 100 lần chiếc trinh sát suốt đêm ngày, 500 đợt ném bom tọa độ, 30 lần chiếc máy bay AC.130 bắn đạn 40mm, số bom bi không đếm xuể. Số bom trúng đường 500 quả. Ta bị thương 50 đồng chí và hy sinh 20 đồng chí. Cơ quan Chính trị đọc thông báo của Bộ Tư lệnh cho biết ngày đầu bộ đội Trường Sơn hạ 50 máy bay, tiêu diệt trên 200 tên địch.

Chúng tôi trong ban chỉ huy thống nhất nhận định Binh trạm 27 đã làm được ba việc lớn trong chiến dịch này: một là, chỉ huy vượt khẩu toàn bộ binh khí kỹ thuật của mặt trận một cách thắng lợi; hai là, đảm bảo đầy đủ lương thực đạn dược; ba là, tham gia góp phần chặn đứng và làm rối loạn cuộc tấn công của địch trong giờ đầu, ngày đầu, diệt được một số sinh lực của chúng, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung. Tất cả thành quả vượt ngoài dự kiến của binh trạm.

Đợt một chiến dịch phản công của ta vừa kết thúc, tôi nhận được điện mời họp của đồng chí Đinh Đức Thiện, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần. Cuộc họp tại một địa điểm ở Bắc đường 16. Đến dự có các binh trạm trưởng thuộc Bộ Tư lệnh tiền phương Tổng cục Hậu cần. Chỉ có tôi và đồng chí Nguyễn Văn Lạn, Binh trạm trưởng Binh trạm 9 là cán bộ của Bộ Tư lệnh Trường Sơn, trực tiếp phục vụ chiến dịch Đường 9 - Nam Lào nên được mời họp. Tôi chưa bao giờ làm việc với đồng chí Đinh Đức Thiện. Ở cuộc triển lãm của Tổng cục Hậu cần tổ chức tại Viện quân y 108 năm 1956 mà tôi là một trong những cán bộ phụ trách, thấy đồng chí đang xem chiếc ô tô du lịch "Chiến thắng" do ta "sản xuất", tôi đề nghị đồng chí cho ý kiến nhận xét. Đồng chí nói ngay rằng chiếc xe của các anh nhìn "lắc lắc" lắm. Tôi phản ánh ý kiến ấy với đồng chí Nguyễn Thanh Bình⁽²⁾, Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, đồng chí Bình cười. Tôi cũng bật cười. Sau này tôi thường nghe anh em nói đồng chí Thiện có tính hay nói tục, không sợ ai trong quân đội ngoài Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Đại tướng Văn Tiến Dũng. Và cũng nghe một số anh làm việc gần với đồng chí thường kể về đồng chí như kể chuyện tiếu lâm. Tôi được nghe anh Ngọc "thọt"⁽³⁾ kể rằng anh bị đồng chí Đinh Đức Thiện tước quân hàm hồi vào kiểm tra tuyến đường Trường Sơn vì tiểu đoàn của anh bị địch đánh cháy 20 xe ở cửa chữ S trên đường 9. Nhưng Ngọc rất cứng đầu, gỡ ngay quân hàm thiếu tá trao lại cho đồng chí Thiện và nói: "Lần sau có thể tôi sẽ mang đầu về nộp cho đồng chí". Đồng chí Đinh Đức Thiện nhìn thẳng vào Ngọc mà hỏi:

- Anh nói như vậy là thế nào?

- Tôi muốn nói như vậy là vì xe tôi đi không có ai bảo vệ⁽⁴⁾ xe cháy chứ người rồi cũng chết.

Nghe ra có lý, biết mình nóng vô lối nên đồng chí làm lạnh và giao lại quân hàm cho Ngọc. Sau này khi kể lại chuyện này cho nhau nghe, ai cũng khen Ngọc quả là con người dũng cảm và đồng chí Thiện cũng rất phục thiện.

Lần này trực tiếp làm việc với đồng chí Đinh Đức Thiện, tôi mới được thấy đồng chí nóng thật, nóng quá! Nhưng cũng chỉ nóng với tùy người. Đồng chí chăm chú nghe tôi và anh Lạn báo cáo tình hình phục vụ mặt trận. Đồng chí còn chủ động, ôn tồn hỏi chúng tôi có đề nghị gì không.

Tôi yêu cầu đồng chí giải quyết mấy vấn đề: một là, thương binh rất nhiều, đường xấu, địch đánh mạnh, xe phải chạy nhanh rất xóc, thương binh đau đớn kêu rên, vì vậy đề nghị thủ trưởng cho xin vài trăm chiếc đệm hơi. Hai là, máy bay AC.130 đã chuyển thủ đoạn đánh đạn 40mm, mảnh văng rất xa, lái xe bị thương vong nhiều, đề nghị thủ trưởng cho xin 100 bộ áo giáp, mũ sắt. Chưa kịp trình bày đến vấn đề thứ ba đã thấy đồng chí nổi khùng lên, đôi mắt nhìn sòng sọc vào hai cán bộ của Bộ Tham mưu Tổng cục Hậu cần rồi quở trách rằng bọn các anh là lũ quan liêu, dối trên lừa dối, chuyên trò báo cáo láo, rằng tôi phải lặn lội sang đất nước người ta xin được hàng nghìn mũ sắt, áo giáp, hàng vạn đệm hơi, vậy các anh để ở đâu? Tôi nói cho các anh biết, hãy lột sao bỏ xuống rồi vào chiến trường, đừng có hòng mà về Hà Nội. Nhìn thấy hai anh ngồi im không nói một câu, tôi cảm thấy hơi lạ. Sau này mới biết khi đồng chí Thiện nổi nóng thì cái thuật đối phó như vậy là thượng sách nhất, yên ổn nhất. Thú thực, đây là lần đầu tiên gặp trường hợp như vậy nên tôi ngạc nhiên và quyết định không yêu cầu gì thêm nữa, vì sợ không may đồng chí lại tiếp tục nổi nóng giằng bực tức xuống đầu cán bộ giúp việc thì thật không hay.

Thấy tôi im lặng, đồng chí hỏi tiếp:

- Đồng chí cần gì nữa cứ đề đạt.

Tôi quyết định chấm dứt nên trả lời:

- Báo cáo thủ trưởng, chỉ đề nghị từng ấy thôi ạ.

Sau khi chúng tôi không còn ý kiến gì nữa, anh Thiện ôn tồn nói với chúng tôi mấy điểm: Một là, phải bằng mọi cách bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất cho chiến dịch. Cần gì cứ báo cáo thẳng với Tổng cục, tôi sẽ chi viện kịp thời. Hai là, toàn bộ số xe hiện có của binh trạm chỉ để phục vụ cho chiến dịch, tạm ngừng vận chuyển chiến lược. Nhiệm vụ đó các binh trạm phía Tây Trường Sơn sẽ làm.

Tôi trả lời ngay:

- Báo cáo thủ trưởng, lệnh của Bộ Tư lệnh 559 là vẫn phải vận chuyển chiến lược và phục vụ chiến dịch.

- Anh cứ làm theo mệnh lệnh của tôi. Tối nay tôi sẽ gọi điện cho anh Đồng Sĩ Nguyên biết chủ trương này.

Đến chiều cuộc họp kết thúc, đồng chí mời tôi và anh Lạn ăn cơm. Khi chúng tôi xin phép ra về, đồng chí vỗ vào vai hai chúng tôi dặn dò đi đường phải cẩn thận, vì còn phải vào làm việc. Tình cảm của đồng chí đã để lại trong tôi một ấn tượng tốt đẹp.

Về sau trong nhiều cuộc tiếp xúc, tôi càng thấy đồng chí là một người có tài, cương trực, giàu tình cảm, có lòng thương chiến sĩ khi đang chiến đấu, nhưng tính nóng thì không sửa được. Có lần đồng chí nói toạc ra rằng cho anh em ăn no hôm nay để chiến đấu vì ngày mai liệu anh em có còn sống nữa không mà tiếc. Khi đánh giá công tích của các đơn vị, đồng chí cũng có những ý kiến công bằng. Đồng chí thường nói khi cần mở một chiến dịch hay một trận đánh thì cấp trên thường nói hậu cần giữ vai trò quyết định. Đánh hay không đánh trước hết phải hỏi hậu cần có đảm bảo được cơ sở vật chất kỹ thuật hay không. Nhưng khi đánh thắng, tổng kết chiến dịch thì thường ít nói đến hậu cần, công lao thường quy cho tham mưu, chính trị. Anh em nghe đồng chí phân tích vấn đề này thường gật gù tàn thương.

Đến khoảng 10 giờ đêm hôm đó, khi về đến sở chỉ huy binh trạm, tôi gọi điện thoại ngay báo cáo với Bộ Tư lệnh 559 về nội dung nhiệm vụ mà Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần giao, trong đó có ý kiến tạm ngừng vận chuyển chiến lược để tập trung dồn sức phục vụ chiến dịch. Anh Nguyên ôn tồn nói với tôi:

- Anh Thiện lo cho hướng chiến dịch lúc này là phải. Nhưng đồng chí cần chi viện cho hướng anh Lạn để tiếp tục đưa hàng vào chiến trường. Nếu tôi tăng cường cho đồng chí một đại đội xe, liệu có làm được không?

(còn
nữa)

Phan Hữu Đại (Nguyên sư đoàn trưởng sư đoàn 571-Bộ đội Trường Sơn)

(1) Máy vô tuyến 2 oát nói chuyện cự ly gần thường dùng sau khi trận đánh đã khai hỏa.

(2) Đồng chí Nguyễn Thanh Bình sau này là Ủy viên Bộ Chính trị.

(3) Đồng chí Ngọc là thiếu tá, đoàn trưởng đoàn xe 101, bị thương thọt một chân, đã hy sinh ở chiến trường.

(4) Lúc đó chưa có pháo vào bảo vệ vận chuyển.

 TOP

Ký ức chiến dịch Đường 9 Nam Lào (Tiếp theo và hết)

Ngày 22 tháng 02 năm 2006

- Báo cáo anh, nếu được như vậy tôi hứa sẽ làm tốt cả hai nhiệm vụ vừa vận chuyển chiến dịch, vừa vận chuyển chiến lược.

Hai ngày sau, binh trạm nhận một lúc hai đại đội xe Zin 157 mới toanh. Một đại đội do đồng chí Đinh Đức Thiện cho, một đại đội do Bộ Tư lệnh 559 cấp. Thế là trong tay chúng tôi có một lực lượng vận tải khá hùng hậu.

Ba ngày sau, tôi lại nhận được điện của Bộ chỉ huy chiến dịch triệu tập để phổ biến quyết tâm mở đợt 2 của chiến dịch và giao nhiệm vụ cho Binh trạm 27. Tôi đi xe suốt đêm, đến bảy giờ sáng thì vào tới Bộ chỉ huy đóng tại phía bắc đường số 16 bên dãy lên đá. Tư lệnh Lê Trọng Tấn và Chính ủy Lê Quang Đạo chủ trì hội nghị. Tôi nhận ra có cả đồng chí Lương Nhân, Phó chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, đồng chí Đoàn Tuế Chủ nhiệm pháo binh mặt đất, đồng chí Hoàng Văn Khánh Chủ nhiệm pháo phòng không, đồng chí Ngô Thành Văn Chủ nhiệm Chính trị... Tôi đã được trực tiếp nghe đồng chí Lê Quang Đạo nói chuyện trong nhiều cuộc họp, thấy đồng chí vốn là một cán bộ rất điềm đạm, khi trình bày một vấn đề thường lập luận chặt chẽ, vừa có tính chiến đấu vừa có sức thuyết phục. Vào cuộc họp này, đồng chí nói vấn đề rất ngắn gọn rồi nhường lời cho đồng chí Lê Trọng Tấn.

Tư lệnh Lê Trọng Tấn dáng người không có gì đặc biệt, mặt hơi gầy, không oai vệ như nhiều cấp tướng khác: cách nói giản dị, chân chất nhưng rất chắc chắn. Đồng chí thay mặt Bộ chỉ huy sơ kết những nét chủ yếu về diễn biến tình hình và kết quả chiến đấu đợt 1 chiến dịch. Trong lúc biểu dương những đơn vị chủ lực cơ động của Bộ, đồng chí đã khen ngợi và nhấn mạnh đến vai trò lực lượng tại chỗ của các binh trạm thuộc Đoàn 559. Đồng chí nói nhờ có lực lượng tại chỗ nên đã chuẩn bị tốt chiến trường, ém sẵn đầy đủ cơ sở vật chất, đặc biệt đã cắm chân và tiêu hao nhiều lực lượng của địch, làm rối loạn chúng ngay từ phút đầu... Sau đó đồng chí phổ biến quyết tâm mở đợt 2 chiến dịch, là đợt có ý nghĩa quyết định đập tan cuộc hành quân Lam Sơn 719. Dừng lại một lúc, đồng chí chậm rãi nhấn mạnh nhiệm vụ từng hướng và các mục tiêu của địch phải tiêu diệt... Sau khi đánh giá tương quan lực lượng, đồng chí nắm tay lại, đặt trên bàn rồi nói:

- Chúng ta quyết đánh bại địch trong đợt 2 chiến dịch phản công này, song vấn đề chủ yếu hiện nay không phải là cách đánh, vì nó đã được giải quyết một cách đúng đắn. Vấn đề là ở chỗ có bảo đảm cơ sở vật chất một cách đầy đủ cho chiến dịch trong đợt 2 này không. Nếu không bảo đảm được thì không đánh được, đó là chân lý đơn giản.

Tôi thấy đồng chí quan tâm và nhấn mạnh vấn đề này là có lý, vì từ mấy ngày nay máy bay B.52 liên tục dội bom xuống cửa khẩu. Ngay đang lúc ngồi họp vẫn nghe tiếng bom ầm ầm từng đợt ở phía cửa khẩu Chá Lì, ai cũng lo vận chuyển bị chặn đứng.

Rồi đồng chí kết luận: thời cơ tốt nhất là ngày mai sẽ mở màn đợt 2 phản công chiến dịch. Ngày đầu phải bảo đảm 1.000 tấn đạn dược và lương thực, nhất là đạn Đ.74⁽¹⁾ phải có 2.000 quả, những ngày sau phải bảo đảm 300-500 tấn một ngày. Bây giờ chờ Binh trạm trưởng 27 phát biểu quyết tâm.

Có lẽ những người dự cuộc họp đều thấy lúc này khâu vận chuyển có ý nghĩa quyết định cho việc triển khai đợt 2 chiến dịch và thông cảm với khó khăn của Binh trạm 27 nên chăm chú nhìn vào thái độ của tôi, chờ đợi một sự trả lời. Tôi phát biểu:

- Báo cáo vờì Bộ chỉ huy, tôi đã nhận thức được ý nghĩa trọng đại của đợt 2 chiến dịch và xin thực hiện mệnh lệnh của Bộ chỉ huy, nhưng xin kiến nghị vấn đề như sau:

Một lá, chi viện cho chúng tôi hai chiếc thuyền sắt K61 để chuyển tải qua sông, phóng nước sông Sê Bông Hiêng dâng lên khi có gió mùa Đông Bắc bắt ngờ.

Hai là, ra lệnh cho các đơn vị pháo thu gom đạn Đ.74 còn bỏ lại ở các trận địa cũ để sử dụng ngay trong những phút đầu mở màn chiến dịch.

Ba là, giờ G⁽²⁾ là năm giờ sáng, như vậy sẽ kéo căng lực lượng không quân, tạo điều kiện cho binh trạm hoàn thành nhiệm vụ.

Đồng chí Lê Trọng Tấn mỉm cười:

- Đồng ý. Binh trạm trưởng 27 muốn chúng ta kéo căng địch ra để có điều kiện vận chuyển vượt khẩu. Bộ chỉ huy đã có những quyết định phù hợp với yêu cầu của đồng chí. Bốn giờ sáng mai sẽ có thuyền sắt cho đồng chí ở điểm vượt sông Sê Băng Hiêng. Về đạn pháo Đ.74, đồng chí Doãn Tuế điện ngay cho các đơn vị gom lại, không được bỏ sót một thành viên. Đồng chí Binh trạm trưởng đã yên tâm chưa? Nhưng phải nhớ kỹ số lượng và thời gian.

Ăn cơm xong, tôi chia tay với đồng chí Lương Nhân và Ngô Vi Thiện - Chủ nhiệm hậu cần mặt trận B.70, nhưng không lên xe về ngay đơn vị vì sợ triển khai bị chậm, không kịp thời gian. Tôi đến cơ quan tác chiến của Bộ chỉ huy chiến dịch nhờ máy điện thoại gọi về Binh trạm để chỉ đạo ngay. Rất may, vừa gọi điện thoại đã gặp Phó chính ủy Binh trạm Phùng Hữu Đế. Tôi yêu cầu anh báo cáo ngay với thường vụ và ban chỉ huy mấy việc:

- Huy động cho được 140 xe của tiểu đoàn 62 và tiểu đoàn 965 ngay đêm nay xếp được 500 tấn hàng theo kế hoạch của hậu cần mặt trận, trong đó có 2.000 quả đạn Đ.70, chậm nhất năm giờ sáng mai phải vượt khẩu hết.

- Chờ đà rải ngấm để phòng nước sông lên to.

- Động viên tinh thần mọi người xông lên phía trước vì thắng lợi của chiến dịch. Ngay trong đêm, tôi sẽ về thông báo cụ thể.

Anh Đế chỉ hỏi một câu:

- Tiểu đoàn 62 đến 12 giờ đêm mới về thì sao?

- Thì cho bốc hàng ngay, chạy cả ban ngày, cứ thế mà làm nhé.

Nói xong tôi bỏ máy ra xe, chạy một mạch đến 24 giờ mới về tới binh trạm. Khi tới suối Vĩnh Linh đã thấy đội hình xe của tiểu đoàn 965 nối dài dưới sự chỉ huy của Tiểu đoàn trưởng Ngô Quảng. Tôi động viên đồng chí Ngô Quảng cố gắng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong chuyến vận chuyển này.

Về tới sở chỉ huy, tôi đến ngay phòng trực chiến, đã thấy tất cả các trực ban vận chuyển, cầu đường, tác chiến, chính trị, hậu cần đều có mặt đầy đủ bên các máy điện thoại trong các ngách hầm riêng. Các đồng chí trong ban chỉ huy vẫn còn chờ tôi tại bàn giao ban. Tôi cảm thấy hình như có cái "giác quan thứ sáu" nào đấy đã giúp các đồng chí đoán biết việc trọng đại sắp xảy ra. Anh Bào nhanh nhẩu hỏi ngay:

- Có chuyện gì mới không anh?

- Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định năm giờ sáng mai sẽ nổ súng mở màn đợt 2 chiến dịch. Binh trạm phải vận chuyển ngay ngày đầu 1.000 tấn, những ngày sau 300-500 tấn. Chúng ta sẽ huy động hết mọi xe chạy cả tối nay, cả ngày mai mới đủ số lượng và kịp thời gian.

Anh Quỳnh thắc mắc:

- Chạy ban ngày, địch phát hiện sẽ đánh cháy hết!

- Không, năm giờ sáng mai, chiến dịch nổ súng sẽ kéo máy bay về khu vực đường số 9, sức ép của địch sẽ giảm hẳn. Trời lại có sương mù, nên ta có điều kiện hoạt động cả ban ngày.

Lúc này máy bay B.52 đang đánh vào tuyến đường của "tay áo". Theo phương án, các đoàn xe đã áp sát ngấm Sê Băng Hiêng, cách điểm rơi của các loạt bom 200 mét. Công binh báo cáo cả ba đường vượt khẩu số bom rơi trúng 10 quả, 15 phút sẽ khắc phục xong. Tôi thống nhất với các anh ra lệnh cho Tiểu đoàn xe 965 vượt khẩu trên hai tuyến, còn một tuyến dành cho Tiểu đoàn 62 quay về. Anh Bào điện cho các đơn vị pháo đánh trả máy bay quyết liệt, chỉ viện tối đa cho các đoàn xe. Anh Tấn thúc các đơn vị công binh sẵn sàng ứng cứu. Anh Đế và anh Thụ trực tiếp động viên lái xe.

Các đoàn xe của ta ào ào vượt khẩu. Chiếc nào bị hỏng gạt sang một bên, và chỉ trong vòng hai giờ đồng hồ, các đoàn xe đã lọt vào khu vực Mường Trương. Các đội dân công hòa tuấn các chiến binh, các pháo thủ và chiến sĩ hầu cần chiến dịch hướng

dẫn xe về các trận địa để hạ hàng. Trên trời có tiếng động cơ máy bay AC130 và tiếp đó pháo sáng được thả ra làm sáng rực khu vực Mường Truong. Pháo cao xạ tầm cao của chiến dịch đánh trả quyết liệt. Trả hàng xong, đoàn xe binh trạm mở hết tốc độ vượt pháo sáng quay về của "tay áo".

Từ nửa đêm cho đến ba giờ sáng, cả hai Tiểu đoàn xe 965 và 62 đã về tới binh trạm và được điều thẳng vào các cụm kho.

Binh trạm phải huy động toàn bộ lực lượng cơ quan, cảnh vệ cùng với các đơn vị kho bốc dỡ suốt đêm. Có lái xe ăn tạm miếng lương khô rồi tranh thủ ngủ ngời trong buồng lái.

Năm giờ sáng, các đội hình xe gồm 140 chiếc lại được tập kết trên ba hướng vượt khẩu. Đợi cho chiếc máy bay AC.130 quay đầu về căn cứ, binh trạm ra lệnh cho xe vượt. Lúc này vừa đúng 5 giờ 30 phút.

Khi các đoàn xe đang vượt sông thì đã nghe tiếng pháo cỡ lớn nổ ùng ùng, dồn dập hết đợt này đến đợt khác.

Anh em trực chiến reo lên: "Giờ G đã bắt đầu!". Vì được quán triệt các tình huống nên anh em lái xe bình tĩnh vượt khẩu trong sương mù dày đặc. Các đội hình xe nối đuôi nhau rùng rùng ra trận.

Một khoảng không gian rộng lớn cả bắc lẫn nam đường số 9 đầy máy bay trực thăng, máy bay cánh quạt, máy bay phản lực, máy bay trinh sát và cả máy bay hạng nặng AC.130 quần thảo, đánh phá dữ dội trên nhiều điểm. Chốc chốc, siêu pháo đài bay B.52 lại rải thảm vào các khu rừng. Ta đánh trả quyết liệt. Một vùng rừng núi bao la đầu đầu cũng thấy máy bay, chiếc vòng xoáy, chiếc bỏ nhào, tiếng pháo ta, tiếng pháo địch, tiếng bom nổ âm âm, tiếng gầm của xe tăng và xe bọc thép, chỗ này khói xanh, chỗ kia khói xám, chỗ có đám cháy, lửa khói bốc cao.

Tin tức của các đài quan sát binh trạm tới tấp bay về. Khi báo cáo ta đã tiêu diệt ở Láng Sen, ở Cu Bốc. Khi báo cáo ta và địch đang quần nhau ở đèo 500, đèo 650...

Các trạm điều chỉnh giao thông cho biết, chín giờ sáng các đoàn xe của binh trạm đã tới khu tập kết, dỡ hàng xong và đang quay về. Không quân địch còn vây quanh bảo vệ các điểm chốt của bộ binh chúng và đang tìm chủ lực của ta để giội bom, nên tạm thời bỏ lại đánh phá khâu tiếp tế.

Ba giờ chiều đoàn xe đã về tới binh trạm. Thời cơ thuận lợi, binh trạm chủ trương đổi lái và tiếp tục cho xe chạy cả ngày lẫn đêm.

Lúc này chiến trường đầy áp háng. Chúng tôi phải lập thêm một kho dự trữ ở Ta Ha. Một ngày, rồi hai ngày, năm ngày, một tuần, quân ta và quân địch pháo đấu pháo, tăng chọi tăng, bộ binh quần nhau trên từng điểm cao. Tận dụng thời cơ, binh trạm tung hết lực lượng xe, chạy đêm, chạy ngày hoá thành xuất sắc nhiệm vụ trên mọi hướng với khối lượng cao chưa từng thấy, thỏa mãn nhu cầu cho chiến dịch...

Tin từ Bộ Tư lệnh Mặt trận loan báo: Ta đã đại phá Bản Đông.

Đồng chí Cao Văn Khánh gọi dây nói cho tôi ra lệnh tổ chức đội hình xe chở bộ binh và đạn dược, lương thực truy kích địch. Ngay lập tức, tôi và đồng chí Vĩ chỉ huy một đội hình 30 xe mở hết tốc độ chạy vào Bản Đông. Máy bay đuổi dượt trên đầu nhưng pháo ta kiềm chế kịch liệt, một số xe bị đánh cháy, nhiều đồng chí bị hy sinh. Đến 2 giờ chiều đoàn xe đến ngã ba Bản Đông rồi rẽ về hướng Hướng Hóa. Chạy được hơn một ki-lô-mét thì xe không thể tiến được nữa vì tăng của địch bỏ lại chắn hẳn lối đi. Trước mắt chúng tôi, hàng trăm xe tăng địch nằm la liệt, chiếc thì quay ngang chắn đường, chiếc chúi đầu xuống vực, chiếc ghéch đầu lên còn đất, nhiều chiếc, máy vẫn còn nổ âm âm. Hai chiếc trực thăng nằm kình giữa ngã ba Bản Đông không có giặc lái. Đoàn xe chúng tôi đánh quay trở lại giấu trong khu rừng le ở Cha Ky. Nơi đây, xác xe bọc thép M.113 của địch cũng nằm la liệt trên đồi, dưới suối; trông đủ biết bọn chúng hoảng hốt đến mức nào.

Tôi gọi điện báo cáo với đồng chí Tư lệnh trưởng Cao Văn Khánh rằng đội hình xe của binh trạm không thể vượt chướng ngại để truy kích địch được vì đường bị phá và xe tăng địch chắn ngang lối.

Tư lệnh Cao Văn Khánh vui mừng nói với tôi:

- Địch đã rút chav tán loạn. bỏ lại hầu hết tăng. pháo và xe bọc thép kể cả máv

bay trực thăng. Như vậy là chiến dịch đã kết thúc giòn giã. Binh đoàn 27 chấp hành nghiêm mệnh lệnh, lập chiến công xuất sắc trong phục vụ chiến dịch. Nhân danh Bộ tư lệnh B70 tôi nhiệt liệt biểu dương các đồng chí.

Tôi cảm ơn đồng chí tư lệnh và đặt máy. Trong lòng xốn xang niềm sung sướng bởi đã được tham gia một chiến dịch phản công đại quy mô toàn thắng. Một chiến dịch giáng đòn chí tử vào học thuyết "Việt Nam hóa chiến tranh" của tổng thống Ních-xơn. Đồng thời, làm phá sản ý đồ cắt đứt tuyến chi viện chiến lược Trường Sơn Đường Hồ Chí Minh hùng làm tàn lụi cuộc chiến tranh cách mạng của quân dân miền Nam.

(1) Đạn Đ.74 là đạn pháo mặt đất cỡ 122mm.

(2) Giờ G là giờ quy định nổ súng.



PHAN HỮU ĐẠI (Nguyên sư đoàn trưởng Sư đoàn 571 B

Thống nhất quản lý hoạt động của phương tiện, khí cụ bay toàn quốc

Ngày 23 tháng 02 năm 2006

QĐND - Sáng 23-2, Quân chủng Phòng không-Không quân đã tổ chức ra mắt Câu lạc bộ Hàng không khu vực phía bắc và bay biểu diễn máy bay tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn MI-171 mới được trang bị. Đến dự và chỉ đạo buổi bay có các đồng chí: Đại tướng Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an; Thượng tướng Phùng Quang Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương, Tổng tham mưu trưởng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; đồng chí Lê Huy Ngọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban phòng, chống lụt, bão Trung ương.

Những năm qua, được Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành quan tâm, Quân chủng Phòng không-Không quân đã thành lập Ban giáo dục quốc phòng và củng cố hoạt động của các bộ môn như: nhảy dù, mô hình hàng không và máy bay thể thao. Với các trang bị như: máy bay YAK-52, RO-6, CHE-22 và khí cụ bay các loại, những tổ chức hàng không đã thực hiện bay hàng nghìn giờ và nhảy dù an toàn, phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, thể thao của đất nước và quốc phòng-an ninh. Các đơn vị, tổ chức, cơ sở nghiên cứu đã thiết kế, chế tạo nhiều loại phương tiện, khí cụ bay, tham gia các hội thi mô hình máy bay điều khiển từ xa bằng vô tuyến có hiệu quả.

Trong thời gian tới, Quân chủng Phòng không-Không quân chỉ đạo các Câu lạc bộ hàng không hoạt động có hiệu quả, nâng cao chất lượng huấn luyện, đào tạo người điều khiển phương tiện bay, tổ chức hướng nghiệp quốc phòng, thu hút nhiều hội viên tham gia, bảo đảm lựa chọn người tài phục vụ ngành hàng không quân sự và đất nước. Nhà nước và Bộ Quốc phòng tiếp tục đầu tư nâng cấp, sử dụng hiệu quả các phương tiện hàng không phục vụ cứu hộ, cứu nạn, huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu.



HƯƠNG HONG THU

Dưới những cánh bay (Số 1)

Ngày 23 tháng 03 năm 2006

...

Những cuộc chiến trên không

Sau ngày giải phóng, tình hình chính trị ở miền Nam còn hết sức phức tạp. Bên cạnh đó công tác an ninh, an toàn tại các sân bay chưa thật bảo đảm. Trang thiết bị soi chiếu, kiểm tra hàng hoá, hành lý của hành khách đều bằng tay.

Sự thiếu hụt phương tiện ấy là cơ hội tốt cho một số đối tượng phản động điên cuồng chống đối chính quyền tổ chức cướp máy bay để chạy ra nước ngoài. Và sân bay Đà Nẵng lúc bấy giờ là cái đích nhắm của các đối tượng này. Tại phòng truyền thống của Cụm cảng đặt ở sân bay Quốc tế Đà Nẵng, tôi đã được đọc một số tài liệu về những vụ không tặc "... Ngày 26-6-1978, bọn không tặc giả danh hành khách âm mưu cướp máy bay DC-4 do tổ bay Phạm Trung Nam điều khiển đang bay trên đường bay Đà Nẵng - Buôn Ma Thuột. Tổ bay đã chống trả quyết liệt không cho chúng vào buồng lái, vừa chống trả vừa khéo léo xử lý tình huống đưa máy bay về lại sân bay Đà Nẵng hạ cánh bảo đảm an toàn cho hành khách. Bọn không tặc bị bắt, tổ lái có hai thành viên bị thương nặng...". Thấy tôi trầm ngâm trước đoạn tài liệu về vụ không tặc này, anh Thành cho biết:

- Đúng là thời gian đầu ta chưa có kinh nghiệm, việc thiếu thốn phương tiện soi chiếu để phát hiện vũ khí thì đã rõ rồi, nhưng việc đặt vấn đề phải hành động kiên quyết, mục đích chính là tiêu diệt bọn không tặc trên máy bay là cách đặt vấn đề ở thế bất khả kháng, do ta chưa đủ trình độ, phương tiện để loại bỏ những nguy hiểm ngay từ mặt đất.

Tôi được nghe kể về cuộc chiến đấu trên không ngày 7-2-1979 của tổ bay AN-24 số hiệu 266 do lái trưởng Nguyễn Văn Tôn chỉ huy và chiến sĩ cảnh vệ có nhiệm vụ bảo vệ máy bay Nguyễn Đắc Thoại trực tiếp dùng súng chiến đấu tiêu diệt bọn không tặc. Tôi đã điện thoại đi tìm những con người quả cảm này, nhưng đều không gặp. Được biết, anh Tôn đã nghỉ bay khá lâu, có thời gian dài làm Giám đốc XI nghiệp bay phục vụ kinh tế quốc dân, nay đã nghỉ hưu. Còn chiến sĩ cảnh vệ Nguyễn Đắc Thoại năm xưa hiện đang công tác tại ban Dịch vụ hành khách, thuộc hãng Hàng không Việt Nam Airlines. Xin được chép ra đây như một lời ngợi ca những người quả cảm, can trường bảo vệ tài sản, tính mạng của Nhà nước, của nhân dân trong điều kiện hiểm nguy kề cận:

ĐẶNG TRUNG HỘI

Dưới những cánh bay (Tiếp theo và hết)

Ngày 24 tháng 03 năm 2006

"... Rời sân bay Đá Nẵng đi Tân Sơn Nhất được chừng 20 phút. Trong khoang hành khách, tiếp viên đang chuẩn bị bữa ăn nhẹ, lái trưởng Nguyễn Văn Tôn và tổ lái không rời hệ thống điều khiển. Bỗng tín hiệu màu vàng của hệ thống lái nhấp nháy liên tục (đây là tín hiệu báo trọng tâm của máy bay có vấn đề). Sau nhiều lần điều chỉnh, nhưng tín hiệu màu vàng vẫn tiếp tục nhấp nháy. Linh cảm nghề nghiệp của 20 năm cầm lái đã mách bảo cho Tôn có chuyện không lành đang diễn ra trong máy bay. Anh ra lệnh cho cơ giới kiểm tra khoang hành khách. Quan sát qua lỗ nhỏ cơ giới cho biết, hình như trong khoang hành khách đang xảy ra cái nhau. Nghe báo cáo, lái trưởng Nguyễn Văn Tôn khẳng định:

- Không thể có chuyện cãi nhau, chuẩn bị ngay phương án chống không tặc.

Cả tổ lái nhanh chóng thực thi nhiệm vụ. Người thì chốt chặt và chặn thêm cửa thông ra khoang hành khách, người thì xả bớt áp suất trong khoang để đề phòng nổ máy bay. Mỗi người một cây súng sẵn sàng chiến đấu đề phòng bọn không tặc đột nhập buồng lái. Cùng lúc đó, qua hệ thống thoại nội bộ, tiếp viên hàng không thông báo khẩn cấp: "Có không tặc". Trong trường hợp này, hạ cánh khẩn cấp là điều bắt buộc phải làm, nhưng hạ xuống sân bay nào là điều tổ lái phải cân nhắc. Qua những giây phút hội ý, lái trưởng Nguyễn Văn Tôn quyết định đưa máy bay hạ cánh xuống sân bay Plei-cu. Bởi, nếu quay về Đá Nẵng quãng đường xa hơn lên Plei-cu, hơn nữa nếu đột ngột thay đổi hướng bay để làm cho bọn không tặc phát hiện và như vậy chúng sẽ liều lĩnh hơn. Với quyết định chính xác ấy, Tôn cho máy bay đến không phận Plei-cu. Từ độ cao 700m, tổ bay đã quan sát thấy đường băng sân bay mờ mờ ở phía trước. Máy bay vẫn vùn vụt lao xuống với tốc độ quá lớn, buộc lái trưởng Nguyễn Văn Tôn phải nhắc lên để thả càng và thả cánh tà. Khi tín hiệu màu xanh bật sáng báo hiệu càng và cánh tà đã hạ xong, ước lượng cự ly cho phép, Tôn ra lệnh tắt máy và vận dụng tất cả những gì đã tích lũy được trong những năm tháng bay của mình, cho máy bay đáp xuống sân bay thật êm để kẻ địch hoàn toàn bất ngờ. Sân bay Plei-cu hôm đó không có chuyến bay, nhưng thấy chiếc AN-24 hạ cánh đột xuất, lãnh đạo sân bay cùng một số cán bộ, chiến sĩ sân bay chạy ra. Lái trưởng Nguyễn Văn Tôn mở cửa buồng lái thông báo cho bộ phận mặt đất biết, trên máy bay có không tặc. Phương án phòng, chống không tặc ở mặt đất được triển khai...

Trong lúc tổ lái xử lý tình huống đưa máy bay về sân bay Plei-cu thì bọn không tặc gồm 5 tên, đều là sĩ quan của quân đội ngụy, trong số này có tên Thục, nguyên là hoa tiêu của máy bay UH1. Vũ khí của bọn không tặc gồm có 2 chiếc chai đựng rượu, một con dao nhíp và một quả lựu đạn. Lựu đạn bọn chúng cho vào hộp sữa rồi hàn kín lại. Như đã nói, do chưa có hệ thống soi chiếu, nên công tác kiểm tra, kiểm soát đã không phát hiện ra vũ khí bọn chúng mang theo. Đã từng làm trong ngành hàng không, khi biết máy bay đã đạt độ cao ổn định, tên Thục đứng dậy đi về phía buồng lái, quay về phía hành khách, tay cầm quả lựu đạn tuyên bố: "Tất cả ngồi im, ai có hành động chống cự sẽ cho lựu đạn nổ ngay. Sau khi máy bay ra nước ngoài, sẽ cho hành khách trở về an toàn". Cùng lúc ấy một tên khác tay cầm hai chai rượu và con dao nhíp đi lại phía đuôi máy bay để khống chế tiếp viên hàng không. Trong lúc khống chế, bọn không tặc nhắm một hành khách làm trong ngành hàng không, anh này đi phép mặc bộ đồ trong ngành, bọn chúng tưởng đó là nhân viên bảo vệ, nên áp sát khống chế anh này. Sự nhầm lẫn này đã tạo điều kiện cho chiến sĩ cảnh vệ Nguyễn Đắc Thoại có thêm thời gian để chủ động đối phó với bọn không tặc. Một thoáng suy nghĩ trong đầu, biết đây là cuộc chiến đấu không cân sức, anh liếc mắt quan sát, thấy trước mặt mình có hai tên, phát hiện tên Thục cầm quả lựu đạn chưa kịp rút chốt, anh vờ đưa tay lên đầu để lừa bọn chúng, rồi nhanh chóng thò tay vào túi rút khẩu súng ngắn. Bỗng có một tiếng la lớn:

- Thằng này có súng, phải diệt nó ngay chúng mày ơi!

Cả bọn xúm lại phía anh, nhưng nhanh hơn bọn chúng, Thoại bật chốt an toàn khẩu K54 chĩa thẳng súng vào tên Thục bóp cò. Một tiếng nổ đanh, tên Thục ngã vật xuống sàn, quả lựu đạn lăn vào gầm ghế. Một tên trong bọn chụp được tay anh ghì khẩu súng xuống, tên ở phía sau chạy tới cầm hai chai rượu đập vào đầu anh. Như có một sức mạnh vô hình sau những giây phút bị choáng, anh vùng dậy nổ súng tiêu diệt tên vừa đánh mình. Cùng lúc ấy súng hết đạn, chợt nhớ trên giá hành lý còn một khẩu súng của hành khách gửi, anh nhào người lên lấy xuống. Hai tên còn lại như con thú say máu xông lại ghì chặt anh xuống ghế hòng tước vũ khí. Hành khách lúc đó đều cuống lên sợ hãi, chẳng ai giúp được gì. Trong lúc tình mạng "ngần cân treo sợi tóc", anh kịp gạt chốt an toàn khẩu súng rồi lấy hết sức bình sinh xoay người ghì khẩu súng vào ngực tên đang vật ghì anh, viên đạn đã hát tên không tặc bật tung lên rồi đổ sập xuống sân máy bay. Thoát khỏi sự khống chế của chúng, cùng với sự góp sức của anh Thành (nhân viên hàng

không) Thoại tiếp tục tiêu diệt tên thứ tư trước khi ngất đi vì mất máu. Và như đã nói, khi máy bay hạ cánh xuống sân bay Plei-cu, lực lượng mặt đất đã nhanh chóng khống chế khoang hành khách, bắt tiếp một tên không tặc còn lại cùng vợ tên Thục, bảo đảm an toàn cho hành khách...

Hồi ức-Kỷ niệm

Bộ Tổng tham mưu với chiến dịch Tây Nguyên năm 1975

Ngày 24 tháng 03 năm 2006

Trong những tháng cuối năm 1974, tại Bộ chỉ huy Mặt trận B3 (Tây Nguyên) còn nằm trong bí mật ý đồ chiến lược, nhưng tất cả cán bộ mặt trận và các binh chủng đã đi vào công tác chuẩn bị chiến trường cho chiến dịch mùa khô năm 1975.

Đồng bào các dân tộc Tây Nguyên cùng bộ đội kéo pháo vào trận địa trong chiến dịch Tây Nguyên, tháng 3-1975

Tháng 11-1974, đoàn cán bộ Bộ tư lệnh B3 do Thiếu tướng Vũ Lăng, Tư lệnh trưởng, đồng chí Nguyễn Quốc Thước, Tham mưu trưởng, cùng các tư lệnh đơn vị, binh chủng từ cơ quan B3 xuống binh trạm Nam đi về hướng Đức Lập vào Đắc Đăm triển khai trình sát các mục tiêu và thiết lập sở chỉ huy chiến dịch theo ý định chiến lược của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng: "Mặt trận B3 đảm nhiệm hướng chiến lược chủ yếu của toàn Miền trong chiến dịch mùa khô năm 1975" và được bổ sung nhiệm vụ chuẩn bị tấn công giải phóng Gia Nghĩa và tỉnh Quảng Đức. Tiếp theo là một chủ trương mới, ý đồ chiến lược tuyệt mật ngày 9-1-1975 của Thường trực Quân ủy Trung ương: "Mở chiến dịch tấn công địch ở Nam Tây Nguyên" và nói rõ hơn: "Mục tiêu chủ yếu là Buôn Ma Thuột".

Ngày 21-1-1975, Đại tướng Văn Tiến Dũng cùng đoàn cán bộ Bộ Tổng tham mưu đến chiến trường B3 và làm việc với Bộ Tư lệnh mặt trận tại Sở chỉ huy Đắc Đăm. Đồng chí Vũ Lăng cùng cán bộ cơ quan mặt trận báo cáo với đồng chí Tổng Tham mưu trưởng về tình hình chiến trường và ý định ban đầu của chiến dịch, hướng tiến công các mục tiêu địch theo ký hiệu: C3 (Đức Lập), C4 (Gia Nghĩa), C7 (Cheo Reo - Quảng Đức), C9 (Thuần Mẫn), C10 (Buôn Đôn) và mục tiêu A (Buôn Ma Thuột). Đại tướng Văn Tiến Dũng chú ý nghe về thủ đoạn nghi binh, đánh lạc hướng, giữ bí mật ý đồ tác chiến của ta. Đồng chí thay mặt Bộ Chính trị và Thường trực Quân ủy Trung ương trực tiếp giao nhiệm vụ cho Đảng ủy và Bộ Tư lệnh mặt trận B3 theo nghị quyết của Quân ủy Trung ương ngày 21-1-1975 về việc "Mở chiến dịch Tây Nguyên". Về tham mưu chiến lược, cách đánh chiến dịch, đồng chí Văn Tiến Dũng khẳng định: Đây là chiến dịch binh chủng hợp thành quy mô lớn, nắm vững thời cơ, bí mật, bất ngờ tấn công tiêu diệt địch.

Được sự trực tiếp tổ chức chiến dịch của Bộ Tổng tham mưu, các đoàn trinh sát của Bộ tiếp tục trinh sát bổ sung cho mục tiêu A (Buôn Ma Thuột). Từ ngày 8 đến 20-2-1975, mọi tình hình biến động trên toàn chiến trường Tây Nguyên đến với đồng chí Văn Tiến Dũng không chỉ hằng ngày, hằng giờ mà là hằng phút. Ý đồ tác chiến binh chủng hợp thành được tổ chức nhịp nhàng, cân đối và ăn khớp. Đồng chí Hoàng Minh Thảo được cử vào làm Tư lệnh chiến dịch nhắc lại nghệ thuật kết thúc chiến tranh phải bằng "Tập đoàn quân". Lực lượng chiến dịch lúc này của ta có năm sư đoàn mạnh, hai trung đoàn pháo binh với 2.800 tấn đạn, hai tiểu đoàn ô tô, một trung đoàn đặc công, một trung đoàn xe tăng, cùng nhiều binh chủng phối hợp thành. Đồng chí Vũ Lăng nói: "Bí mật sẽ bất ngờ, mà bất ngờ thì sức mạnh sẽ tăng lên gấp bội và tạo ra một thời cơ mới", cũng như "một quả thối sơn bất ngờ làm cho đôi phượng sẽ đo ván".

Đêm ngày 4-3-1975, trung đoàn 95 đánh cắt đứt giao thông ngay tại cầu A-zun đường 19. Ngày 8-3-1975, đồng loạt các mục tiêu ngoài Buôn Ma Thuột bị tấn công tiêu

diệt như: Thuận Mẫn, Cẩm Ga, Bản Đôn, Gia Nghĩa... Quân ta căng địch ra để đánh. Mục tiêu quan trọng là khu liên hợp phòng ngự tại Đức Lập gồm các thiết đoàn, chi đoàn thiết giáp, pháo binh, công binh, thám báo, bảo an và các liên đoàn biệt động bị trung đoàn 66 và pháo binh tiêu diệt xong ngày 9-3-1975.

Mục tiêu trọng điểm của chiến dịch là thành phố Buôn Ma Thuột, nơi có sư đoàn 23 ngụy, ba trận địa pháo 175mm, 155mm, hai thiết đoàn xe tăng, một sân bay, sở chỉ huy, hệ thống truyền tin, các liên đoàn biệt động 21 và 23, hệ thống công sự vững chắc. Các lực lượng bộ binh gồm hai Sư đoàn 316 và 10, trung đoàn xe tăng 273 và các trận địa pháo của ta đã chuẩn bị sẵn, cầu phà làm gấp vượt sông Sê-rê-pốc đã chuẩn bị xong mà địch không hề hay biết. 24 giờ ngày 9-3-1975, một tiểu đoàn của trung đoàn 198 đặc công tiềm nhập chiếm lĩnh sân bay Hòa Bình bằng hai tạ bộc phá. Một giờ sáng ngày 10-3-1975, tiếng nổ long trời, chớp sáng vụt lên cao hàng chục thước, lực lượng của địch đang thiếp đi trong tiếng rung chuyển. Các trận địa pháo chiến dịch, xe tăng trung đoàn 273 và bộ binh ào ạt vượt qua sông Sê-rê-pốc lần lượt tiêu diệt các mục tiêu trong trung tâm.

Trưa ngày 10-3-1975, Buôn Ma Thuột hoàn toàn được giải phóng. Thừa thắng, các đơn vị tiếp tục tấn công đánh mạnh vào quân đoàn 2 ngụy, bắt sống tên chuẩn tướng Trần Văn Cẩn, phó tư lệnh quân đoàn 2. Do Bộ Tư lệnh theo dõi chỉ huy kịp thời, phát hiện sự dao động, hoảng loạn của địch, Sư đoàn 320 nhanh chóng chặn đánh quân rút chạy trên đường số 7, tiêu diệt hàng trăm xe cơ giới và hàng nghìn tên địch. Tiếp theo là hai sư đoàn phát triển xuống đồng bằng, Sư đoàn 320 tiến công giải phóng tỉnh Khánh Hòa, Sư đoàn 10 tiến công giải phóng tỉnh Phú Yên. Tại Sở chỉ huy chiến dịch, các đồng chí Tư lệnh nói vui là "đánh hết bản đồ" do Sư đoàn 10 và Sư đoàn 320 phát triển xa quá, có lúc bị mất liên lạc.

Lần đầu tiên, lực lượng chủ lực tại chỗ của B3 trong nhiều năm đánh Mỹ nay được Bộ trực tiếp chỉ đạo với chiến dịch quy mô lớn chưa từng thấy: Với con số tuy chưa đầy đủ, ta đã tiêu diệt sư đoàn 23, lữ dù 3, 7 liên đoàn biệt động quân, 4 trung đoàn thiết giáp: 3, 8, 21, 19, 11 đại đội pháo binh, tiêu diệt làm tan rã trung đoàn 40-sư đoàn 22, một liên đoàn công binh, 7 tiểu khu, 21 chi khu, 50 tiểu đoàn và liên đoàn, 51 đại đội bảo an, toàn bộ phòng vệ quân sự và cảnh sát của 7 tỉnh. Diệt và bắt sống 28.514 tên, trong đó 165 sĩ quan, bắt sống 16.862 tên, có 779 sĩ quan, gọi hàng và phóng thích tại chỗ 7.190 tên, bắn rơi 44 máy bay, phá hủy 110 máy bay, thu 17.183 súng, trong đó có 9 khẩu 175mm, 31 khẩu 155mm, 101 khẩu 105mm, 11 khẩu DKZ, 767 máy thông tin, 1.095 xe, có 72 xe tăng, 52 xe bọc thép, toàn bộ kho tàng, thiết bị chỉ huy, cơ sở sửa chữa của quân đoàn 2 ngụy và giải phóng hai tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa.

Ngày 26-3-1975, để chuẩn bị nhiệm vụ tiếp theo, Bộ Quốc phòng ra quyết định thành lập Binh đoàn Tây Nguyên (tức Quân đoàn 3) và khẩn trương tiến nhanh tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh. Trước khi lên đường làm nhiệm vụ mới, đồng chí Văn Tiến Dũng phát biểu trong tổng kết chiến dịch Tây Nguyên: "Lực lượng vũ trang B3 và các lực lượng tham gia chiến dịch đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ".

Đại tá Huỳnh Chánh

(Nguyên Trưởng phòng Bảo vệ an ninh - Cục Chính trị BTTM - Cơ quan BQP)

Lập lánh 8 huy hiệu Bác Hồ

Ngày 03 tháng 04 năm 2006

Trong những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên miền Bắc, mỗi lần không quân ta xuất kích tiêu diệt máy bay địch, Bác Hồ đều tặng cho phi công lập thành tích một chiếc huy hiệu của Người. Thiếu tướng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Hồng Nhị là phi công đã bắn rơi 8 máy bay Mỹ và được nhận 8 huy hiệu của Bác Hồ. Nhân dịp kỷ niệm 41 năm ngày Không quân nhân dân đánh thắng trận đầu (3-4-1965 - 3-4-2006) chúng tôi tìm gặp và trò chuyện với Thiếu tướng Nguyễn Hồng Nhị.

Từ quê hương Bình Định kiên cường

Nguyễn Hồng Nhị sinh ra tại làng Hy Văn, xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định trong một gia đình giàu truyền thống cách mạng. 17 tuổi, ông nhập ngũ vào tiểu đoàn 365, trung đoàn 803, lực lượng chủ lực liên khu 5. Ông đã tham gia chiến đấu các chiến dịch Đông-Xuân 1952-1953, 1953-1954.

Sau hiệp định Giơ-ne-vơ, Nguyễn Hồng Nhị chia tay gia đình, tập kết ra Bắc. Ông có ngờ đâu không còn được gặp lại cha mẹ và anh cả Nguyễn Văn Tuấn, em út Nguyễn Văn Nhơn. Cha mẹ ông đều hoạt động trong các tổ chức quần chúng của địa phương trong kháng chiến. Vào năm 1968, bà Trần Thị Chì, mẹ ông, canh gác cho cán bộ họp thì địch cán vào làng. Bà đã lừa địch, chạy đánh lạc hướng, bảo động cho các đồng chí đang họp rút xuống hầm bí mật. Bọn địch đuổi theo bắt sống, tra tấn dã man, nhưng bà kiên quyết không khai, chúng đã tức giận trói chân tay bà và ném xuống giếng. Bà được truy tặng liệt sĩ. Anh Nguyễn Văn Tuấn-liệt sĩ, du kích xã cũng hy sinh năm 1967. Cha ông vì buồn thương vợ con mà sinh bệnh rồi ra đi vào năm 1972, trước ngày toàn thắng của dân tộc.

Ra Bắc, Nguyễn Hồng Nhị được điều về Sư đoàn 324, tham gia huấn luyện tại Nghệ An. Sau đó, ông cùng đơn vị hành quân sang chiến đấu giúp bạn Lào đánh phi Vàng Pao. Năm 1960, ông được cấp trên cho đi học Trường sĩ quan Lục quân. Tại đây, ông đã trúng tuyển đi học lái máy bay ở Liên Xô. Đoàn đi học năm ấy, cả thợ máy và phi công hơn 100 người, là đoàn đầu tiên học lái máy bay phản lực chiến đấu. Đi cùng đoàn ông, sau này có những bạn chiến đấu trên bầu trời cũng trở thành Anh hùng LLVT nhân dân như Hà Văn Chúc, Đặng Ngọc Ngự, Nguyễn Văn Cốc, Phạm Thanh Ngân, Mai Cương...

Những trận không chiến

Cuối năm 1965, Nguyễn Hồng Nhị trở về nước và được bổ nhiệm đại đội phó đại đội bay, thuộc Trung đoàn không quân 921, Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không-Không quân. Lúc này không quân Mỹ đã leo thang, đánh phá ra miền Bắc. 14 giờ ngày 4-3-1966, đơn vị ra-đa cảnh giới bắt được tín hiệu máy bay trinh sát không người lái của địch hoạt động tại vùng Đông Bắc. Trung đoàn phó Trung đoàn 921 Trần Hanh trực tiếp ở sở chỉ huy lệnh cho Nguyễn Hồng Nhị xuất kích. Sau 19 phút bay ở độ cao 16km trên vùng trời Quảng Ninh, Nguyễn Hồng Nhị báo cáo đã phát hiện mục tiêu cách 15km, độ cao 18km. Trên độ cao đó, không khí loãng, lực nâng máy bay ít đòi hỏi phi công phải xử lý các động tác rất chuẩn xác, nếu cơ động không khéo thì máy bay dễ bị thất tốc, rơi xuống ngay. Máy bay địch tốc độ khoảng 800km/giờ, máy bay ta tốc độ tới 1.800km/giờ, do đó khi tiếp cận mục tiêu không kịp bắn thì sẽ bị vọt qua máy bay địch và không thể quay lại để công kích. Nguyễn Hồng Nhị đã bình tĩnh, tự tin đưa máy bay địch vào vòng ngắm rồi ấn nút phóng tên lửa. Chiếc máy bay không người lái trúng đạn, tan thành

từng mảnh vụn trong không trung đem theo cả những tấm bản đồ vừa chụp được xuống lòng đất.

Giữa năm 1966, Nguyễn Hồng Nhị cùng Đồng Văn Song bay biên đội lên phía bắc chặn đánh máy bay gây nhiễu RB-66 của địch. Thật không may, chưa gặp được mục tiêu thì đã phải đối đầu với máy bay F4. Hàng chục chiếc F4 quay lại phóng tên lửa, làm máy bay của ông bị thương nặng. Nguyễn Hồng Nhị phải nhảy dù xuống huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Vì ông nói tiếng miền Nam, nên dân quân du kích tưởng là phi công ngụy quyền Sài Gòn, liền trói lại giải về xã. May mà Bộ Quốc phòng điện lên kịp, bà con cởi trói, chăm sóc ông tận tình. Tuy nhiên ông phải nằm viện mất ba tháng vì bị chấn thương cột sống. Ông trở thành thương binh, và đến giờ mỗi khi trái gió trở trời, cái u sau lưng lại đau nhức.

Cuối năm 1966, sức khỏe bình phục, Nguyễn Hồng Nhị tiếp tục trở về trực ban chiến đấu. Trong một trận đánh chặn máy bay địch đi từ hướng tây vào Hà Nội, ông bay biên đội với Nguyễn Đăng Kính, đã dũng cảm chiến đấu chống lại hàng chục máy bay F105 và F4 của địch. Được sự yểm trợ của Nguyễn Đăng Kính, từ trên cao, Nguyễn Hồng Nhị đã lao vào đội hình địch, bắn tên lửa ở cự ly chừng 1,5km. Chiếc máy bay Thần Sấm F105 bị nổ tung, rơi xuống đất. Máy bay địch còn lại bắt ngờ, hoảng loạn, ném bom lung tung. Biên đội ta nhanh chóng cơ động thoát ly về hạ cánh an toàn.

Vào năm 1967, địch đánh dồn dập vào Hà Nội và các vùng lân cận. Biên đội Nguyễn Hồng Nhị được lệnh Sở chỉ huy cất cánh tiêu diệt máy bay trinh sát của địch. Ngày 31-8-1967, khi máy bay Nguyễn Hồng Nhị vào công kích chiếc máy bay trinh sát RF101 trên bầu trời Phú Thọ, địch phát hiện được liền lợi dụng tốc độ lớn, khả năng cơ động nhanh hạ thấp độ cao để chạy thoát. Ông đã mưu trí, linh hoạt không lao xuống thấp theo địch vì biết rằng với tốc độ lớn nhất định địch sẽ ngóc lên, nên bám địch ở phía trên, khi địch ngóc lên ở cự ly gần, lọt vào vòng ngắm, ông bắn luôn sau đó đuổi theo bắn thêm phát thứ hai, máy bay địch rơi ngay tại chỗ. Ngay sau đó, sang tháng 9, Nguyễn Hồng Nhị lại tiêu diệt thêm một chiếc RF101 trên vùng trời Sơn La. Cũng trong tháng 9, Nguyễn Hồng Nhị lại lập tiếp chiến công bắn rơi chiếc máy bay thứ 5 là chiếc F4.

Ngày 9-10-1967, trên vùng trời Chiêm Hóa (Tuyên Quang) phát hiện địch có tới 16 máy bay F-4, Nguyễn Hồng Nhị vẫn cùng đồng chí số 2 yểm hộ cho nhau chặt chẽ, tạo thế thuận lợi, mưu trí và dũng cảm xông thẳng vào đội hình máy bay địch, kịp thời nổ súng bắn rơi 2 chiếc (Nguyễn Hồng Nhị bắn rơi 1 chiếc). Máy bay địch hoảng sợ trút bom bừa bãi tháo chạy.

Ông nhớ rất sâu sắc trận đánh bắn rơi chiếc máy bay thứ bảy của mình, là trận đánh kỷ niệm 50 năm Cách mạng tháng Mười Nga, vào ngày 7-11-1967. Trước đó địch đã dùng không quân phá hủy đường băng, đường lăn sân bay Nội Bài, không quân ta không thể hoạt động được trên sân bay này, phải về sân bay Gia Lâm trực chiến. Đêm 6-11, nhân dân vùng Sóc Sơn đã cùng bộ đội san lấp hố bom, sửa chữa gấp rút đường lăn sân bay Nội Bài. Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không-Không quân quyết định dùng "tương kế tựu kế". Khi kẻ địch nghĩ rằng ta không thể nào xuất kích từ sân bay đó nát, thì chính từ đó không quân ta bay lên vọt cổ chúng xuống. Do xuất kích trên đường lăn, nên biên đội không cùng cất cánh một lúc được, Nguyễn Hồng Nhị cất cánh trước, Nguyễn Đăng Kính cất cánh sau. Hai phi công tập hợp biên đội, gặp địch trên vùng trời Văn Yên thuộc Nghĩa Lộ. Địch có 20 chiếc máy bay F-4 và F-105 yểm hộ chặt chẽ cho nhau. Nguyễn Hồng Nhị bình tĩnh phân đoán, nhanh chóng tìm chỗ yếu của chúng, dũng cảm dẫn đầu biên đội đánh cắt đội hình phía sau của địch. Tốp máy bay F4 quay lại đối phó, ông nhanh trí phóng một quả tên lửa lăm rói loạn đội hình tốp này, rồi xông thẳng vào đánh tốp máy bay F-105 đi đầu hạ ngay một chiếc. Kết thúc trận đánh biên đội đã bắn rơi 2 chiếc: một F4 và một F105. Đây là trận thắng đầu tiên của MiG-21 áp dụng chiến thuật "đánh nhanh thọc sâu", đã giúp cho đơn vị rút được nhiều kinh nghiệm cho những trận đánh tiếp theo.

Mùa khô năm 1968, không quân ta cơ động tới sân bay Thọ Xuân để làm nhiệm vụ bảo vệ hành lang vận chuyển hàng từ Khu 4 vào miền Nam. Nguyễn Hồng Nhị lúc này là Chủ nhiệm bay trung đoàn. Vào buổi sáng ngày 1-8. trong điều kiện thời tiết

phức tạp biên đội ba chiếc MiG-21 gồm Nguyễn Đăng Kính (số 1), Nguyễn Mạo (số 2) và Nguyễn Hồng Nhị (số 3) đánh một trận ác liệt trên vùng trời Đò Lương, Thanh Chương, Nam Đàn (thuộc tỉnh Nghệ An). Từ xa 15km, biên đội đã phát hiện mục tiêu. Nhưng do trời nhiều mây, số 1 và 2 bay thấp nên không nhìn thấy địch, sở chỉ huy cho lệnh quay về. Nguyễn Hồng Nhị bay cao hơn, phát hiện được địch, sở chỉ huy cho phép vào công kích. Ông bám theo một tốp hai chiếc F8. Đến cự ly 1.000m, máy bay địch nghiêng 60 độ, máy bay của ông ở độ nghiêng 45 độ. Với ý định buộc phi công địch phải cải hướng, Nguyễn Hồng Nhị đã ấn nút phóng một quả tên lửa tạo thời cơ chuẩn bị bắn quả thứ hai. Nhưng ngay quả thứ nhất chiếc F8 đã bốc cháy. Chiếc F8 thứ hai vòng phải kịp thời quay lại bám theo chiếc MiG ở cự ly khoảng 2.500m. Nguyễn Hồng Nhị bật tăng lực, vòng phải và kéo máy bay lên cao. Nhưng do hệ thống tăng lực bị hỏng, việc điều khiển máy bay rất khó khăn. Phát hiện địch vẫn bám sát góc 30 độ, ông nghiêng máy bay sang phải, tránh được loạt đạn thứ hai. Tên địch nhào sang phải đuổi theo, đến loạt đạn thứ ba hắn vẫn bắn trượt. Ông kịp quay lại đưa chiếc F8 vào vòng ngắm. Ấn nút phóng, nhưng tên lửa không ra do hệ thống điện bị hỏng. Đúng lúc ấy, hai chiếc F8 từ cửa Sốt bay vào, phóng hai quả tên lửa. Máy bay của ông bị trúng tên lửa địch, bốc cháy. Ông nhảy dù, rơi xuống đỉnh núi khu vực lâm trường Thanh Sơn, Nghệ An. Trên đường xuống núi ông thấy một con gấu to đang ăn mật ong. Ông dừng lại rút súng lục định bắn để lấy mật gấu xoa bóp vết đau. Nhưng rồi sợ lỡ không giết được gấu, thì sẽ bị nó vồ lại, nên ông đi vòng tránh nó thì hơn. Vừa xuống chân núi thì đã gặp anh em trong lâm trường đi tìm. Họ đưa ông về lán, lấy mật gấu xoa bóp chỗ đau, nhờ vậy ông sớm bình phục, trở về tiếp tục chiến đấu.

Sau đó ít lâu Nguyễn Hồng Nhị được bổ nhiệm là Trung đoàn trưởng Trung đoàn không quân 927. Năm 1972, không quân Mỹ trở lại đánh phá miền Bắc vô cùng ác liệt, dùng B52 đánh phá Thủ đô Hà Nội. Trung đoàn của ông trong 6 tháng cuối năm 1972 đã bắn rơi 42 máy bay hiện đại của không quân Mỹ trong đó có một chiếc B52.

Tình cảm thân thương của Bác Hồ

Nhân dịp kỷ niệm một năm không quân ta đánh thắng trận đầu, Bác Hồ cho gọi những phi công có thành tích đặc biệt lên để Bác gặp mặt động viên. Nguyễn Hồng Nhị cùng với các phi công Trần Hanh, Lâm Văn Lịch, Nguyễn Nhật Chiêu, Ngô Đức Mai, Phan Như Cán được vinh dự lên gặp Bác. Trong lán ấy Bác Hồ đã hỏi chuyện quê hương Nguyễn Hồng Nhị và động viên: "Quê chú gần vùng đừa Tam Quan phải không? Đồng bào và chiến sĩ miền Nam ta trong đó chiến đấu rất dũng cảm, anh hùng. Ở miền Bắc chú đã thi đua với đồng bào, đồng chí quê hương mình đánh giặc trên trời giỏi như vậy là đã thiết thực chia lửa và phát huy truyền thống của quê hương".

Sau lần bị thương do nhảy dù, Nguyễn Hồng Nhị được cấp trên cho đi nghỉ an dưỡng ở Tam Đảo. Ở đây, ông đã làm quen được với y sĩ Nguyễn Thị Thanh Dậu, một cô gái nông thôn quê miền Bắc, hiền lành, chịu thương chịu khó. Tình yêu giữa ông và cô y sĩ trạm an dưỡng đã nảy nở, và cuối năm 1967 họ nên duyên vợ chồng. Năm 1967 là năm ông bắn rơi đến 5 chiếc máy bay địch. Ngoài những tấm huy chương của Bác Hồ gửi tặng, không ngờ đúng ngày 22-12-1967, chính ủy trung đoàn Chu Duy Kinh đã chuyển cho ông món quà vô giá là chiếc đồng hồ nữ mạ vàng xinh xắn Bác Hồ gửi tặng. Chính ủy Kính nhắc lại lời của Bác: "Bác gửi tặng chú Nguyễn Hồng Nhị chiếc đồng hồ này. Mong chú Nhị cố gắng hơn nữa, luôn xứng đáng là Chiến sĩ Thành Đồng Tổ quốc". Chính ủy còn nói thêm: "Bác biết cậu đã xây dựng gia đình nên tặng đồng hồ nữ cho cô Dậu".

Với thành tích xuất sắc, bắn rơi 8 máy bay Mỹ, Nguyễn Hồng Nhị đã được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVT nhân dân vào ngày 18-6-1969. Ông đã trưởng thành từ người chiến sĩ lên đại đội phó, đại đội trưởng, trung đoàn trưởng, Sư đoàn trưởng rồi Phó tư lệnh-Tham mưu trưởng Quân chủng Không quân. Năm 1988 ông chuyển sang làm Tổng cục phó rồi Tổng cục trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam. Chiếc đồng hồ quý giá Bác Hồ tặng ngày ấy, được vợ chồng ông nâng niu trân trọng; chỉ một lần bà Dậu đeo khi về thăm quê ông ở Hoài Nhơn, Bình Định sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Sau này, ông bà đã trao lại chiếc đồng hồ cho Bảo tàng Quân chủng Phòng không-Không quân để như một kỷ niệm chiến sĩ trẻ và

khách tham quan đến bảo tàng hiểu thêm tấm lòng bao la trời biển của Bác Hồ kính yêu.



ĐOÀN HOÀI TRUNG

Cơ lốc từ sông Vàm Cỏ Đông (số 1)

Ngày 27 tháng 04 năm 2006

LTS: Nhà báo Tô Phương, nguyên là phóng viên báo Quân đội nhân dân, là một trong những phóng viên quân đội đã theo sát các cánh quân tiến vào giải phóng miền Nam, mùa xuân 1975. Qua những dòng nhật ký dưới đây, bạn đọc sẽ hình dung phần nào khí thế hào hùng của quân và dân ta ở một hướng tiến công quan trọng trong mùa xuân đại thắng lịch sử 31 năm trước...

Ngày 1-4-1975

Đài Tiếng nói Việt Nam truyền đi tin tình Phú Yên đã hoàn toàn giải phóng (1-4-1975). Tự nhiên một nỗi nhớ nhà da diết ập đến. Tôi còn một mẹ già bị kẻ thù giam cầm ở nhà lao Ngọc Lãng không biết sống chết ra sao. Đã hơn 20 năm rồi không có tin tức gì về quê hương. Bây giờ quê hương đã hoàn toàn giải phóng. Tôi sung sướng vô cùng. Ở mặt trận này hai sư đoàn 3 và 5 đã hoàn thành nhiệm vụ đợt 1, khẩn trương hành quân xuống đồng bằng. Vùng Đồng Tháp mùa này khô cháy. Ban đêm bộ đội cất bụng hành quân theo góc phương vị, ngày nghỉ dưới những bãi tràm, bãi nón. Cây nón Đồng Tháp cao 2,3m, to bằng bắp chân, mắc võng nằm rất tiện. Bà con dọc biên giới các tỉnh Tây Ninh, Long An, Kiến Tường... phá bung áp chiến lược vừa được giải phóng trở về làng cũ. Nhà tôn, nhà tranh, ra dựng tạm trên nền đất cháy. Những xóm nhỏ mới mọc lên sau ngày giải phóng ở vùng Đồng Tháp ngày càng nhiều. Tiếng máy xát gạo để gởi gạo ra tiền tuyến, tiếng bước chân rầm rập của những đoàn thanh niên đi tống quân, đi thanh niên xung phong và tiếng hát những bài ca cách mạng cao vút càng làm cho xóm làng tung bừng, nhộn nhịp.

Ngày 2-4-1975

Binh đoàn 232 được thành lập. Cơ quan Bộ tư lệnh binh đoàn làm việc rất khẩn trương. Cán bộ các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần của Miền được điều động xuống làm cán bộ của đơn vị và cho các cơ quan của binh đoàn 232, vừa hành quân vừa nhận nhiệm vụ, vừa hành quân vừa nắm đơn vị.

Tôi hành quân theo một đơn vị của sư đoàn 5 tiến sâu xuống đồng bằng, trời mưa tầm tã, gió thổi ầm ầm. Đã lâu không có mưa. Trận mưa kéo dài như để bù lại mấy tháng nắng. Gió chướng miền Đông giống như bão cấp 8 cấp 9 ở miền Bắc. Xe kéo pháo bị sa lầy. Bà con quanh vùng cùng bộ đội sửa đường kéo pháo. Nhiều gia đình mang cả giường nằm, ván nằm ra lót đường cho xe qua. Tin các tỉnh Khánh Hòa, Tuyên Đức đã hoàn toàn giải phóng càng thúc giục mọi người chưa đầy một tháng tổng tấn công nổi dậy, quân và dân ta đã giải phóng hoàn toàn 16 tỉnh và 5 thành phố với hơn 10 triệu dân.

Sư đoàn 5 được lệnh cấp tốc tiến xuống bao vây Mộc Hòa, Thủ Thừa (Kiến Tường). Mặt trận phía tây nam Sài Gòn đang rung chuyển dữ dội.

Đang hành quân tôi được tin Trung đoàn 201, Sư đoàn 3 đánh thiệt hại nặng một trung đoàn xe tăng địch đang nòng ra vùng Thịnh Trị và Trung đoàn 205, Sư đoàn 3 tiêu diệt gọn 2 tiểu đoàn biệt động quân có xe bọc thép yểm trợ cản ra tây bắc Mộc Hòa.

Ngày 4-4-1975

Tình hình diễn biến ở mặt trận rất khẩn trương, cho nên các đơn vị liên tục lật cánh địa bàn hoạt động. Tôi gặp anh Ba Ngọc, chủ nhiệm chính trị Sư đoàn 5 mới biết Bộ tư lệnh mặt trận đã quyết định thay đổi nhiệm vụ của Sư đoàn 5. Kế hoạch cũ của Sư đoàn 5 giải phóng tỉnh Kiến Tường, nay chuyển sang làm nhiệm vụ chia cắt chiến lược, chốt chặn đường số 4. Kiến Tường là cái rốn của Đồng Tháp Mười, có vị trí chiến lược rất quan trọng án giữ phía nam Sài Gòn. Địch phán đoán biết Sư đoàn 5 của ta đã

tiến sát sông Vàm Cỏ Đông nên điều ngay sư đoàn 9 đến đối phó. Sư đoàn 9 của địch có nhiệm vụ cơ động 4 tỉnh Kiến Tường, Kiến Phong, Châu Đốc, An Giang. Về địa hình thì cả 4 tỉnh này đều nằm trên trục biên giới Cam-pu-chia.

Ta bắt được tù binh của sư đoàn 9, chúng nó ngao ngán khai rằng: "Sư đoàn 9 chẳng khác nào như cái vô con nhện". Các đồng chí Sư đoàn 5 không tin như vậy. Các anh hiểu rõ tội ác của nó đối với nhân dân ta ở vùng này. Trước lúc hạ vũ khí đầu hàng, nhất định nó sẽ cố chống cự đến cùng.

Tình hình dọc biên giới Cam-pu-chia ngày càng trở nên phức tạp. Ở khu vực Mỏ Vẹt này, bộ đội ta đi công tác lẻ thường bị quân của Pôn Pốt - lêng Xa-ry phục kích giết hại. Hôm qua 5 đồng chí quản lý và y tá của Trung đoàn 271 bị lính Miên giết ở vùng công chào Vàng. Sáng nay, một đơn vị Khơ-me đồ tập kích cướp kho vũ khí của ta ở khu vực Sóc Nóc. Một tháng qua đã có hàng trăm cán bộ, chiến sĩ binh đoàn 232 bị lính Pôn Pốt - lêng Xa-ry bắt cóc và thủ tiêu. Ta cử người trực tiếp hỏi các cấp chỉ huy của họ, thì họ trả lời rằng: Đó là những việc đáng tiếc đã xảy ra do cấp dưới làm chứ họ hoàn toàn không biết. Họ hứa sẽ điều tra giải quyết. Nhưng những vụ giết hại cán bộ, chiến sĩ ta, cướp phá giết hại nhân dân ta ở vùng biên giới, đánh phá kho tàng của quân Pôn Pốt - lêng Xa-ry ngày càng nghiêm trọng hơn. Ta bắt giữ một số tên đã gây ra tội ác. Chúng nó đều khai rằng: Chúng nó làm theo lệnh của tên Tà Mốc. Tà Mốc là ai? Tà Mốc là trung ương ủy viên của Pôn Pốt, là chính ủy kiêm tư lệnh quân quân phía đông này.

Ngày 8-4-1975

Hai đồng chí trình sát dẫn đường đưa tôi về Sở chỉ huy mặt trận. Đường đi có đoạn phải qua đất Cam-pu-chia. Do có sự thỏa thuận giữa ta và Cam-pu-chia nên chúng tôi có giấy đi đường của Chính quyền địa phương Cam-pu-chia cấp. Nhưng sự thật loại giấy tờ họ cấp chẳng có ý nghĩa gì. Nhiều đồng chí của ta bị họ bắt cóc và giết hại đều có đầy đủ giấy tờ do họ cấp.

Đường từ Sóc Nóc đi Chi Pu khoảng 30km mà có tới 15 vọng kiểm soát của quân Khơ-me đồ. Họ làm khó dễ đủ điều. Họ bắt giữ chúng tôi bốn lần vì những lý do hết sức vớ vẩn. Ví dụ trong giấy tờ đi đường không có ghi đeo đồng hồ nên họ tịch thu đồng hồ, hoặc trong giấy tờ đi đường không có ghi được mang theo chăn màn, quần áo nên họ giật luôn cả ba lô của chúng tôi. Họ lý sự, đó là họ làm theo mệnh lệnh trên, nếu có thắc mắc thì ở lại gặp cấp trên của họ. Theo kinh nghiệm đi đường ở đất Cam-pu-chia lúc đó của một số đồng chí công tác lẻ là đành phải bỏ các thứ ấy để mà đi. Ở lại là không tránh khỏi bị bắt và bị thủ tiêu.

Từ Chi Pu về phum Ót Xiên phải vượt qua một cánh đồng dân cư thưa thớt. Một cụ già có tên là Chia Xơ cho chúng tôi biết khu giồng phía bên kia con rạch cạn có một đại đội Khơ-me đồ phục kích chuyên việc đánh úp bộ đội Việt Nam qua đây từ 20 người trở lại. Quê cụ ở phum Ót Xiên, dân trong làng đói khổ vô cùng. Cách đây một tháng có một đơn vị Quân giải phóng Việt Nam trú quân lại một ngày đã tặng lại dân làng 3 tạ gạo, 1 tạ muối và 50 bộ quần áo.

Cụ Chia Xơ đã tìm đường dẫn chúng tôi đi tránh ổ phục kích của quân Khơ-me đồ.

Hôm rời khỏi phum Ót Xiên, già trẻ trai gái trong phum ra đứng chật hai bên đường lưu luyến tiễn đưa chúng tôi. Nhiều người khóc. Chúng tôi nghe rõ tiếng một người mẹ nói trong tiếng nấc: "Các con Quân giải phóng Việt Nam ơi, chừng nào các con trở lại đây với dân làng?".

Ngày 10-4-1975

Tôi nhận được bức điện từ Hà Nội. Bức điện ngắn gọn: "Tổ phóng viên đi Quân khu 9 (gồm có: Tô Phương, Cao Tiến Lê, Nguyễn Trọng Lượng), bám sát mặt trận Tây Nam, tiến vào Sài Gòn". Tôi và đồng chí Nguyễn Trọng Lượng khẩn trương hành quân với trung đoàn Đồng Xoài thuộc Sư đoàn 9. Đây là mũi đột kích mạnh được vinh dự nhận nhiệm vụ chống cờ quyết chiến quyết thắng ở một trong 5 mục tiêu quan trọng ở Sài Gòn.

Địch phản ứng điên cuồng, máy bay C130 hết tốp này đến tốp khác liên tiếp đánh phá các hành lang và các khu vực đích nghi ta tập kết quân. Cuộc hành quân càng

xuống sâu vùng đồng bằng, càng gặp nhiều khó khăn. Các đơn vị vừa đánh địch vừa đi. Tiểu đoàn 23 thiết giáp được lệnh tăng cường cho Trung đoàn Đồng Xoài. Bộ binh, thiết giáp, pháo binh dàn hàng ngang tràn xuống đồng bằng. Tạm biệt xóm Gò có ngôi chùa cổ kính-chùa (Cá Rô). Năm 1972 trong chiến dịch Nguyễn Huệ của ta, một đơn vị Quân giải phóng đã bắn rơi hàng chục máy bay kiểu giống con cá rô ở vùng gần chùa, nên bà con gọi là chùa (Cá Rô) để kỷ niệm chiến thắng ấy.

Pháo binh địch từ Thịnh Trị (tỉnh Kiến Tường) bắn suốt đêm, gần sáng, chiến sự diễn ra ác liệt ở phía Mộc Hóa. Xe tăng địch yểm trợ cho bộ binh nóng ra. Đại đội 1 thiết giáp cùng với tiểu đoàn 6 được lệnh chia làm hai gọng kìm khuỷp lại diệt địch. Trận đánh kéo dài đến nửa ngày hôm sau, bọn địch bỏ lại hàng trăm xác và ba xe bọc thép M113 tháo chạy.

Trong lúc đó ở hướng đồng, 40 xe tăng và xe bọc thép của địch càn lên khu vực Thanh Trì, Ba Hu, Bầu Nước Đục... Các trung đoàn 1 và trung đoàn 2 đã cài sẵn thế trận ở đây, đánh một trận tao ngộ rất đẹp. Hai phần ba số xe tăng và xe bọc thép địch bị phá hủy. Xác giặc nằm ngổn ngang khắp cánh đồng. Hai ngày liền địch dùng máy bay đến ném bom và thả xăng thiêu hủy thất bại.

Ngày 13-4-1975

Tiểu đoàn phó Trần Phương trực tiếp chỉ huy chiếc xe thiết giáp mang số hiệu 464 đi đầu tiên về hướng đầm Bà Trạch đánh một đại đội biệt động quân địch có 3 xe M113 đi kèm. Nhưng chiếc xe của anh vừa đến Góc Quao thì bị sa lầy làm cho cả đội hình 4 xe sau tắc lại. Trần Phương xem đồng hồ, còn 40 phút nữa. Anh hạ lệnh:

- Tập trung sát chống lầy.

Tất cả sát chống lầy của các xe sau dồn lên, nhưng vẫn không ăn thua gì. Đại đội trưởng Thành phát hiện thấy ở gần đó có một chiếc cầu gỗ đã sập lâu ngày. Anh chỉ huy đơn vị đến đào móc dưới bùn lầy lên được một số ván và trụ gỗ về tiếp tục độn xích vào bụng xe. Chiếc xe không bị lún nữa, nhưng không ra khỏi bãi lầy. Đại đội trưởng Thành đã tìm được đường vòng. Tiểu đoàn phó Phương ra lệnh dừng tời của các chiếc xe sau kéo lùi xe 464 lại.

Chiếc xe 464 vừa ra khỏi khu vực lầy thì bà con ấp Đoàn Kết chạy đến khá đông sẵn sàng giúp đỡ đơn vị. Biết bộ đội thiết giáp đang khẩn trương đánh địch, bác Mười An nói:

- Địa thế ở đầm Bà Trạch khó vào lắm đó. Bọn nguỵ bố trí ở đó là để nhử ta bị sa lầy rồi nó xơi gọn ta đó mà. Ở đó, chỉ có hai lối vào được thôi. Bây giờ phải đi vòng đường này nhanh hơn.

Bác Mười An được mời lên đứng trên đầu xe với tiểu đoàn phó Trần Phương. Đêm tối, xe chạy không đèn, nhưng có bác Mười An dẫn đường, đoàn xe mở hết tốc độ lao về phía địch.

Trần Phương hỏi:

- Bác Mười ơi! Hai đường vào đầm Bà Trạch có gần nhau không?

- Một đường phía bắc, một đường phía nam. Ta đi tới gặp đường phía bắc trước.

Ngoặt sang phải tiếp tục đi tới sẽ gặp đường phía nam.

Trần Phương nảy ra ý nghĩ: Phải tạo thành hai mũi vu hồi. Anh nói:

- Khi tới đường phía bắc, cháu cho hai xe dừng lại, bác dẫn đường cho đại đội trưởng Thành và ba xe đến đường phía nam. Khi tới đường rẽ thì bác ở lại để chúng cháu vào đánh.

- Bác đồng ý với ý kiến của chú, nhưng tại sao chú bắt bác ở lại. Bác đã sợ chết thì bác không nhận đưa các chú đến đây.

Cơn lốc từ sông Vàm Cỏ Đông (tiếp theo và hết)

Ngày 29 tháng 04 năm 2006

Trung đoàn Đồng Xoài tổ chức sở chỉ huy nhẹ cùng đi trước với tiểu đoàn 4 có xe bọc thép lội nước yểm trợ.

Tắc đường. Tắc đường nữa. Đồng bằng mênh mông, thế mà quân ta vẫn bị tắc đường. Bộ đội được lệnh tạm dừng lại để chờ các đơn vị phía trước nhỏ xong mấy cứ điểm. Tiếng các loại súng phía trước nổ inh tai, khói lửa cuộn lên rất gần nhưng chẳng ai để ý.

Bộ đội được lệnh bỏ bớt lại quân trang và những trang bị cồng kềnh khác không cần thiết để mang thêm đạn và lương khô. Những đôn bót phía trước đã bị trung đoàn một và trung đoàn 3 dọn sạch. Sở chỉ huy của Sư đoàn 9 đã lên kịp tiểu đoàn mũi nhọn.

Trời vừa tối thì bộ đội và xe pháo rời khỏi những lũy tre của các làng Mỹ Thạnh, Mỹ Hào, Mỹ Hóa... Vượt qua những cứ điểm vừa bị quân ta đánh cách đây vài giờ, xác giặc cháy thui, mùi thuốc súng khét lẹt. Cánh đồng Trà Vinh, Bông Nóc bát ngát sau những cơn mưa đầu mùa nước mới xấp bờ ruộng thấp. Éch nhái kêu ọt ọt suốt đêm. Lúa Đồng Nai, lúa Sầu, lúa trỏ, lúa đã ngậm đồng, hương thơm ngào ngạt.

Toàn mặt trận được lệnh: "Đánh địch mà tiến. Dàn hàng ngang mà tiến!". Trăng rằm mười sáu sáng vàng vạc. Đêm nay Trung đoàn Đồng Xoài vượt sông Vàm Cỏ Đông. Các chiến sĩ quê ở Hà Nội, Vĩnh Phú, Hà Tây, Thanh Hóa, Nghệ An... vừa đến bờ sông đã reo lên: "Vàm Cỏ Đông! Vàm Cỏ Đông...". Mọi người cụm bàn tay vục một vốc nước uống ừng ực ngon lành, không phải vì khát, mà để kỷ niệm về một dòng sông triu mến!

Địch bắn pháo tọa độ chụp xuống quanh bên. Trận địa pháo của Trung đoàn ta 262 phía sau phản pháo lại, pháo địch câm tịt. Pháo sáng các đôn bót còn lại bắn lên liên hồi kêu cứu, vàng ếch như ma trời.

Nhân dân các xã Lộc Giang, Lộc Tấn huyện Đức Hòa (Long An) phục vụ bộ đội vượt sông. Khu vực vượt sông có 7 bến, 5 bến dành riêng cho bộ binh, 2 bến cho xe tăng và pháo binh.

Trong chốc lát Đoàn 8 công binh đã bắt xong cầu phao. Bộ binh tiến theo xe tăng. Nhiều đơn vị đi thuyền gắn máy của nông dân, bên nào cũng có hàng trăm thuyền gỗ của bà con chờ sẵn. Mỗi chiếc thuyền, mỗi chuyến chở được từ 30-40 chục người. Bộ phận của chúng tôi vượt sông lúc 12 giờ đêm, nước thủy triều đang xuống, hai bên bờ lộ lên những khóm lẹ nước tràm và mốp mà sông vẫn rộng khoảng 150 mét. Sông rộng, cầu phao nào cũng thiếu gần một nhịp ở hai đầu. Bà con và dân quân các xã phụ cận giúp bộ đội ghép ghe, lầy ván làm đá, làm vòng cầu bảo đảm cho xe tăng, xe kéo pháo vượt sông an toàn.

Bến cuối cùng bị nhiều quảng lầy, nhân dân dỡ cả mái nhà để chống lầy. Một cụ già bảo con cháu khiêng cả "cổ hậu sự" (hòm dương giả) để giúp bộ đội chống lầy.

Cụ cười khả khả nói:

- Chiến thắng rồi, độc lập thống nhất rồi, lão còn sống lâu, chưa chết đâu mà các con cháu lo chuẩn bị cổ hậu sự này còn sớm. Các con cứ phá ra làm ván chống lầy cho xe pháo Quân giải phóng hành quân kéo muện.

Đồng chí chỉ huy bến phà phải thừa với cụ mãi rằng đã đủ dụng cụ chống lầy rồi, cụ mới vui lòng bảo con cháu khiêng về.

Ngày 27-4-1975

Gần sáng súng nổ dồn dập quá, pháo sáng soi rõ từng gốc cây ven đường. Khi tiếng súng thưa là tiếng loa thúc giục gọi địch đầu hàng. Tiếng ai lanh như tiếng cô Xuân dân quân xã Lộc Giang đêm qua làm liên lạc dẫn đường cho bộ đội.

Hôm nay hành quân cả ban ngày. Vừa đi vừa đánh địch. Cụm cứ điểm nào chống cự quyết liệt thì đánh để mà đi; cụm cứ điểm nào nằm im thì giao cho lực lượng địa phương giải quyết sau. Bọn địch ở Lộc Thuận, Rạch Tràm ngoan cố chống cự. Trung đoàn trưởng Lê Tấn Cẩm lệnh cho Tiểu đoàn 5 và Tiểu đoàn 6 phối hợp với Tiểu đoàn 23 thiết giáp xông lên đánh vỗ mặt, chưa đầy một giờ đồng hồ nổ súng, bọn địch đã kéo cờ trắng đầu hàng. Pháo địch ở trận địa Gò Quao, Rạch Quẹo vừa bắn, trận địa pháo bên này sông Vàm Cỏ Đông của Sư đoàn 9 nã cấp tập làm cho nó câm họng.

Bộ đội mang đầy đủ gạo, lương khô, nhưng chưa có lúc nào được dừng lại để thổi cơm. Đi đến đâu bà con cũng đã thổi sẵn cơm nóng rồi, đơn vị đi qua là các mẹ, các chị trao tay mỗi người vài vắt, kèm theo một gói nilon thịt lợn nạc, tôm kho khô. Bộ đội gửi lại gạo, phải nói là vì quà nặng không hành quân nhanh được, bà con mới chịu nhận.

Tin chiến thắng Bình Long, Phước Tuy, Bà Rịa-Vũng Tàu, Biên Hòa dồn dập dội về.

Các đơn vị xe pháo và hậu cần chiến dịch từ phía sau cũng đã vượt sông Vàm Cỏ Đông theo kịp. Chúng tôi vận động trên lộ 6 và lộ 10, bên trái và bên phải đều có địch. Mặc nỏ, đã có các đơn vị bạn giải quyết. Nhiệm vụ của đơn vị thực sâu là thần tốc vào Sài Gòn. Bài hát: "Tiến về Sài Gòn" là bài hát được mọi người hát suốt chiến dịch.

Đến xã An Ninh tôi gặp các đơn vị dân quốc của xã vừa phối hợp với bộ đội địa phương huyện Đức Huệ diệt xong bót Long Hòa. Họ khuôn vác nhiều vũ khí Mỹ chiến lợi phẩm và dong giải đi hàng trăm tù binh. Bót Long Hòa xây dựng khá kiên cố, một đại đội địch chốt giữ thế mà một đại đội dân quân xã vây ép hai ngày, kết hợp với binh vận, toàn bộ quân địch phải đầu hàng. Hiện nay bọn địch ở bót An Mỹ, Lộc Vang đang bị dân quân vây đánh. Bà con đang rầm rộ kéo lên đấu tranh gọi chồng con về gia đình. Bót Mỹ Đoàn binh sĩ phản chiến giết bọn chỉ huy, mang vũ khí về nộp cho xã đội.

Ngày 28-4-1975

Cuộc chiến đấu tao ngộ diễn ra trên cánh đồng Bầu Công. Khi Tiểu đoàn 4 và Tiểu đoàn 5 chiếm được rìa làng xã Tây Mỹ thì 2 tiểu đoàn địch ở 2 chi khu Bến Lãm và Bầu Công nổ súng ra ngăn chặn. Đang ở đội hình hành tiến nhưng được sự giúp đỡ của lực lượng dân quân và nhân dân địa phương, các đơn vị vừa chia ra thành từng mũi nhỏ, luồn sâu đánh hiểm, vừa tạo thành thế bao vây diệt gọn. Trận đánh kéo dài hơn một giờ thì 2 tiểu đoàn địch đầu hàng. Nhân dân địa phương tràn ra cánh đồng đuổi bắt tù binh, thu vũ khí. Bọn tàn quân địch vứt quần áo, giày mũ chạy tán loạn. Tiếng mõ, tiếng phèng la của nhân dân đuổi bắt bọn ác ôn hòa trong tiếng súng nổ dồn phía trước.

Tối bộ đội đến xã Đức Lộc nhân dân ở đây tràn ra hai bên đường đón tiếp bộ đội.

Mẹ Phạm Thị Chăng là một trong những người mẹ tôi gặp đầu tiên ở xã này. Mẹ đã gần 70 tuổi, mẹ nắm tay từng người nói:

- Trời ơi, các con đã về, mẹ mong miết. Có đứa nào ốm đau gì không? Mong các con về giải phóng mà mẹ sắp ngút cả hơi.

Mẹ có 6 người con thì năm chị gái, các anh con rể đều là cán bộ, chiến sĩ Quân giải phóng. Người con trai độc nhất là Lê Văn Phong 35 tuổi, mẹ phải tốn 500 ngàn đồng để lo lót mà vẫn bị bắn lính. Cuối cùng anh Phong phải tự thương vào mắt, vào chân mới được thả về. Mẹ kể chuyện rằng, chiều nay bọn lính bộ binh sư đoàn 25 ngụy ra đây bị bộ đội ta đánh phải kéo cờ trắng đầu hàng. Đồng chí chỉ huy bộ đội giải phóng hạ lệnh cho đơn vị ngừng bắn, rồi anh tiến thẳng tên thiếu tá địch đang giơ tay lên trời. Nhưng nó trá hàng. Quân địch bắn chết đồng chí chỉ huy bộ đội giải phóng. Lập tức toàn đơn vị giải phóng nổ súng mãnh liệt tiêu diệt hết một tiểu đoàn địch có 5 xe bọc thép yểm trợ. Mẹ khóc:

- Đồng chí chỉ huy con nhà ai mà trẻ tuổi đẹp trai, chết rồi mà đôi môi vẫn hồng tươi. Bà con xã Đức Lộc khảm liệm chôn cất đồng chí chỉ huy bên cạnh mấy anh em quân giải phóng hy sinh trong đợt tổng tấn công hồi Tết Mậu Thân 1968.

Bữa cơm tối, mẹ nghẹn ngào không ăn được. Mẹ cứ ngồi nhìn chúng tôi ăn với cả tấm lòng thương mến. Mẹ để một chén cơm, một đôi đũa lên mâm khấn: "Thằng Chỉ huy bộ đội giải phóng hy sinh hôm nay tên là gì mà không biết, nhưng đã là bộ đội giải phóng là con của má. con nhớ về nhà má mà ăn cơm với anh em mà đày. Từ nay về

sau con nhớ về luôn đây với mà ghen con!”.

Mẹ nói rằng: Trong vườn nhà của mẹ cũng có mộ của 5 liệt sỹ hy sinh năm 1972, mẹ nhận đem về chôn cất chu đáo. Bên phải bàn thờ ông bà tổ tiên là bàn thờ của 5 liệt sỹ đã có 5 bát hương. Hôm nay mẹ để lên bàn thờ ấy một bát ly hương thứ 6.

Tôi hỏi:

- Thưa... mà, anh Lê Văn Phong đâu ạ!

- Nó xung phong đi làm nhiệm vụ phục vụ chiến đấu cho bộ đội giải phóng rồi. Các con tiến về Sài Gòn có gặp đũa nào hồng một mắt phải là thằng Phong con của má đó.

Cả xã Đức Lập này người mẹ nào cũng là mẹ Phạm Thị Chăng cả.

Ngày 29-4-1975

Rời sở chỉ huy sư đoàn, chúng tôi bám theo một đơn vị xe tăng đang tiến lên.

Ngày 30-4-1975

Đã qua một chặng đường gian khổ, vừa đi vừa đánh. Sáng nay chỉ còn cách Sài Gòn theo đường chim bay khoảng hơn 10 ki-lô-mét. Xe thiết giáp, xe tăng và bộ binh toàn mặt trận tây và tây-nam Sài Gòn dàn hàng ngang vừa vận động, vừa đánh địch giữa ban ngày. Bộ binh, xe tăng, pháo binh, công binh phối hợp cùng dân quân du kích các xã ven đò từ ấp Tân Lập đánh xuống ngã ba Bà Quẹo, ngã tư Trung Chánh, lộ Đại Hàn đến Quốc lộ 1 (trại lính dù), từ Phú Lâm vào Chợ Lớn.

Vượt qua ngã tư Bảy Hiền, Tiểu đoàn 4 Trung đoàn Đồng Xoài mở một mũi thọc sâu xuống đường Trương Minh Giảng, tới phủ tổng thống ngay. Lúc này đã gặp hàng chục xe tăng của quân giải phóng chở bộ binh từ phía đông, đông-bắc Sài Gòn có mặt tại phủ tổng thống ngay. Lá cờ chiến thắng đã phát phớt tung bay trên nóc phủ tổng thống ngay. Sài Gòn đã hoàn toàn giải phóng. Đường phố Sài Gòn chật ních người và cờ hoa. Bà con reo vui: “Quân giải phóng đã về! Quân giải phóng đã về”. Nhiều người còn tràn xuống đường, nhào đến ôm chầm lấy các chiến sĩ Quân giải phóng mừng vui và nước mắt chảy giàn giụa.

☐ Top

Tô Phương

"ĐƯỜNG VÀO THÀNH PHỐ KHÔNG PHẢI ĐI TRÊN THÂM"

Sau chiến thắng từ các chiến dịch Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, Quân đoàn 3 được lệnh tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh. Tôi được cử đi cùng hướng Sư đoàn 10, đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ tổng tham mưu ngụy. Đây là hướng mà Bộ tư lệnh quân đoàn cho là khó khăn nhất. Đường thọc sâu đến mục tiêu dài khoảng 100km, phải vượt qua các tuyến phòng ngự của Sư đoàn 25 ngụy cùng nhiều lực lượng khác của địch.

Ngày 29-4-1975, quân đoàn ra lệnh cho Trung đoàn đặc công 198 tiến công chiếm giữ cầu Bông và cầu Sáng; lệnh cho Sư đoàn 320 tấn công Trung đoàn 50 của địch ở Đồng Dù, Sư đoàn 316 tấn công hai trung đoàn thuộc Sư đoàn 25 của địch ở Trảng Bàng, Gò Dầu tạo thế cho Sư đoàn 10 làm nhiệm vụ thọc sâu. Trong giai đoạn này có một vấn đề rất nan giải về nghệ thuật tác chiến đó là làm thế nào để phối hợp thật nhịp nhàng giữa lực lượng tiến công Sư đoàn 25 của địch, lực lượng chốt giữ cầu Bông, cầu Sáng với lực lượng thọc sâu, bởi nếu chốt giữ cầu quá sớm, lực lượng địch sẽ có điều kiện để ngăn chặn, còn nếu thực hành thọc sâu khi đơn vị bạn chưa đánh tan Sư đoàn 25 ngụy thì chắc chắn Sư đoàn 10 sẽ bị ùn tắc đội hình và có thể thương vong lớn. Bàn bạc mãi, chúng tôi kết luận: Sư đoàn 10 phải xuất phát đúng khi các sư đoàn bạn cơ bản làm chủ các căn cứ của Sư đoàn 25 ngụy. Cùng lúc ấy đặc công phải chiếm bằng được cầu Bông và cầu Sáng, tạo hành lang cho Sư đoàn 10 cơ động. Đây là một cách giải quyết rất sáng tạo của Bộ tư lệnh quân đoàn.

Sau khi các trung đoàn đánh tan quân địch ở Hậu Nghĩa, sư đoàn lệnh cho Trung đoàn 24 tiến sâu vào nội đô, chuẩn bị đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất, Trung đoàn 28 tiến đánh Bộ tổng tham mưu ngụy. Trên cả hai hướng tiến công của hai trung đoàn đều bị địch ngăn chặn dữ dội. Chúng dùng cả bom hoá học, napan để chống trả làm cho Trung đoàn 24 bị ùn tắc tại khu vực Xưởng dệt Vi-ne-dex-cô. Tối 29-4, địch ở sân bay ra tăng cường phòng ngự tại ngã tư Bảy Hiền, làm cho trận đánh càng thêm ác liệt, nhiều cán bộ, chiến sĩ của ta đã bị thương vong, buộc trung đoàn phải dừng lại để củng cố.

Sáng 30-4, trung đoàn nổ súng đánh sân bay Tân Sơn Nhất. Mặc dù đã bị pháo binh ta giội lửa xuống khắp sân bay, nhưng bọn địch ở đây vẫn còn khá mạnh và chúng rất ngoan cố. Khi lực lượng của trung đoàn mở cửa đánh chiếm đầu cầu thì bị hoá lực địch ngăn chặn dày đặc. Ta phải củng cố, điều chỉnh lực lượng sau đó mới tiếp tục công kích được. Đến 10 giờ 30 phút, trận đánh mới tạm hoàn thành, ta hoàn toàn làm chủ sân bay vào lúc 13 giờ 30 phút. Riêng trên hướng này đã có 185 cán bộ, chiến sĩ của trung đoàn hy sinh và bị thương. Ở hướng Trung đoàn 28, khi anh em cơ động đến ngã tư Quang Trung thì bị địch bắn cháy 2 xe tăng và 2 xe ô tô. Bọn địch lợi dụng các nhà cao tầng, ngõ phố để ngăn chặn ta quyết liệt, nhất là khi trung đoàn tiến đến cổng Bộ Tổng tham mưu ngụy. Trong đó, địch còn khá nhiều xe tăng, xe bọc thép, nên chúng đánh trả dữ dội. Chỉ đến khi ta diệt được gần hết số xe tăng trong khu vực thì chúng mới chịu buông súng bỏ chạy. Trận này, trung đoàn hy sinh 36 cán bộ, chiến sĩ, toàn sư đoàn và lực lượng phối thuộc thương vong hơn 400 cán bộ, chiến sĩ. Điều đó cho thấy việc tiến công giải phòng thành phố không phải là đi trên những "con đường trải thảm" như một số người nhầm tưởng...

Thiếu tướng Hồ Độ, nguyên Tham mưu trưởng Quân đoàn 3:



QĐND

People's Army [Quan Doi Nhan Dan] newspaper, 29 April 2006, accessed 29 April 2006 at http://www.quandoinhandan.org.vn/news.php?id_new=60526&subject=11

Dai thang mua xuan 1975: than toc, tao bao, bat ngo, chac thang

Đại đội trưởng đầu trọc trên đồi Độc Lập

Ngày 06 tháng 05 năm 2006

Đối với đồng bào Nam Bộ, nhiều người biết Trung tướng Lê Nam Phong đánh giặc giỏi với những biệt danh "Ông Năm Lửa", "Năm Hỏa lực", "Năm Bình tông"... Từ 1963 ông đã vào Nam đánh Mỹ với cương vị Trung đoàn trưởng trung đoàn 3 sư đoàn 9, và sau đó là Sư trưởng Sư đoàn 7 án ngữ ở Đông Nam Bộ, từng chỉ huy sư đoàn đánh vào dinh Độc Lập. Ông đã từng là Đại đội trưởng "mở cửa" của tiểu đoàn 322 trung đoàn Tu Vũ (E88) Đại đoàn 308 đánh vào đồi Độc Lập tại chiến dịch Điện Biên Phủ. Chỉ có điều ít ai biết biệt danh "Đại đội trưởng đầu trọc" của ông.

Chàng trai xứ Nghệ ngược lên Điện Biên Phủ

Trung tướng Lê Nam Phong sinh năm 1928 ở Quỳnh Lưu, Nghệ An, trong một gia đình có truyền thống cách mạng. Ông tham gia hoạt động cách mạng rất sớm (từ tháng 4 năm 1944). Sau khi cướp chính quyền ở thành phố Vinh, ông vào đại đội đại đao Trung đoàn 57 chiến đấu bảo vệ quê hương. Năm 1949, ông được điều động lên Việt Bắc, sau đó năm 1949 ông về Đại đoàn Quân Tiên Phong (308). Trước chiến dịch Điện Biên Phủ, ông là Đại đội trưởng 213 tiểu đoàn 23 trung đoàn 88 Đại đoàn 308, cùng Đại đoàn sang Thượng Lào đuổi giặc để nghi binh địch.

Đợt đầu của chiến dịch Điện Biên Phủ, Đại đoàn trưởng 308 Vương Thừa Vũ được giao nhiệm vụ Chỉ huy trưởng cuộc tấn công vào đồi Độc Lập, Chỉ huy phó là Đại đoàn phó 308 Cao Văn Khánh và Đại đoàn phó 312 Đàm Quang Trung.

Trung đoàn 88 Đại đoàn 308 do Trung đoàn trưởng Bùi Nam Hà đánh vào hướng Đông Bắc là hướng thứ yếu, Trung đoàn 165 Đại đoàn 312 đánh vào hướng chủ yếu là hướng Đông Nam cứ điểm, ngoài ra có sự hỗ trợ của đại đội lựu pháo 803, sơn pháo 752, 753 và hai đại đội súng cối 120mm. Đồi Độc Lập dài 700 mét, rộng 150 mét, cách Mường Thanh 4km tiểu đoàn 5 trung đoàn 7 An-giê-ri và một đại đội ngự Thái phòng ngự, được tăng cường 4 khẩu cối 120mm và pháo binh ở Mường Thanh, Hồng Cúm bắn chi viện.

Đêm 13 tháng 3, quân ta đã chiếm Him Lam, địch đoán ta sẽ đánh đồi Độc Lập, nên tìm mọi cách ngăn cản bằng hỏa lực mạnh. Ông Lê Nam Phong cho biết chỉ trong 3 ngày, từ 13 đến 15-3-1954, quân địch đã bắn hơn 30 nghìn viên đạn pháo, đêm 14-3-1954 chúng còn huy động máy bay oanh tạc suốt đêm thành hàng rào lửa ngăn chặn bước tiến quân của ta.

Trận tử chiến trên đồi Độc Lập

Đêm 14-3-1954, Đại đội trưởng Lê Nam Phong cùng trung đoàn hành quân dưới mưa đạn pháo 105mm, pháo 155mm của địch và trời cũng mưa tầm tã như thử lông các chiến sĩ. Bộ đội phải dùng áo mưa và cởi cả áo che cho bọc phá và súng đạn.

Hơn 1 giờ sáng quân ta mới chiếm lĩnh giao thông hào tấn công cách chân hàng rào thứ nhất khoảng gần 200 mét. Trung đoàn nóng lòng chờ các đơn vị sơn pháo của ta đưa lên triển khai thì mới bắt đầu tiến công được, nhưng do trời mưa to, đường trơn, cây đổ, sơn pháo phải gần sáng mới triển khai xong. Ngồi trong giao thông hào má lóng các chiến sĩ như lửa đốt.

Ông Nam Phong nhớ mãi những giây phút chờ đợi đến ghê người, pháo địch ì oảng bắn, mưa lúc to lúc nhỏ, trời giá rét căm căm, rầm rầm đánh vào nhau lập cập. Rất nhiều đồng chí hy sinh ngay lúc chưa tấn công vì đạn pháo địch, có đồng chí tiểu đội trưởng thân kinh không chịu nổi giây phút ghê người ấy đã hét toáng lên "xung phong", trong lúc toàn trung đoàn đang im lặng chờ lệnh.

Mãi đến 3 giờ 30 phút sáng, pháo 105mm của ta oằn lên, trút đạn vào các cứ

điểm địch. Các tuyến hỏa lực sử dụng DKZ, đại liên Mác-xim và súng Ba-dô-ca bắn vào các ụ súng, lô cốt địch. Quân ta bắt đầu tấn công đòi Độc Lập.

Lợi dụng lúc pháo binh ta bắn cấp tập, các trung đội bộc phá băng lên phá các hàng rào. Người đánh bộc phá đầu tiên là chiến sĩ Nguyễn Bá Tuệ. Địch bắn trả vô cùng ác liệt, nhiều đồng đội đã hy sinh, như Trung đội phó Đồng đang ôm bộc phá lao lên thì trúng đạn, tiểu đội trưởng Cáp hy sinh, chiến sĩ Viên ôm bộc phá ngã dưới chiến hào.

Lúc đầu hướng trung đoàn của ông xác định cửa mở chưa đúng hướng (trung đoàn của ông mới ở Lào về 3 ngày, vừa trinh sát vừa tổ chức chiến đấu, vừa đào hào giao thông, nên địa hình chưa thật nắm chắc), sau đó đồng chí Nguyễn Văn Ty phát hiện hướng mở sai, đã chỉnh lại hướng mở, mình đồng chí Ty đánh 9 quả bộc phá mở hàng rào (đồng chí Nguyễn Văn Ty sau này được phong Anh hùng LLVT nhân dân và hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở miền Nam).

Trung đoàn 165 đánh hướng Đông Nam tương đối thành công, tiểu đội thọc sâu diệt được trận địa cối 120mm, đánh chiếm trung tâm thông tin, tiến công bao vây bọn chỉ huy cứ điểm dưới hầm ngầm, chiến sĩ Nguyễn Ngọc Doãn cầm cờ trên nóc sở chỉ huy địch. Tiếp đó trung đoàn xông lên tiêu diệt chia cắt từng bộ phận của địch.

Trung đoàn 88 sau khi mở cửa được, các mũi xung kích lao thẳng vào bên trong cứ điểm bất liên lạc với trung đoàn 165 bao vây hầm cố thủ sở chỉ huy địch. Cuộc chiến đấu kéo dài đến 6 giờ 30 phút ta tiêu diệt hoàn toàn trung tâm để kháng đòi Độc Lập. Hơn 300 tên địch ra hàng, trong đó có tên quan tư chỉ huy cứ điểm, thu toàn bộ vũ khí.

Buổi sáng, địch cho 5 xe tăng dẫn hai tiểu đoàn ứng chiến, gồm 650 tên từ khu trung tâm phản kích. Đại đội 213 của Đại đội trưởng Lê Nam Phong đã chiến đấu một trận vô cùng oanh liệt, pháo binh ta bắn hiệp đồng, sơn pháo của ta bắn thẳng vào xe tăng địch buộc địch phải tháo chạy. Nhưng đại đội của ông bị thương vong gần hết chỉ còn hai người nguyên vẹn là ông và đồng chí Đức liên lạc viên.

Chiến thắng to lớn của quân ta trong hai ngày tiêu diệt hai cứ điểm Him Lam và Độc Lập, được mệnh danh là "Pháo đài bất khả xâm phạm", đã làm cho bọn giặc ở Bản Kéo hoang mang lo sợ, chúng phải kéo cờ hàng vào ngày 17 tháng 3.

Quyết tâm chiến đấu của những chiến binh trực đầu

Nhớ lại những ngày ấy, Trung tướng Nam Phong bùi ngùi vì sự hy sinh quá lớn của những chiến sĩ Điện Biên. Đại đội ông phải liên tục bổ sung quân từ tuyến sau lên. Một người ngã xuống, người khác thế vào, đến nỗi có người lính mới ông còn chưa biết tên thì anh đã hy sinh.

Trước khi vào đợt 2 chiến dịch, Đại đội trưởng Lê Nam Phong đã có một sáng kiến khá thú vị:

"Bây giờ tất cả cạo trực đầu hết nghe, để thể quyết thắng trận này".

Mọi người nghe thấy ý kiến đó thì khoái vô cùng, vì vừa thể hiện quyết tâm chiến đấu, vừa để cho mát, chứ chiến hào đầy bùn nhão bắn thiu. Đát bùn mà dính vào tóc rẽ tre thì ngứa ngáy lắm, mà ở đây làm gì có nước tắm gội. Nói là làm liền, anh này lấy kéo cắt cho anh kia, rồi lấy dao cạo râu cạo cằm thín. Chẳng mấy chốc đại đội trực lóc đầu như các sư trên chùa vậy. Thế là từ đó Đại đội trưởng Lê Nam Phong có biệt danh mới "Đại đội trưởng đầu trọc". Sau này có lần gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp, ông còn được Đại tướng nhắc đến cái biệt danh "Đại đội trưởng đầu trọc" ấy.

Kỷ niệm sâu sắc của ông ở Điện Biên Phủ là những ngày đánh lần bắn tỉa. Đó là kiểu đánh trước đó chưa bao giờ có trong quân đội ta. Đơn vị ông được giao nhiệm vụ đào cắt sân bay Mường Thanh... Các chiến sĩ tập trung dùng xẻng, đào chiến hào vào lần sâu dần về phía địch để thực hiện cắt đôi sân bay địch, bóp chết đường tiếp tế của chúng. Địch thì chỉ cách có hơn trăm mét, bên này nhìn thấy bên kia, ta thì dưới giao thông hào, ngoi đầu lên là địch bắn ngay, sau này ta cũng làm các ụ súng để bắn tỉa lại.

Có giai thoại "chiến sĩ cời trướng đánh giặc", là câu chuyện về chiến sĩ Phạm Quốc Ân trong đại đội ông. Chẳng là suốt ngày trong chiến hào sẵn sàng căng mắt nhìn địch không có cả thời gian làm vệ sinh cá nhân. Lần ấy, chiến sĩ Phạm Quốc Ân bị đi ỉa chấy, thế là cứ "lông không" vậy cho tiện. Ông Ân là một trong những chiến sĩ bắn tỉa giỏi, hàng chục tên địch đã bị bắn hạ trước chàng "chiến sĩ trướng cời".

Trong giao thông hào thì như cơn mưa làm bùn nhão nhoét. quân ào bắn thiu.

phải thay nhau canh chừng địch, người nào mệt quá thì chui vào hầm ếch ngủ. Dọc các chiến hào, ta có đào nhiều hầm khoét vào cạnh chiến hào như miệng ếch, nằm lọt một người, rất tiện tránh đạn. Cà biệt có cán bộ nhất gan, hay chui vào hầm ếch, nên được mệnh danh là "ông hầm ếch".

Trong những ngày "đánh lán bắn tỉa", vui nhất là cướp dù tiếp tế của địch. Thằng địch mò ra lấy dù tiếp tế là ta bắn tỉa, đợi đêm xuống anh em hè nhau bò ra khiêng hàng chiến lợi phẩm về. Thời thì hàng chiến lợi phẩm đủ cả: Bánh quy bơ, thịt hộp, cá hộp, thuốc lá, rau xanh và còn cả thư và tiểu thuyết của vợ Đờ Cát gửi cho chồng, đặc biệt nhất là ta lấy rất nhiều đạn của địch. Quý nhất là đạn pháo 105 còn mới "cóng", bắn phát nào nổ phát nấy, chứ đạn của ta còn có viên lép không nổ.

Các chiến sĩ cùng ông bắn tỉa ngày ấy như Đức Nam, Linh, Huỳnh, Trường sau này có dịp gặp lại hay kể chuyện những giây phút khó quên trong chiến hào. Nhiều anh em cũng ra đi mãi mãi trong những ngày chiến đấu này. Chiến sĩ Phạm Quốc Ân bị giẫm trúng mìn ven sân bay Mường Thanh, bỏ lại vĩnh viễn chiếc chân trái nơi miền Tây Bắc xa xôi.

Chiều 7 tháng 5, khi Đờ Cát ra hàng thì ông và đại đội chỉ cách đấy vài trăm mét. Cảm giác lúc đó sướng lâng lâng, ông chỉ muốn bay lên, ôm lấy mọi người, bắn hết đạn cho bỏ những ngày gian khổ. Một điều thật thú vị là những thằng giặc ra hàng mặt đừa nào đừa nấy tươi tỉnh lên, có nhiều thằng còn cười, có lẽ chúng thấy sung sướng vì thoát khỏi "địa ngục trần gian" do chúng tạo nên.

Từ Điện Biên đến dinh Độc Lập

Sau chiến dịch Điện Biên Phủ, ông được đề bạt lên cán bộ tiểu đoàn về tiếp quản Thủ đô. Chuyện lấy vợ của ông cũng thật độc đáo. Cuối năm 1954, ông về phép, thăm quê hương. Rất nhiều thôn nữ nghe tin anh bộ đội Điện Biên về làng thì chạy tới hỏi thăm và nghe ông kể chuyện Điện Biên. Các cô hát cho ông nghe bên lũy tre làng xanh thắm. Ông hỏi đùa:

- Ai lấy tôi thì giơ tay lên.

Ai dè, tất cả các cô cùng giơ tay, trong đó có "bà xã" ông bây giờ. Lúc đó ông mới có cảm tình, nhưng tình thế như vậy phải giữ lời hứa thôi. Thế là ông lấy bà Võ Thị Mai, 18 tuổi, nữ sinh cấp 3 Quỳnh Lưu - Nghệ An!

Ông được đi học Trường sĩ quan Hoàng Phố ở Bắc Kinh - Trung Quốc. Về nước năm 1964, ông lên đường vào Nam đánh giặc với cương vị Trung đoàn trưởng Trung đoàn 3 Sư đoàn 9. Sau đó làm Tư lệnh quân đoàn 1, bảo vệ biên giới phía Bắc năm 1979. Từ 1983 đến 1988, ông là Phó tham mưu trưởng thứ nhất của mặt trận 719 tại chiến trường Cam-pu-chia. Tư lệnh 719 lúc ấy là ông Lê Đức Anh, Tư lệnh phó Đoàn Khuê (sau này là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng), Chủ nhiệm Chính trị Lê Khả Phiêu (sau này là Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng)... Từ 1988 ông làm Hiệu trưởng Trường sĩ quan Lục quân 2 cho đến lúc nghỉ hưu.

Khi gặp tôi, Trung tướng Lê Nam Phong cho rằng chiến thắng Điện Biên Phủ là chiến thắng của tuổi trẻ Việt Nam, vì đa phần cán bộ, chiến sĩ lúc đó đều đang rất trẻ. Đại tướng Võ Nguyên Giáp mới 44 tuổi, Trung đoàn trưởng Bùi Nam Hà hơn ông một tuổi, còn chiến sĩ Phạm Quốc Ân lúc đó kém đại đội trưởng 1 tuổi...

Ông rất tâm đắc một điều, đó là sự trùng hợp của lịch sử, ngày 7-5-1954 giải phóng Điện Biên Phủ thì 7-5-1975 Ủy ban Quân quản thành phố Sài Gòn-Gia Định ra mắt đồng bào. Và người Đại đội trưởng đánh đời Độc Lập năm xưa, sau 20 năm lại là người chỉ huy sư đoàn đánh dinh Độc Lập năm 1975.

Quân chủng Phòng không-Không quân và Đoàn bay 919: Quy tập và an táng hài cốt 6 phi công trong tổ bay cảm tử

Ngày 14 tháng 05 năm 2006

QĐND - Chiều 14-5 tại Hà Nội, Quân chủng Phòng không-Không quân và Đoàn bay 919 (thuộc Tổng công ty hàng không Việt Nam) đã tổ chức lễ tưởng niệm và an táng hài cốt 6 phi công của tổ bay IL-14 hy sinh tại chiến trường Bình Trị Thiên trong chiến dịch Mậu Thân năm 1968. Đây là tổ bay cảm tử đã được báo Quân đội nhân dân thông tin trong loạt bài "Tìm thấy các tổ bay cảm tử hy sinh trong chiến dịch Mậu Thân năm 1968 tại Thừa Thiên-Huế". Hài cốt 6 liệt sỹ đã được an táng tại nghĩa trang Yên Viên (thành phố Hà Nội).

Trong chiến dịch Mậu Thân năm 1968, Trung đoàn Không quân vận tải 919-đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (tiền thân của Đoàn bay 919) mặc dù là Trung đoàn không quân vận tải nhưng do yêu cầu của nhiệm vụ chiến đấu, đơn vị đã cải tiến máy bay để huấn luyện trực tiếp chiến đấu và nhiều cán bộ, sĩ quan, phi công đã anh dũng hy sinh để bảo vệ Tổ quốc. Vừa qua, được sự giúp đỡ của Quân chủng Phòng không-Không quân và Ban chỉ huy Quân sự huyện A Lưới (Thừa Thiên-Huế) và những thông tin từ các nhân chứng mà báo *Quân đội nhân dân* đã đưa, Đoàn bay 919 đã tiến hành xác định địa điểm máy bay rơi và tiến hành công việc quy tập khẩn trương, kịp thời. Thông tin về việc tiếp tục tìm kiếm các tổ bay cảm tử mất tích trong chiến dịch Mậu Thân 1968, báo *Quân đội nhân dân* sẽ tiếp tục được gửi tới bạn đọc trong thời gian tới.



Nguyễn Vũ

Vây bọc địch ở đèo Ma Đắc

Ngày 20 tháng 05 năm 2006

Mới đây chúng tôi may mắn có buổi làm việc với Thiếu tướng Hồ Đệ, nguyên Sư đoàn trưởng Sư đoàn 10 trong chiến dịch Tây Nguyên (1975). Trong câu chuyện của ông, chúng tôi rất ấn tượng về cách Sư đoàn vây bọc địch trên đèo Ma Đắc, mở đường thọc thẳng xuống giải phóng miền duyên hải Khánh Hòa...

"... Sau khi đánh chiếm quận lỵ Khánh Dương, chúng tôi đã lệnh cho Trung đoàn 66 phải cơ động lực lượng ngay trong đêm lên chiếm đèo Ma Đắc, tạo bàn đạp tiến xuống đồng bằng. Đây là vị trí rất quan trọng, phải chiếm bằng được thì mới có thể tiến về đồng bằng, duyên hải Khánh Hòa. Tiểu đoàn 8 nhận nhiệm vụ này. Nhưng sau khi đã cơ động suốt đêm, gần sáng 22-3-1975 anh em đại đội 5 tới nửa đèo thì bị xe tăng địch từ trong công sự ra ngăn chặn quyết liệt. Như thế là địch đã chiếm đèo, không thể đánh theo phương án cũ, mà cần phải lui về củng cố lực lượng, chuyển sang đánh địch theo phương án có chuẩn bị. Trong tác chiến, ai cũng biết thời gian là lực lượng, nhưng dừng lại để đánh theo phương án có chuẩn bị là một quyết định đúng đắn của chỉ huy sư đoàn.

Chúng tôi nhận định, địch đến đèo Ma Đắc chưa lâu. Nhưng ở đây địch đã có công sự xây dựng từ thời Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ, vì thế Lữ đoàn dù số 3 của địch vừa đến đây là có thể triển khai chiến đấu được ngay. Quân dù của địch khá tinh quái, thủ đoạn xảo quyệt. Khi ổn định xong đội hình, chúng thường cho quân thay nhau ra lùng sục. Khi phát hiện có dấu hiệu quân ta, chúng liền gọi máy bay và phi pháo đến đánh phá. Ta tiếp cận nó cũng đã khó, nay lại phải vây đánh nó thì càng khó hơn. Bảy giờ địch có cả một lữ đoàn lính dù, với hơn 3.800 tên chốt giữ trên địa hình có lợi, lại có cả xe tăng, thiết giáp tăng cường, pháo binh, không quân yểm trợ, việc diệt chúng không đơn giản. Chúng tôi quyết định sẽ đánh tập trung cả sư đoàn. Thế nhưng đánh như thế nào để vừa thắng địch, vừa hạn chế tối đa thương vong của bộ đội là một lựa chọn rất khó khăn. Lúc này không thể đem kinh nghiệm khi đánh quân phản kích của Sư đoàn 23 và Liên đoàn biệt động quân 21 ra mà áp dụng được, bởi đây là một đối tượng tác chiến hoàn toàn khác.

Suy nghĩ mãi, cuối cùng tôi quyết định sẽ đánh hiệp đồng binh chủng kết hợp với luồn sâu, ém sẵn, đánh liên tục từ mục tiêu này đến mục tiêu khác, kết hợp với vây bọc địch, không để cho địch có thời gian để củng cố lực lượng, đồng thời cắt đứt hoàn toàn Lữ đoàn dù số 3 với hậu phương của chúng. Có hai điểm mấu chốt quan trọng trong trận này: Thứ nhất là phải cơ động lực lượng thật bí mật, áp sát vào địch, để khi ta đánh các tiểu đoàn chốt giữ vòng ngoài, địch không kịp ra tay phá cầu, cắt đường cơ động binh khí kỹ thuật của ta. Thứ hai là phải đưa lực lượng vòng về phía sau Lữ đoàn dù số 3, thực hiện đánh vây bọc để tiêu diệt gọn. Quả nhiên cách đánh của sư đoàn rất khớp với mệnh lệnh của Bộ tư lệnh chiến dịch xuyên xuống.

Để tránh sát thương từ phi pháo của địch, sư đoàn đã cho làm con đường kéo pháo dài 8km sát vào chân núi Chư Tô, xây dựng các đường trục, đường nhánh áp sát địch trước khi trời sáng. Còn để khóa chặt lữ đoàn dù, không cho chúng co cụm về phía sau, chúng tôi đã cho Trung đoàn 24 luồn chốt giữ địa hình hiểm yếu sau lưng chúng. Mờ sáng ngày 29-3, ta nổ súng đánh địch. Đến đêm 30-3, chúng tôi thu được tin trình sát kỹ thuật, bọn địch có ý định rút khỏi đèo Ma Đắc. Thế là chúng đã rơi vào cái bẫy của Trung đoàn 24. Lúc này Trung đoàn đã vào vị trí, khóa chặt Lữ đoàn dù số 3. Đến đêm 31-3, phát hiện ra xe, pháo địch tập trung tại khu vực sở chỉ huy trung đoàn đã ra lệnh chuyển từ bao vây sang tiến công tiêu diệt địch. Đúng sáng 1-4-1975, toàn bộ Lữ đoàn dù số 3 của địch bị tiêu diệt, Sư đoàn 10 hoàn toàn làm chủ đèo Ma Đắc và đèo Phụng Hoàng..."

▣ TOP

Trần Anh Tuấn (lược ghi)

Những ngày tiêu phi ở Săm Pun

Ngày 24 tháng 05 năm 2006

Trong ngôi nhà tranh tre nhỏ bé, đơn sơ, nép mình dưới chân đồi ngoại vi thị xã Hà Giang, anh dường như đã quá già so với cái tuổi 46. Những đồng đội cùng chiến đấu với anh trên đỉnh Săm Pun (Mèo Vạc, Hà Giang) năm nào, nay có người đã mất, có người giữ những chức vụ quan trọng. Gần chục tấm bằng khen, giấy khen treo trang trọng trên vách liếp giờ đã ngả màu vàng ố. It ai biết rằng anh đã từng một thời là "khắc tinh" của bọn phi ở vùng cao nguyên cực bắc này...

Những ngày giữ đỉnh Săm Pun

Săm Pun là tiếng dân tộc. Săm là rét đóng băng, cắt da cắt thịt, Pun là gió hun hút, ngút ngàn. Vì thế Săm Pun là điểm cao khắc nghiệt nhất trên biên giới phía bắc. Săm Pun cũng là nơi một tiếng gà gáy bốn tỉnh nghe thấy (Hà Giang, Cao Bằng của Việt Nam và Vân Nam, Quảng Tây của Trung Quốc). Từ đỉnh Săm Pun có thể khống chế toàn bộ hai huyện Đồng Văn và Mèo Vạc.

Từ năm 1979, lực lượng phi hoạt động ráo riết ở vùng này. Chúng thành lập các đại đội và tiểu đoàn rải khắp biên giới mà núi Sư Tử được coi là đại bản doanh. Được sự đào tạo, trang bị và nuôi dưỡng của các thế lực thù địch ở nước ngoài, tháng 2-1979, phi đã chiếm hoàn toàn núi Sư Tử. Chỉ một thời gian ngắn sau, đỉnh Săm Pun cũng rơi vào tay chúng. Toàn bộ những làng bản quanh đó trở thành nơi trú ngụ của phi. Lực lượng phi ở đây được trang bị vũ khí khá hiện đại do Lý Nhà Nùng là tiểu đoàn trưởng phi tự phong chỉ huy. Cũng thời gian này (tháng 3-1979) Phạm Nhất Nguyên được điều lên đồn Săm Pun, cùng có mặt trên Săm Pun lúc này có cả trung úy Nguyễn Xuân Hồng (hiện nay là đại tá, chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng Hà Giang). Là người Kinh nhưng chàng trai trẻ Phạm Nhất Nguyên lại rất giỏi tiếng Mông. Và anh cũng là người hiểu rất rõ cách thức ăn ở, hoạt động của phi ở Đồng Văn. Những trận đánh ác liệt liên tục diễn ra. Trên Săm Pun không ngày nào ngớt tiếng súng. Tất cả các đợt truy kích của ta chưa giành được thắng lợi, thương vong khá lớn. Cả ta và phi đều cố gắng giữ những phần đất còn lại.

Tháng 3-1982, nhận chỉ thị của cấp trên, ban chỉ huy đồn hợp quyết định mở chuyên án lớn truy quét phi. Nếu ta không lấy được Săm Pun thì không thể quản lý được những phần đất rộng lớn trong khu vực. Phạm Nhất Nguyên được bổ nhiệm làm đội trưởng đội trinh sát. Những đợt truy quét tiếp theo cũng không giành được thắng lợi. Lực lượng của ta phải lùi ra khá xa để đóng quân, tránh những đợt tập kích của kẻ thù. Nhiệm vụ lúc này là giữ cho được đất và dân còn lại, không cho phi mở rộng căn cứ. Phi là loại giặc vô cùng nguy hiểm, thoát ẩn thoát hiện và đặc biệt có tài bắn tỉa. Chúng leo cây, leo núi nhanh như khỉ và khả năng nguy trang trên cây rất biến hóa. Lần đánh nhau tay bo với phi là một trong những kỷ niệm đáng nhớ của anh. Đó là thời điểm tháng 5-1982. Trong một lần cải trang thành người dân đi vào làng, anh đã gặp một người cao to đang chạy thoăn thoắt sang bên kia biên giới. Phạm Nhất Nguyên quát "đứng lại". Bất ngờ tên phi rút dao quắm lao thẳng vào anh. Anh nhanh chóng tránh được lưỡi dao. Sau hai động tác vỗ điều luyện của người lính trinh sát, anh đá văng con dao trên tay tên phi và quật hấn xuống. Đúng lúc đó đồng đội kịp thời hỗ trợ. Tên phi cùng với 3kg thuốc phiện quấn quanh người đã được áp giải về đồn.

Lá thư của trùm phi

Sau những đợt phản công quy mô chưa giành được thắng lợi, ta chuyển sang đánh nhỏ lẻ. Những đợt tập kích chớp nhoáng trong đêm do Phạm Nhất Nguyên chỉ huy đã trở thành nỗi kinh hoàng của phi, khiến cho chúng lúc nào cũng nơm nớp lo sợ. Lực lượng phi được hỗ trợ từ phía sau bằng pháo tọa độ rất chính xác. Bộ đội của ta phải ăn ở dưới

hầm, không được nấu cơm mà chỉ ăn lương khô để tránh khói. Nhiều bữa anh em phải ăn củ rừng chờ tiếp tế. Phạm Nhất Nguyên trở thành cái gai trong mắt bọn phi.

Để tiếp cận được Phạm Nhất Nguyên, trùm phi là Lý Sơ Mua đã bày ra mẹo lừa bằng cách viết thư cho anh. Trong bức thư Mua viết có đoạn: *"Ngày 16-2-1982. Gửi anh Ngân (tên thật của anh là Nguyễn) cán bộ đồn Săm Pun. Sớm mai hẹn gặp anh ở mốc 19 lúc 9 giờ sáng"*. (Bức thư này hiện còn giữ ở bảo tàng Biên phòng Hà Giang). Sau khi nhận được bức thư, anh em trong đồn đã họp và nhận định đây là thủ đoạn giả của phi. Cùng lúc đó, nguồn tin do trinh sát của ta báo về cho biết, Lý Sơ Mua đã bày binh bố trận rất kỹ để tiêu diệt Phạm Nhất Nguyên. Ban chỉ huy đồn quyết định giao cho Phạm Nhất Nguyên và 15 chiến sĩ trong đội trinh sát vượt rừng núi trong đêm để tiếp cận mục tiêu. Lực lượng còn lại đã sẵn sàng yểm trợ. Đúng như nhận định của ta, Lý Sơ Mua có đến nhưng dẫn theo hơn 100 quân phục kích cách đó không xa. Hấn ung dung bước tới cột mốc 19, mất đảo điên, chốc chốc lại liếc nhìn đồng hồ. Giờ hẹn đã đến, bất ngờ hai loạt mìn liên tiếp nổ và Lý Sơ Mua mất mạng tại trận. Lực lượng phi còn lại nháo nhác như rắn mất đầu. Một số chạy được về bên kia biên giới, số còn lại bị tiêu diệt. Chưa một giờ sau, pháo của địch bắn sang dữ dội.

"Anh vẫn như ngày nào..."

Tôi gặp anh vào một buổi trưa cuối xuân 2006, những hạt mưa rơi mãi không tạnh, khiến cho trời Hà Giang vốn đã lạnh lại càng lạnh hơn. Anh đưa tôi chén nước chè mới rót, những cọng chè đang xoay tròn theo vòng nước. Anh lại trầm ngâm: *"Tôi nhập ngũ tháng 3-1979 rồi lên Săm Pun ngay, cho tới khi về nghỉ là ở đó tròn 10 năm. 10 năm, quãng thời gian không dài với một đời người, nhưng 10 năm sống ở nơi rừng sâu, núi cao, thiếu thốn mọi thứ, lúc nào cũng căng thẳng để làm sao giữ được đất, được dân trước âm mưu của kẻ thù thì quả thực đó là quãng thời gian không ngắn"*.

Năm 1991, Phạm Nhất Nguyên xuất ngũ trở về làm bảo vệ Trung tâm văn hóa tỉnh Hà Giang. Đồng lương người bảo vệ ít ỏi nhưng anh vẫn dành dụm hàng năm lên thăm lại Săm Pun, nơi anh đã để lại cả thời trai trẻ. Đã sắp bước sang cái tuổi "tri thiên mệnh", nhưng gia đình anh vẫn sống trong một căn nhà tranh tre ọp ẹp. Vợ anh, chị Nguyễn Thị Quy cũng là bộ đội phục viên, ngày ngày đi chợ bán rau quả. *"Cũng chỉ đủ ăn thôi anh ạ, cuộc sống ở vùng cao còn vất vả lắm. Nhưng với tôi, quý giá nhất là những tháng ngày cống hiến trên đồn Săm Pun"*. Quả thực, những tấm bằng khen, giấy khen anh treo trang trọng trên tường là bằng chứng những điều quý giá nhất đời anh. Tôi cũng được biết những đồng đội cùng chiến đấu với anh trên đỉnh Săm Pun vừa có cuộc gặp gỡ đầy ý nghĩa trong ngày kỷ niệm bộ đội biên phòng (3-3) tại Hà Giang. Họ cùng nhau ôn lại quá khứ khi người còn người mất, có người đang làm chỉ huy trưởng bộ đội biên phòng Hà Giang. Người lính Phạm Nhất Nguyên năm xưa giờ vẫn giữ được những phẩm chất cao quý của mình, không một chút so bì tính toán.